

Số: 1538/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 22 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2023
cho các thí sinh sử dụng kết quả kì thi tốt nghiệp THPT

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2023 TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ đề án tuyển sinh năm 2023 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ biên bản họp hội đồng tuyển sinh ngày 22/8/2023 về việc thông qua kết quả xét tuyển đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2023 của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2023 cho **1157** thí sinh sử dụng kết quả kì thi tốt nghiệp THPT gồm:

- 174 thí sinh trúng tuyển ngành Y khoa (A);
- 346 thí sinh trúng tuyển ngành Y khoa (B);
- 30 thí sinh trúng tuyển ngành Y học dự phòng;
- 89 thí sinh trúng tuyển ngành Y học cổ truyền;
- 67 thí sinh trúng tuyển ngành Dược học (A);
- 68 thí sinh trúng tuyển ngành Dược học (B);
- 35 thí sinh trúng tuyển ngành Dược học (D);
- 172 thí sinh trúng tuyển ngành Điều dưỡng;
- 86 thí sinh trúng tuyển ngành Răng - Hàm - Mặt;
- 90 thí sinh trúng tuyển ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học.

(Có danh sách trúng tuyển kèm theo)

Điều 2. Giao phòng Quản lý Đào tạo Đại học làm các thủ tục cần thiết để triệu tập các thí sinh trúng tuyển về nhập học và tổ chức đào tạo.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các phòng: Quản lý Đào tạo Đại học, Tài chính Kế toán, Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và các thí sinh có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, QLĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PGS.TS Nguyễn Văn Khải

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2023
(PHƯƠNG THỨC XÉT KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP THPT)

(Kèm theo quyết định số: 1538 /QĐ-YDHP ngày 22 tháng 8 năm 2023 Vv công nhận trúng tuyển đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2023
cho các thí sinh sử dụng kết quả kì thi tốt nghiệp THPT)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1	26018867	BÙI THỊ AN	16/12/2005	034305014818	100	A00	TO	8.6	LI	7.25	HO	8.5		2NT	2	24.73	7720101A	Y khoa (A)
2	26008158	NGUYỄN THU AN	20/03/2005	034305006601	100	A00	TO	8.6	LI	8.5	HO	8		2NT	5	25.43	7720101A	Y khoa (A)
3	25008706	VŨ THÀNH AN	27/11/2005	036205004953	100	A00	TO	8.2	LI	8.25	HO	8		2NT	3	24.82	7720101A	Y khoa (A)
4	17008360	ĐỖ HẢI ANH	16/12/2005	022305005099	100	A00	TO	8.2	LI	8.75	HO	9		2	2	26.09	7720101A	Y khoa (A)
5	01032223	ĐẶNG THẾ ANH	22/10/2005	001205017064	100	A00	TO	8.4	LI	8.25	HO	8.5		3	1	25.15	7720101A	Y khoa (A)
6	17011055	ĐẶNG THỊ MAI ANH	30/04/2004	022304005579	100	A00	TO	8.8	LI	9	HO	8.5		2	1	26.42	7720101A	Y khoa (A)
7	03008452	ĐẶNG TUẤN ANH	30/05/2005	031205006171	100	A00	TO	8.2	LI	7.75	HO	8.5		2	2	24.64	7720101A	Y khoa (A)
8	21020442	ĐOÀN QUỐC ANH	05/10/2005	030205003832	100	A00	TO	8	LI	7.5	HO	9		2NT	2	24.87	7720101A	Y khoa (A)
9	08004526	NGÔ PHƯỢNG ANH	02/04/2005	010305007834	100	A00	TO	8.2	LI	8.5	HO	9		1	1	26.13	7720101A	Y khoa (A)
10	03013384	NGUYỄN HOÀNG VIỆT ANH	13/06/2003	031203001998	100	A00	TO	8.2	LI	8.25	HO	9.25			1	25.7	7720101A	Y khoa (A)
11	15010582	NGUYỄN MAI ANH	22/09/2005	025305009595	100	A00	TO	8.2	LI	7.75	HO	8.75		2NT	2	25.05	7720101A	Y khoa (A)
12	19016185	NGUYỄN THỊ LAN ANH	25/03/2005	027305009951	100	A00	TO	8	LI	8.5	HO	9.5		2NT	1	26.27	7720101A	Y khoa (A)
13	19002793	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	02/03/2005	027305005043	100	A00	TO	7.6	LI	8.5	HO	8.5		2	2	24.78	7720101A	Y khoa (A)
14	03003353	PHẠM ĐỨC ANH	19/04/2005	031205004471	100	A00	TO	8.8	LI	8.75	HO	7.75		2	1	25.46	7720101A	Y khoa (A)
15	28028357	PHẠM TUẤN ANH	29/08/2005	038205009546	100	A00	TO	9	LI	9.25	HO	8.75		2NT	1	27.2	7720101A	Y khoa (A)
16	22004332	TRẦN VŨ TUẤN ANH	02/02/2005	033205008077	100	A00	TO	9	LI	8.25	HO	8.75		2NT	1	26.27	7720101A	Y khoa (A)
17	23004476	NGUYỄN NGỌC ÁNH	29/12/2005	017305008197	100	A00	TO	7.4	LI	7.75	HO	7.5	01	1	5	25.35	7720101A	Y khoa (A)
18	26008957	NGUYỄN THỊ ÁNH	19/04/2003	034303005504	100	A00	TO	8.2	LI	6.75	HO	9.75			1	24.7	7720101A	Y khoa (A)
19	25008450	NGUYỄN THỊ ÁNH	01/04/2005	036305017796	100	A00	TO	7.6	LI	8	HO	8.75		2NT	1	24.73	7720101A	Y khoa (A)
20	19015499	TẶNG THỊ NGỌC ÁNH	08/03/2005	027305009362	100	A00	TO	9.6	LI	8.75	HO	9.25		2NT	1	27.76	7720101A	Y khoa (A)
21	01005794	NGUYỄN VĂN BẢNG	23/03/2005	036205002073	100	A00	TO	8.4	LI	8.5	HO	8.25		3	3	25.15	7720101A	Y khoa (A)
22	21018834	NGUYỄN ĐỨC BẢNG	19/11/2005	030205006375	100	A00	TO	8.6	LI	9	HO	8.25		2NT	3	26.13	7720101A	Y khoa (A)
23	16001313	HOÀNG BÌNH	11/07/2005	026205008334	100	A00	TO	8.2	LI	7.75	HO	8.25	04b	2	1	25.94	7720101A	Y khoa (A)
24	26018220	MAI NGỌC BÌNH	03/11/2005	034205011584	100	A00	TO	8.4	LI	8.5	HO	8.5		2NT	1	25.71	7720101A	Y khoa (A)
25	27002143	ĐINH THỊ CHÂM	31/01/2005	037305000226	100	A00	TO	8	LI	8.75	HO	8		2NT	1	25.1	7720101A	Y khoa (A)
26	01093588	NGUYỄN THÙY CHÂM	15/07/2005	001305034380	100	A00	TO	8	LI	9	HO	8		2	1	25.17	7720101A	Y khoa (A)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTƯ T	KVƯ T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
27	21010626	NGUYỄN THỊ LINH CHI	11/11/2005	030305000719	100	A00	TO	8	LI	8.25	HO	9.25		2	1	25.65	7720101A	Y khoa (A)
28	21012513	VŨ MAI CHI	27/11/2005	030305002362	100	A00	TO	8.8	LI	7.5	HO	9.25		2	1	27.7	7720101A	Y khoa (A)
29	62001075	SÙNG THỊ CU	19/07/2005	011305005205	100	A00	TO	7.4	LI	8.25	HO	8	01	1	1	25.98	7720101A	Y khoa (A)
30	07000859	NGUYỄN THỊ DIỄM	06/11/2005	012305000416	100	A00	TO	7.8	LI	8.25	HO	7.5	01	1	1	25.92	7720101A	Y khoa (A)
31	21016559	NGÔ VĂN DOANH	05/10/2005	030205008519	100	A00	TO	8	LI	8	HO	8.5		2NT	1	24.87	7720101A	Y khoa (A)
32	25015992	ĐINH TUẤN DU	10/06/2005	036205011013	100	A00	TO	8.4	LI	8.5	HO	8		2NT	1	25.24	7720101A	Y khoa (A)
33	03000030	NGUYỄN TIẾN DŨNG	01/02/2005	031205012758	100	A00	TO	8.2	LI	7.5	HO	9.25		2	3	25.12	7720101A	Y khoa (A)
34	22002257	TẠ KHÁNH DUY	17/03/2005	033205005850	100	A00	TO	8.4	LI	8.5	HO	8.75		2NT	2	25.94	7720101A	Y khoa (A)
35	19011925	CAO THỊ MỸ DUYÊN	11/10/2005	027305009041	100	A00	TO	8.2	LI	7.75	HO	9.25		2NT	2	25.52	7720101A	Y khoa (A)
36	40003469	NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG	04/03/2005	066305001207	100	A00	TO	8	LI	8.25	HO	8.25		1	1	25.05	7720101A	Y khoa (A)
37	22003615	VŨ NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	20/07/2005	033205002030	100	A00	TO	8.6	LI	8.75	HO	9		2NT	2	26.59	7720101A	Y khoa (A)
38	01073726	ĐỖ ĐỨC ĐẠI	16/02/2005	001205048405	100	A00	TO	8.6	LI	8.75	HO	8		2	1	25.51	7720101A	Y khoa (A)
39	22001701	TRẦN TIẾN ĐẠT	18/03/2005	033205007503	100	A00	TO	7.8	LI	8.25	HO	8.5		2NT	1	24.91	7720101A	Y khoa (A)
40	21021375	PHÙNG MINH ĐĂNG	03/02/2005	030205006020	100	A00	TO	8.8	LI	8.75	HO	8.75		2NT	3	26.55	7720101A	Y khoa (A)
41	03017591	NGUYỄN MẠNH ĐỨC	24/06/2005	031205001165	100	A00	TO	8.2	LI	8.25	HO	8.25		3	1	24.7	7720101A	Y khoa (A)
42	13000061	ĐỖ NGỌC GIANG	01/03/2005	015205001996	100	A00	TO	8.2	LI	7.75	HO	9		2	1	25.12	7720101A	Y khoa (A)
43	28017380	ĐỖ VIỆT GIÁP	16/04/2004	038204016708	100	A00	TO	8.6	LI	8.25	HO	8.5		2NT	1	25.66	7720101A	Y khoa (A)
44	21016615	LÊ MINH HẢI	09/09/2005	030205014263	100	A00	TO	8.8	LI	8	HO	8.75		2NT	3	25.85	7720101A	Y khoa (A)
45	01005552	NGUYỄN HOÀNG HẢI	19/12/2003	033203001691	100	A00	TO	8.8	LI	8.5	HO	8.25			2	25.55	7720101A	Y khoa (A)
46	21003475	NGUYỄN VĂN HẢI	21/11/2005	030205002484	100	A00	TO	8.6	LI	8.5	HO	8.25		2NT	1	25.66	7720101A	Y khoa (A)
47	03007467	ĐẶNG THỊ THANH HẢO	28/11/2005	031305012673	100	A00	TO	8	LI	8.5	HO	8.5		2	6	25.17	7720101A	Y khoa (A)
48	23005796	BÙI THỊ THÚY HẰNG	31/07/2005	017305009533	100	A00	TO	7.8	LI	7	HO	8.25	01	1	1	25.6	7720101A	Y khoa (A)
49	19008420	ĐINH THỊ THÚY HẰNG	27/12/2005	027305002629	100	A00	TO	8.2	LI	8.25	HO	8.25		2NT	2	25.05	7720101A	Y khoa (A)
50	18010083	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	02/11/2005	024305012093	100	A00	TO	8.4	LI	8.25	HO	8		2NT	1	25.01	7720101A	Y khoa (A)
51	01064300	TRẦN THỊ HẰNG	28/01/2005	001305031451	100	A00	TO	8.2	LI	7.75	HO	8.75		2	2	24.88	7720101A	Y khoa (A)
52	27002614	TRẦN THỊ HIỀN	22/04/2005	037305000510	100	A00	TO	8.6	LI	8.25	HO	8.25		2NT	3	25.43	7720101A	Y khoa (A)
53	01030283	PHẠM HỮU MINH HIỀN	16/08/2005	001205017427	100	A00	TO	9.4	LI	8	HO	8.75		3	3	26.15	7720101A	Y khoa (A)
54	22007418	PHẠM HỒNG HIỆP	13/12/2005	033205006116	100	A00	TO	8.2	LI	9	HO	8.25		2NT	1	25.75	7720101A	Y khoa (A)
55	23001418	BÙI THỊ HIỆU	15/01/2005	017305000594	100	A00	TO	7.8	LI	8.5	HO	7.75	01	1	3	26.23	7720101A	Y khoa (A)
56	16011257	NGUYỄN HỮU HIẾU	13/03/2005	026205010504	100	A00	TO	8.6	LI	9.75	HO	8		2NT	1	26.59	7720101A	Y khoa (A)
57	19011235	NGUYỄN MẬU HIẾU	29/03/2005	027205002297	100	A00	TO	7.8	LI	9.25	HO	9		2NT	1	26.31	7720101A	Y khoa (A)
58	03020809	NGUYỄN TRUNG HIẾU	05/03/2005	031205001563	100	A00	TO	9.4	LI	9.5	HO	9.25		3	1	28.15	7720101A	Y khoa (A)
59	19010046	NGUYỄN VĂN HÒA	10/08/2005	027205004024	100	A00	TO	7.8	LI	8.25	HO	8.25		2NT	1	24.68	7720101A	Y khoa (A)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
60	18017907	ONG THẾ VIỆT HÒA	01/12/2005	024205014479	100	A00	TO	8.6	LI	8	HO	8.25		2NT	2	25.19	7720101A	Y khoa (A)
61	19012065	NGUYỄN THU HOÀI	17/04/2005	027305003004	100	A00	TO	8.2	LI	8.25	HO	8.75		2NT	1	25.52	7720101A	Y khoa (A)
62	25016086	TRẦN THỊ THU HOÀI	15/08/2005	036305013753	100	A00	TO	8.2	LI	8.5	HO	8.25		2NT	1	25.29	7720101A	Y khoa (A)
63	30010081	LẠI THẾ HOÀNG	14/02/2005	042205000378	100	A00	TO	8	LI	8.75	HO	8.25		2NT	1	25.33	7720101A	Y khoa (A)
64	22003667	VŨ TIẾN HOÀNG	09/11/2005	033205001532	100	A00	TO	8.6	LI	8.5	HO	8.5		2NT	1	25.89	7720101A	Y khoa (A)
65	22004023	LÊ ĐỨC HÙNG	31/10/2005	033205008344	100	A00	TO	9.2	LI	8.75	HO	8.75		2NT	1	26.92	7720101A	Y khoa (A)
66	17006568	NGUYỄN THIÊN HÙNG	03/11/2005	022205000548	100	A00	TO	9	LI	8.5	HO	8.5		2	3	26.13	7720101A	Y khoa (A)
67	18014509	HỒ QUANG HUY	04/01/2005	024205014382	100	A00	TO	8.4	LI	7.75	HO	9.5		2NT	1	25.94	7720101A	Y khoa (A)
68	17007426	LƯU ĐỨC HUY	15/05/2005	022205001845	100	A00	TO	8.2	LI	8	HO	9		2	1	25.36	7720101A	Y khoa (A)
69	27003647	ĐẶNG KHÁNH HUYỀN	12/03/2005	037305000489	100	A00	TO	7.8	LI	8.5	HO	9		2	3	25.46	7720101A	Y khoa (A)
70	14001318	ĐOÀN PHƯƠNG HUYỀN	03/05/2005	014305001985	100	A00	TO	8.6	LI	8.25	HO	8.75		1	1	26.04	7720101A	Y khoa (A)
71	27004814	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	06/08/2005	037305000483	100	A00	TO	7.8	LI	8	HO	8.75		2	1	24.73	7720101A	Y khoa (A)
72	26008470	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	17/11/2005	034305006709	100	A00	TO	7.6	LI	8.25	HO	9		2NT	5	25.19	7720101A	Y khoa (A)
73	26011963	PHẠM QUANG HUYNH	24/06/2005	034205008781	100	A00	TO	8.8	LI	8.25	HO	7.75		2NT	4	25.15	7720101A	Y khoa (A)
74	01050337	LA TRUNG HÙNG	26/04/2005	001205024843	100	A00	TO	8.8	LI	8.5	HO	8.75		2	1	26.18	7720101A	Y khoa (A)
75	21005266	NGUYỄN TRẦN MẠNH HÙNG	03/01/2005	030205003113	100	A00	TO	9	LI	9.25	HO	9.25		2NT	1	27.67	7720101A	Y khoa (A)
76	16002596	NGUYỄN THÀNH HỮU	18/06/2005	026205006297	100	A00	TO	8.8	LI	8	HO	8		2NT	3	25.15	7720101A	Y khoa (A)
77	19009329	ĐỖ ĐỨC MINH KHẢI	03/01/2005	027205000335	100	A00	TO	8.4	LI	8.5	HO	9.25		2NT	1	26.41	7720101A	Y khoa (A)
78	01075002	ĐÀO HUY KHẢI	25/09/2005	001205005611	100	A00	TO	8.8	LI	8.5	HO	8.75		2	1	26.18	7720101A	Y khoa (A)
79	21008922	NGUYỄN MINH KHẢI	23/06/2005	030205004801	100	A00	TO	8.4	LI	7.75	HO	8.25		2NT	2	24.77	7720101A	Y khoa (A)
80	01003904	ĐỖ PHƯƠNG KHANH	25/03/2005	001305021814	100	A00	TO	7.8	LI	8.5	HO	8.5		3	1	24.8	7720101A	Y khoa (A)
81	15004701	NGUYỄN LÊ KHANH	10/11/2005	025305009238	100	A00	TO	8.2	LI	8.25	HO	8.25		2NT	4	25.05	7720101A	Y khoa (A)
82	50006138	PHAN CHÍ KHANH	06/09/2004	087204007912	100	A00	TO	8.2	LI	8.25	HO	9		2	1	25.6	7720101A	Y khoa (A)
83	03018164	LƯU ĐÌNH KIẾT	14/11/2005	031205017536	100	A00	TO	8	LI	8	HO	9		3	2	25	7720101A	Y khoa (A)
84	26006071	NGUYỄN TUẤN KIẾT	18/09/2005	034205000975	100	A00	TO	7.8	LI	9	HO	8.25		2NT	1	25.38	7720101A	Y khoa (A)
85	10008166	LƯƠNG VĂN KÍNH	13/07/2004	020204000900	100	A00	TO	7.6	LI	8.25	HO	8.5	01	1	2	26.42	7720101A	Y khoa (A)
86	03001593	LÊ HOÀNG TIẾN LÂM	04/11/2005	031205006519	100	A00	TO	8.6	LI	8.5	HO	8.25		2	1	25.51	7720101A	Y khoa (A)
87	06003948	NGUYỄN ĐAN LÊ	18/01/2005	004305001382	100	A00	TO	8	LI	7	HO	7.5	01	1	1	25.25	7720101A	Y khoa (A)
88	18008143	LÃ NHẬT LỆ	05/07/2005	024305008772	100	A00	TO	7	LI	8.5	HO	7.75	01	1	2	25.73	7720101A	Y khoa (A)
89	03010824	LÂM THỊ THU LIÊN	21/08/2005	031305011663	100	A00	TO	8.8	LI	7.75	HO	8.75		2	1	25.46	7720101A	Y khoa (A)
90	24005604	BẠCH THẢO LINH	02/09/2004	035304008712	100	A00	TO	8.8	LI	9	HO	9.25		2NT	1	27.25	7720101A	Y khoa (A)
91	19012917	DƯƠNG THỊ LINH	28/08/2005	027305005904	100	A00	TO	8	LI	8.25	HO	8		2NT	1	24.63	7720101A	Y khoa (A)
92	19012916	DƯƠNG THỊ LINH	21/08/2005	027305009695	100	A00	TO	7.8	LI	8.5	HO	9.75		2NT	1	26.31	7720101A	Y khoa (A)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU T	KVU T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
93	27007361	ĐỖ DIỆU LINH	07/08/2005	037305004585	100	A00	TO	8.8	LI	8.25	HO	7.75		2NT	3	25.15	7720101A	Y khoa (A)
94	21015017	NGHIÊM DIỆU LINH	21/11/2005	030305004823	100	A00	TO	8.6	LI	7.75	HO	8.5		2	2	25.02	7720101A	Y khoa (A)
95	19012198	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	01/01/2005	027305001567	100	A00	TO	7.8	LI	8.5	HO	8		2NT	1	24.68	7720101A	Y khoa (A)
96	22000189	NGUYỄN THÙY LINH	29/08/2005	033305002032	100	A00	TO	8.6	LI	7.75	HO	8.5		2	5	25.02	7720101A	Y khoa (A)
97	26006771	TRẦN KHÁNH LINH	21/11/2005	034305008406	100	A00	TO	8.4	LI	8	HO	8.5		2NT	1	25.24	7720101A	Y khoa (A)
98	21017349	ĐỖ HOÀNG LONG	19/12/2005	030205007205	100	A00	TO	8.4	LI	8.75	HO	8		2	5	25.31	7720101A	Y khoa (A)
99	19015810	NGUYỄN THÀNH LONG	22/02/2005	027205006383	100	A00	TO	8	LI	9	HO	8.25		2NT	1	25.57	7720101A	Y khoa (A)
100	01045408	TRỊNH XUÂN LONG	14/01/2005	001205022544	100	A00	TO	8.8	LI	8.5	HO	8		2	8	25.46	7720101A	Y khoa (A)
101	08000807	NGUYỄN THU LƯƠNG	26/05/2005	010305007610	100	A00	TO	8.4	LI	8.5	HO	8		1	2	25.41	7720101A	Y khoa (A)
102	18004949	LÊ HÙNG MẠNH	12/07/2005	024205013271	100	A00	TO	8.4	LI	8	HO	8.75		2NT	1	25.47	7720101A	Y khoa (A)
103	16006374	NGUYỄN DUY MẠNH	15/07/2005	026205004820	100	A00	TO	8	LI	8.5	HO	8.5	06a	2NT	1	26	7720101A	Y khoa (A)
104	21000313	VŨ ĐỨC MINH	21/02/2005	030205015261	100	A00	TO	9	LI	8	HO	8.25		2NT	4	25.57	7720101A	Y khoa (A)
105	22004108	NGUYỄN LÊ TRÀ MY	08/09/2005	033305009472	100	A00	TO	7.8	LI	8	HO	9		2NT	4	25.15	7720101A	Y khoa (A)
106	21020351	NGUYỄN HOÀI NAM	22/11/2005	030205005636	100	A00	TO	7.4	LI	8.75	HO	9		2NT	1	25.47	7720101A	Y khoa (A)
107	01089951	VƯƠNG PHƯƠNG NAM	30/01/2005	001205036684	100	A00	TO	8.6	LI	8.25	HO	8		2	1	25.02	7720101A	Y khoa (A)
108	01069179	NGUYỄN THỊ DIỆU NGÀ	01/12/2005	001305029936	100	A00	TO	8.8	LI	9.25	HO	8.75		2	3	26.91	7720101A	Y khoa (A)
109	19015875	PHẠM THỊ THÚY NGÀ	17/09/2005	027305010918	100	A00	TO	7.6	LI	8.25	HO	8.75		2NT	1	24.96	7720101A	Y khoa (A)
110	18005444	LỤC ĐÌNH NGHĨA	05/09/2005	024205005130	100	A00	TO	8	LI	7.75	HO	8	01	1	1	26.04	7720101A	Y khoa (A)
111	19000938	PHAN TRỌNG NGHĨA	09/08/2005	027205002451	100	A00	TO	8.6	LI	8	HO	8.75		2	1	25.51	7720101A	Y khoa (A)
112	28028614	LÊ XUÂN NGỌC	28/10/2005	038205025026	100	A00	TO	9.2	LI	7.75	HO	9.5		2NT	1	26.69	7720101A	Y khoa (A)
113	15013261	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	20/02/2005	025305002011	100	A00	TO	8.2	LI	9	HO	7.5		2NT	2	25.05	7720101A	Y khoa (A)
114	21001989	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	04/10/2005	030305003462	100	A00	TO	8	LI	8.75	HO	9		2NT	8	26.03	7720101A	Y khoa (A)
115	12006584	PHAN ĐĂNG HOÀNG NGỌC	06/07/2005	019205000654	100	A00	TO	8.4	LI	6	HO	8	01	2	1	24.65	7720101A	Y khoa (A)
116	26016169	TÔ ÁNH NGỌC	08/11/2005	034305002284	100	A00	TO	8.8	LI	7.75	HO	8.25		2NT	9	25.15	7720101A	Y khoa (A)
117	14011378	LÒ THẢO NGUYỄN	26/04/2005	014305000404	100	A00	TO	8.2	LI	7.75	HO	7.75	06a	2NT	1	24.96	7720101A	Y khoa (A)
118	01046403	NGÔ BÁCH KHÔI NGUYỄN	07/12/2005	025205000098	100	A00	TO	9	LI	8	HO	8.5		2	1	25.65	7720101A	Y khoa (A)
119	03015296	NGUYỄN QUỐC LÊ NGUYỄN	02/12/2005	031205005086	100	A00	TO	8.6	LI	7.75	HO	8.25		3	1	26.6	7720101A	Y khoa (A)
120	22014883	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	23/09/2005	033305001951	100	A00	TO	8.2	LI	9	HO	8		2NT	1	25.52	7720101A	Y khoa (A)
121	14007102	NGUYỄN TẮT KHÔI NGUYỄN	03/01/2005	014205005853	100	A00	TO	8.2	LI	7.75	HO	8	01	1	1	26.17	7720101A	Y khoa (A)
122	25001002	HOÀNG KIM MINH NHẬT	30/09/2005	036205017809	100	A00	TO	9	LI	8.25	HO	7.75		2	1	25.17	7720101A	Y khoa (A)
123	05000580	NGUYỄN HÀ NHI	06/10/2005	002305009426	100	A00	TO	8.2	LI	7.75	HO	8.25		1	1	24.78	7720101A	Y khoa (A)
124	21000350	NGUYỄN NGỌC BẢO NHI	09/11/2005	030305013592	100	A00	TO	9.4	LI	8.5	HO	9.25		2NT	1	27.34	7720101A	Y khoa (A)
125	14006409	LÊ HỒNG NHUNG	14/02/2004	014304001840	100	A00	TO	8	LI	8	HO	8.25		1	1	24.83	7720101A	Y khoa (A)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
126	25018412	TRỊNH NGỌC PHÚ	08/06/2005	036205014275	100	A00	TO	7.8	LI	8.5	HO	8.5		2NT	2	25.15	7720101A	Y khoa (A)
127	19008758	VŨ MINH PHÚC	23/07/2005	027305000257	100	A00	TO	8	LI	8.5	HO	8.25		2NT	1	25.1	7720101A	Y khoa (A)
128	03021184	VŨ TRUNG PHÚC	13/12/2005	031205006524	100	A00	TO	7.8	LI	8.5	HO	8.5		3	1	24.8	7720101A	Y khoa (A)
129	23005958	BÙI MINH PHƯƠNG	22/11/2005	017305006481	100	A00	TO	8.2	LI	8.75	HO	8	01	1	1	26.8	7720101A	Y khoa (A)
130	23001550	BÙI ANH QUÂN	04/06/2005	017205000502	100	A00	TO	7.8	LI	8.25	HO	8.5	01	1	2	26.55	7720101A	Y khoa (A)
131	21005495	NGUYỄN TRỌNG MINH QUÂN	12/06/2005	030205004908	100	A00	TO	8.4	LI	8.25	HO	7.75		2NT	1	24.77	7720101A	Y khoa (A)
132	43005240	DƯƠNG QUANG QUÍ	09/01/2004	026204000106	100	A00	TO	8.4	LI	7.5	HO	8.25		1	2	24.74	7720101A	Y khoa (A)
133	48021976	LÊ THỊ THẢO QUYÊN	12/10/2005	075305020672	100	A00	TO	8.4	LI	8.75	HO	8.25		2	2	25.55	7720101A	Y khoa (A)
134	17002736	ĐẶNG NHƯ QUỲNH	22/11/2005	022305003251	100	A00	TO	8.6	LI	7.5	HO	8.75		2NT	1	25.19	7720101A	Y khoa (A)
135	01095875	NGUYỄN DIỄM QUỲNH	01/10/2005	001305031526	100	A00	TO	8.2	LI	8.75	HO	8.75		2	2	25.84	7720101A	Y khoa (A)
136	21015210	ĐỖ TRƯỜNG SƠN	27/11/2005	030205003170	100	A00	TO	8.8	LI	8.25	HO	8.5		2	1	25.7	7720101A	Y khoa (A)
137	29028418	ĐÀO PHÚC SƠN	18/11/2005	040205019605	100	A00	TO	8.6	LI	9	HO	7.75		2NT	1	25.66	7720101A	Y khoa (A)
138	25017761	NGUYỄN MINH TÂN	11/06/2005	036205013200	100	A00	TO	8.6	LI	8.75	HO	8.5		2NT	1	26.13	7720101A	Y khoa (A)
139	03001911	NGUYỄN MINH THÁI	22/03/2005	031205003947	100	A00	TO	8.8	LI	8	HO	8.5		2	1	25.46	7720101A	Y khoa (A)
140	21021798	NGUYỄN VĂN THAO	31/03/2004	030204007477	100	A00	TO	8	LI	8	HO	8.5		2NT	1	24.87	7720101A	Y khoa (A)
141	19004219	LÊ THỊ THẢO	07/09/2005	027305006748	100	A00	TO	8.2	LI	8.25	HO	8		2NT	2	24.82	7720101A	Y khoa (A)
142	17002886	TRẠC THỊ PHƯƠNG THẢO	02/11/2005	022305004287	100	A00	TO	8	LI	7.5	HO	7.5	01	1	1	25.57	7720101A	Y khoa (A)
143	01037816	NGUYỄN CÔNG THẮNG	13/12/2005	001205021332	100	A00	TO	7.6	LI	8.75	HO	8.25		2	1	24.78	7720101A	Y khoa (A)
144	21005572	ĐÀO THỊ THỦY	12/03/2005	030305013879	100	A00	TO	9	LI	8.25	HO	9		2NT	1	26.5	7720101A	Y khoa (A)
145	03006811	NGUYỄN THỊ THU THỦY	28/10/2005	031305001018	100	A00	TO	8.2	LI	8	HO	9		2	2	25.36	7720101A	Y khoa (A)
146	06001356	HOÀNG THỊ ANH THU	13/06/2005	004305000809	100	A00	TO	7.6	LI	7.75	HO	7.25	01	1	3	25.31	7720101A	Y khoa (A)
147	25006582	PHẠM THẾ TIẾN	26/09/2005	036205009002	100	A00	TO	8.4	LI	8.5	HO	7.5		2NT	2	24.77	7720101A	Y khoa (A)
148	25005268	TRẦN HƯƠNG TRÀ	06/03/2005	036305007335	100	A00	TO	8.6	LI	8.25	HO	9		2NT	1	26.13	7720101A	Y khoa (A)
149	24005832	BẠCH THỊ THU TRANG	24/07/2005	035305001883	100	A00	TO	7.6	LI	8.5	HO	8.5		2NT	1	24.96	7720101A	Y khoa (A)
150	24002473	NGUYỄN THU TRANG	29/09/2005	035305005298	100	A00	TO	8.6	LI	8.5	HO	7.75		2NT	7	25.19	7720101A	Y khoa (A)
151	21000462	NGUYỄN THU TRANG	29/10/2004	030304010898	100	A00	TO	8.4	LI	9.25	HO	7.5		2NT	1	25.47	7720101A	Y khoa (A)
152	26015685	PHẠM THU TRANG	26/02/2005	034305005152	100	A00	TO	9	LI	7.75	HO	7.75		2NT	9	24.87	7720101A	Y khoa (A)
153	30005288	TRẦN ĐỨC TRUNG	20/09/2005	042205000905	100	A00	TO	8.4	LI	8.75	HO	8.75		2	1	26.04	7720101A	Y khoa (A)
154	03019013	TRẦN THÀNH TRUNG	16/12/2005	031205001251	100	A00	TO	8.6	LI	8	HO	8.75		3	1	26.35	7720101A	Y khoa (A)
155	03016550	VŨ ĐÌNH TRUNG	07/02/2005	031205001818	100	A00	TO	9	LI	7.75	HO	9		3	1	25.75	7720101A	Y khoa (A)
156	21020136	HOÀNG NAM TRƯỜNG	20/02/2002	030202008753	100	A00	TO	8.2	LI	8.5	HO	9			1	25.7	7720101A	Y khoa (A)
157	26015297	LÊ ĐỨC QUÂN TRƯỜNG	27/05/2005	034205006073	100	A00	TO	8.4	LI	8.5	HO	8.25		2NT	1	25.47	7720101A	Y khoa (A)
158	21015307	PHẠM QUANG TRƯỜNG	29/07/2005	030205003102	100	A00	TO	9.4	LI	8.25	HO	8.25		2	1	26.04	7720101A	Y khoa (A)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
159	03019030	VŨ ANH TỬ	01/09/2005	031205017856	100	A00	TO	9	LI	8	HO	8.25		3	1	25.25	7720101A	Y khoa (A)
160	25004732	ĐƯƠNG QUỐC TUẤN	12/03/2005	036205005790	100	A00	TO	8	LI	8	HO	8.75		2NT	2	25.1	7720101A	Y khoa (A)
161	03002457	ĐÔNG MINH TUẤN	01/02/2005	031205005633	100	A00	TO	9.2	LI	9	HO	9		2	1	27.29	7720101A	Y khoa (A)
162	30004135	LÊ ĐỨC ANH TUẤN	03/01/2005	042205009301	100	A00	TO	8.2	LI	8.5	HO	8.5		2NT	2	25.52	7720101A	Y khoa (A)
163	27010034	PHẠM HOÀNG ANH TUẤN	01/05/2005	037205002891	100	A00	TO	8	LI	9	HO	8.5		2NT	1	25.8	7720101A	Y khoa (A)
164	28029448	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	01/10/2005	038205017606	100	A00	TO	8.6	LI	8.25	HO	8.5		2NT	2	25.66	7720101A	Y khoa (A)
165	28028788	NGUYỄN VĂN TUYÊN	19/01/2005	038205008167	100	A00	TO	7.8	LI	8	HO	9.25		2NT	1	25.38	7720101A	Y khoa (A)
166	26012234	NGUYỄN THỊ VÂN	31/03/2005	034305008775	100	A00	TO	8.4	LI	8.75	HO	8.5		2NT	1	25.94	7720101A	Y khoa (A)
167	29006825	LÔ ĐIỀU VI	01/04/2005	040305001599	100	A00	TO	7	LI	8	HO	8	01	1	3	25.57	7720101A	Y khoa (A)
168	16006635	NGUYỄN QUANG VINH	12/09/2005	026205003626	100	A00	TO	8.8	LI	9	HO	8		2NT	1	26.08	7720101A	Y khoa (A)
169	01035020	VŨ THÊ VINH	11/11/2005	001205027865	100	A00	TO	8.6	LI	8	HO	8.75		3	1	25.35	7720101A	Y khoa (A)
170	08000457	NGUYỄN ĐỨC VŨ	05/11/2005	010205008557	100	A00	TO	8.4	LI	9	HO	7.5		1	1	25.41	7720101A	Y khoa (A)
171	09003148	NGUYỄN THỊ XUÂN	10/01/2005	008305001134	100	A00	TO	7.2	LI	7.5	HO	8.75	01	1	1	25.85	7720101A	Y khoa (A)
172	22006227	NGUYỄN THỊ YẾN	07/07/2005	033305002154	100	A00	TO	7.6	LI	9	HO	8		2NT	1	24.96	7720101A	Y khoa (A)
173	03021348	TRỊNH HẢI YẾN	10/06/2005	031305002496	100	A00	TO	8.6	LI	8.5	HO	8.5		3	1	25.6	7720101A	Y khoa (A)
174	25019261	VŨ THỊ HẢI YẾN	22/12/2005	036305017995	100	A00	TO	8.6	LI	8.5	HO	8.5		2NT	1	25.89	7720101A	Y khoa (A)
175	21000002	ĐỖ DUY AN	23/03/2005	030205011860	100	B00	TO	7.6	HO	9	SI	9.25		2NT	2	26.13	7720101B	Y khoa (B)
176	01002930	BÙI TÚ ANH	28/08/2005	001305005909	100	B00	TO	8	HO	9.25	SI	8.75		3	1	26	7720101B	Y khoa (B)
177	21015357	ĐỖ NHẬT ANH	07/10/2005	030305007104	100	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	8.5		2NT	1	26.31	7720101B	Y khoa (B)
178	03013298	ĐÀM VŨ HẢI ANH	05/10/2005	031305004781	100	B00	TO	8.4	HO	9	SI	9.5		3	1	26.9	7720101B	Y khoa (B)
179	22003562	ĐẶNG VÂN ANH	25/09/2003	033303003219	100	B00	TO	8.6	HO	9	SI	8.5			1	26.1	7720101B	Y khoa (B)
180	21012438	HÀ ĐỨC ANH	28/12/2005	030205019685	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	8.75		2	2	27.6	7720101B	Y khoa (B)
181	18005235	HÀ THỊ LAN ANH	30/12/2005	024305008010	100	B00	TO	8	HO	9	SI	9		1	2	26.4	7720101B	Y khoa (B)
182	01013078	HOÀNG BẢO ANH	03/06/2005	001205003515	100	B00	TO	8.4	HO	7.75	SI	9.25		3	2	25.4	7720101B	Y khoa (B)
183	01028718	HOÀNG HUY ANH	28/03/2005	001205001325	100	B00	TO	8	HO	9	SI	9.25		3	1	26.25	7720101B	Y khoa (B)
184	14011658	LƯƠNG THÊ ANH	08/01/2005	033205013283	100	B00	TO	9	HO	9.25	SI	9.25		2	2	27.58	7720101B	Y khoa (B)
185	14001201	LÝ THỊ VÂN ANH	12/03/2005	014305002149	100	B00	TO	7.4	HO	7.25	SI	8.75	01	1	1	25.82	7720101B	Y khoa (B)
186	21009725	MẠC HOÀNG ĐỨC ANH	24/12/2005	030205019412	100	B00	TO	8.6	HO	8.75	SI	8.25		2NT	1	25.89	7720101B	Y khoa (B)
187	21008595	MẠC THỊ HOÀNG ANH	27/09/2005	030305000179	100	B00	TO	8.6	HO	9	SI	8.25		2NT	1	26.13	7720101B	Y khoa (B)
188	01052887	NGUYỄN MINH ANH	14/10/2000	187920006	100	B00	TO	8	HO	8.25	SI	9.25			5	25.5	7720101B	Y khoa (B)
189	15008010	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	11/11/2005	025305000483	100	B00	TO	8.6	HO	8	SI	8.5		2NT	1	25.43	7720101B	Y khoa (B)
190	19002493	NGUYỄN TỔ ANH	22/06/2005	027305007449	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	9		2	1	25.84	7720101B	Y khoa (B)
191	19014801	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	16/10/2005	027305010980	100	B00	TO	8	HO	8.25	SI	9.5		2NT	1	26.03	7720101B	Y khoa (B)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
192	25005375	NINH THỊ NGỌC ANH	29/08/2005	036305013833	100	B00	TO	9.2	HO	9	SI	9.25		2NT	2	27.62	7720101B	Y khoa (B)
193	17007143	PHẠM BÙI DUY ANH	14/01/2005	022205002556	100	B00	TO	7.8	HO	9	SI	8.75		2	2	25.7	7720101B	Y khoa (B)
194	01028966	PHẠM QUỐC ANH	28/02/2005	001205000912	100	B00	TO	8.8	HO	9	SI	9.25		3	2	27.05	7720101B	Y khoa (B)
195	01042248	TRẦN NGỌC TUẤN ANH	17/07/2005	001205011058	100	B00	TO	8	HO	9	SI	8.5		2	3	25.65	7720101B	Y khoa (B)
196	28028852	TRƯƠNG MINH ANH	01/10/2005	038305009221	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	8.5		2NT	2	25.52	7720101B	Y khoa (B)
197	25017236	VŨ BÙI QUÂN ANH	28/10/2005	036205013426	100	B00	TO	8.6	HO	8.75	SI	8		2NT	2	25.66	7720101B	Y khoa (B)
198	17014492	VŨ KIM ANH	21/10/2005	022305002085	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	8.5	06a	2	5	26.17	7720101B	Y khoa (B)
199	22008492	ĐỖ THỊ QUỲNH ÁNH	29/04/2005	033305004185	100	B00	TO	9	HO	9	SI	9		2NT	1	27.2	7720101B	Y khoa (B)
200	18006789	ĐỒNG THỊ ÁNH	09/12/2005	024305003773	100	B00	TO	7.6	HO	8	SI	9.5		2NT	2	25.43	7720101B	Y khoa (B)
201	03021525	HÀ MINH ÁNH	04/12/2005	031305014818	100	B00	TO	8.8	HO	8.25	SI	8.5		2	1	25.7	7720101B	Y khoa (B)
202	03013507	LÊ DIỆU ÁNH	05/02/2005	031305005322	100	B00	TO	8.4	HO	9	SI	9.25		3	2	26.65	7720101B	Y khoa (B)
203	22007956	NGUYỄN NGỌC ÁNH	15/11/2004	033304005310	100	B00	TO	9	HO	9	SI	8.25		2NT	2	26.5	7720101B	Y khoa (B)
204	18018238	NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH	17/04/2005	024305012762	100	B00	TO	8.8	HO	9	SI	9.25	06a	2	1	27.54	7720101B	Y khoa (B)
205	18003341	NGUYỄN THỊ KIM ÁNH	05/11/2005	024305008598	100	B00	TO	7.8	HO	8.75	SI	9.75		1	3	26.67	7720101B	Y khoa (B)
206	25017253	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	26/08/2005	036305016568	100	B00	TO	8.4	HO	9	SI	9.25		2NT	1	26.87	7720101B	Y khoa (B)
207	38007755	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	21/10/2005	064305012261	100	B00	TO	8.8	HO	9	SI	9		1	1	27.12	7720101B	Y khoa (B)
208	16007534	TẠ HOÀNG ÂN	17/10/2005	026205007941	100	B00	TO	9.4	HO	9.25	SI	8.5		2NT	2	27.34	7720101B	Y khoa (B)
209	01009695	MAI XUÂN BÁCH	23/08/2005	001205013255	100	B00	TO	7.6	HO	8.25	SI	9		3	2	26.85	7720101B	Y khoa (B)
210	01022819	NGUYỄN HÀ BÁCH	29/01/2005	025205007700	100	B00	TO	9	HO	8.5	SI	9		3	7	26.5	7720101B	Y khoa (B)
211	17008929	ĐỖ ĐỨC BÌNH	08/04/2005	022205005736	100	B00	TO	8.2	HO	8.75	SI	8.25		2	2	25.36	7720101B	Y khoa (B)
212	16011932	NGUYỄN GIA BÌNH	21/07/2005	026205003558	100	B00	TO	8.8	HO	8.25	SI	8.5		2	3	25.7	7720101B	Y khoa (B)
213	03013559	TRƯƠNG THANH BÌNH	14/10/2005	031205002347	100	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	9		3	1	26.1	7720101B	Y khoa (B)
214	18001026	VY THỊ CHÂM	14/01/2005	024305005860	100	B00	TO	8	HO	8	SI	9	01	1	1	26.83	7720101B	Y khoa (B)
215	22004350	HOÀNG MAI CHI	16/08/2005	033305011848	100	B00	TO	8.6	HO	8.25	SI	9.25		2NT	3	26.36	7720101B	Y khoa (B)
216	27000494	NGUYỄN VĂN CHÍ	19/01/2005	037205003298	100	B00	TO	8.6	HO	8.75	SI	8.5		2NT	1	26.13	7720101B	Y khoa (B)
217	18003002	GIÁP VĂN CHIẾN	02/07/2003	122407911	100	B00	TO	8	HO	9	SI	9.5			2	26.5	7720101B	Y khoa (B)
218	28028877	NGUYỄN VĂN CHIẾN	10/08/2005	038205026122	100	B00	TO	8.8	HO	7.75	SI	8.5		2NT	4	25.38	7720101B	Y khoa (B)
219	28032078	NGUYỄN VĂN CHIẾN	10/05/2005	038205014174	100	B00	TO	7.8	HO	9.5	SI	8.5		2	2	25.94	7720101B	Y khoa (B)
220	26006482	BÙI MINH CHÍNH	13/03/2005	034205007940	100	B00	TO	8.6	HO	8	SI	7.75	06b	2NT	2	25.48	7720101B	Y khoa (B)
221	17008948	NGUYỄN THÀNH CÔNG	19/02/2005	022205000092	100	B00	TO	8.6	HO	9	SI	8.5		2	1	26.23	7720101B	Y khoa (B)
222	19009875	NGUYỄN VĂN THÀNH CÔNG	12/05/2005	027205011871	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	8.75		2NT	1	25.75	7720101B	Y khoa (B)
223	22002242	TẠ THỊ CÚC	24/11/2005	033305004350	100	B00	TO	8.8	HO	8.25	SI	8.75		2NT	1	26.08	7720101B	Y khoa (B)
224	22001644	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	31/08/2005	033205006520	100	B00	TO	8	HO	8	SI	9.25		2NT	1	25.57	7720101B	Y khoa (B)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTƯ T	KVƯ T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
225	25015233	VŨ THÀNH DANH	02/09/2005	036205004799	100	B00	TO	8.2	HO	9.25	SI	7.75		2NT	2	25.52	7720101B	Y khoa (B)
226	01009822	LÊ NGỌC DIỆP	22/12/2005	001305010882	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	9.25		3	2	25.95	7720101B	Y khoa (B)
227	18018283	LÊ HOÀNG DIỆP ANH	29/08/2005	024305007350	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	9.25		2	2	26.09	7720101B	Y khoa (B)
228	17010459	PHAN NGỌC DUNG	16/10/2005	022305005938	100	B00	TO	8.2	HO	9.25	SI	9.5		2	2	27.05	7720101B	Y khoa (B)
229	15011045	TRẦN HOÀNG DUNG	15/08/2005	025305003259	100	B00	TO	8.4	HO	9.5	SI	9.25		2NT	2	27.34	7720101B	Y khoa (B)
230	22007307	CHU ĐÌNH DŨNG	26/02/2005	033205007310	100	B00	TO	8.6	HO	8.75	SI	8.25		2NT	1	25.89	7720101B	Y khoa (B)
231	03010203	NGUYỄN ANH DUY	01/05/2005	031205007829	100	B00	TO	8.8	HO	9	SI	9.25		2	1	27.15	7720101B	Y khoa (B)
232	01003420	NGUYỄN ĐỨC DUY	22/11/2005	001205028364	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	8.25		3	1	25.95	7720101B	Y khoa (B)
233	21014822	NGUYỄN QUỐC DUY	21/10/2005	030205002755	100	B00	TO	8.6	HO	8.75	SI	9.25		2	1	26.71	7720101B	Y khoa (B)
234	03000039	CAO THỊ DUYÊN	28/04/2005	031305011125	100	B00	TO	9	HO	8.75	SI	8.5		2	1	26.38	7720101B	Y khoa (B)
235	19014884	LÊ THỊ MỸ DUYÊN	23/11/2005	027305005596	100	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	8.25		2NT	1	26.08	7720101B	Y khoa (B)
236	28000920	NGUYỄN THỊ DUYÊN	04/12/2005	038305002931	100	B00	TO	7.8	HO	8.25	SI	9.5		2	2	25.7	7720101B	Y khoa (B)
237	26002554	NGUYỄN THỊ DUYÊN	27/05/2005	038305003192	100	B00	TO	8.4	HO	9	SI	8		2NT	2	25.71	7720101B	Y khoa (B)
238	21006957	NGUYỄN THỊ DUYÊN	09/11/2005	030305005767	100	B00	TO	8.8	HO	9	SI	9		2NT	2	27.01	7720101B	Y khoa (B)
239	16000098	CAO THỦY DƯƠNG	10/02/2005	026305002737	100	B00	TO	8.4	HO	9	SI	9		2	1	26.52	7720101B	Y khoa (B)
240	01005539	HÀ ANH DƯƠNG	29/01/2004	001204023662	100	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	9.5		3	3	26.6	7720101B	Y khoa (B)
241	18003444	LÊ HOÀNG DƯƠNG	28/05/2005	024205001592	100	B00	TO	8	HO	7.25	SI	8.25	01	1	2	25.88	7720101B	Y khoa (B)
242	21012560	NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG	30/09/2005	030205000220	100	B00	TO	8.4	HO	9.25	SI	8.5		2	3	26.28	7720101B	Y khoa (B)
243	01016874	NGUYỄN THỦY DƯƠNG	22/02/2005	036305001195	100	B00	TO	7.6	HO	8	SI	9.25		3	1	25.85	7720101B	Y khoa (B)
244	17015124	PHẠM ĐỨC DƯƠNG	06/02/2005	022205011554	100	B00	TO	8.4	HO	9	SI	9.5		2	1	27	7720101B	Y khoa (B)
245	26013548	PHẠM THỊ THỦY DƯƠNG	08/09/2005	034305006534	100	B00	TO	9	HO	8.5	SI	7.75		2NT	2	25.57	7720101B	Y khoa (B)
246	19008345	NGUYỄN GIA ĐẠİ	01/01/2005	027205002922	100	B00	TO	9	HO	8	SI	9		2NT	1	26.27	7720101B	Y khoa (B)
247	17002981	NGUYỄN TIẾN ĐẠİ	27/10/2005	022205003001	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	8.75	06a	2NT	3	26.36	7720101B	Y khoa (B)
248	03003484	PHẠM QUANG ĐẠİ	02/10/2005	031205006277	100	B00	TO	8.8	HO	8.25	SI	8.5		2	1	25.7	7720101B	Y khoa (B)
249	22000075	TRẦN THỊ ĐÀO	29/04/2005	033305003914	100	B00	TO	8	HO	7.75	SI	9.5		2	1	25.41	7720101B	Y khoa (B)
250	22002266	CAO TIẾN ĐẠT	29/03/2005	033205005856	100	B00	TO	8.6	HO	9	SI	9		2NT	1	26.83	7720101B	Y khoa (B)
251	03013796	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	09/07/2003	031203005845	100	B00	TO	8	HO	9	SI	9.5			3	26.5	7720101B	Y khoa (B)
252	15010645	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	10/12/2005	025205006938	100	B00	TO	9.6	HO	8	SI	8		2NT	2	25.89	7720101B	Y khoa (B)
253	19011208	LÊ VĂN ĐẮC	19/08/2005	027205005884	100	B00	TO	8.2	HO	8	SI	9.5		2NT	1	25.99	7720101B	Y khoa (B)
254	21001129	PHẠM MINH ĐOAN	08/01/2005	030205008626	100	B00	TO	8.4	HO	9	SI	8.5		2NT	3	26.17	7720101B	Y khoa (B)
255	26002572	PHẠM HỮU ĐOÀN	26/12/2005	034205007324	100	B00	TO	8.4	HO	8.25	SI	8.5		2NT	3	25.47	7720101B	Y khoa (B)
256	03014097	HOÀNG MINH ĐỨC	03/06/2005	031205007276	100	B00	TO	8.4	HO	8.25	SI	8.75		3	2	27.4	7720101B	Y khoa (B)
257	16007623	NGUYỄN VŨ ANH ĐỨC	03/10/2005	026205007951	100	B00	TO	7.6	HO	9.5	SI	9.25		2NT	2	26.59	7720101B	Y khoa (B)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU T	KVU T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
258	19001935	TRẦN ANH ĐỨC	01/04/2005	027205002751	100	B00	TO	8	HO	9.25	SI	9		2	3	26.38	7720101B	Y khoa (B)
259	19005784	TRẦN CÔNG MINH ĐỨC	24/11/2005	027205001039	100	B00	TO	8.8	HO	8	SI	8.75		2	1	25.7	7720101B	Y khoa (B)
260	01013729	TRẦN HỒNG ĐỨC	23/09/2005	001205013789	100	B00	TO	8.8	HO	9.75	SI	8.25		3	1	26.8	7720101B	Y khoa (B)
261	01088786	VƯƠNG HỒNG ĐỨC	21/03/2005	001205035894	100	B00	TO	9	HO	8.5	SI	8.75		2	1	26.38	7720101B	Y khoa (B)
262	16006723	HÀ THỊ GIANG	02/10/2005	026305009652	100	B00	TO	8.2	HO	8.75	SI	8.75		2NT	1	25.99	7720101B	Y khoa (B)
263	19005790	NGHI THỊ TRÀ GIANG	25/03/2005	027305005652	100	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	8.5		2	1	25.8	7720101B	Y khoa (B)
264	03012773	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	30/11/2005	031305005162	100	B00	TO	8.6	HO	8.75	SI	9.5		3	2	26.85	7720101B	Y khoa (B)
265	17010499	NGUYỄN PHƯƠNG GIANG	25/11/2005	022305011644	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	9.25		2	3	26.09	7720101B	Y khoa (B)
266	03014151	PHẠM HƯƠNG GIANG	10/06/2005	031305001348	100	B00	TO	8	HO	9.25	SI	8.5		3	4	25.75	7720101B	Y khoa (B)
267	25000150	NGUYỄN QUỲNH GIAO	09/11/2005	036305014751	100	B00	TO	8	HO	8.25	SI	9.25		2	2	25.65	7720101B	Y khoa (B)
268	22000097	ĐÀO THỊ THU HÀ	15/08/2005	033305000166	100	B00	TO	8	HO	8	SI	9.5		2	2	25.65	7720101B	Y khoa (B)
269	19011999	NGUYỄN THỊ THU HÀ	28/08/2005	027305002963	100	B00	TO	9	HO	8.25	SI	8.5		2NT	3	26.03	7720101B	Y khoa (B)
270	18003518	HOÀNG ĐÔNG HẢI	17/12/2005	024205012466	100	B00	TO	8.4	HO	7.75	SI	9.25		2NT	3	25.71	7720101B	Y khoa (B)
271	37000085	PHẠM TRẦN MINH HẠNH	20/04/2005	052305016207	100	B00	TO	8	HO	8.25	SI	9		2	6	25.41	7720101B	Y khoa (B)
272	19009219	CÔNG QUÝ HẢO	10/08/2005	027205003832	100	B00	TO	8.6	HO	8	SI	9		2NT	1	25.89	7720101B	Y khoa (B)
273	19000114	NGUYỄN TUẤN HẢO	15/09/2005	027205006209	100	B00	TO	8.4	HO	9	SI	9.5		2	1	27	7720101B	Y khoa (B)
274	21007552	DƯƠNG THỊ THU HẰNG	10/02/2005	030305014267	100	B00	TO	8	HO	8.75	SI	8.75		2NT	1	25.8	7720101B	Y khoa (B)
275	22003968	ĐẶNG THU HẰNG	13/02/2005	033305009853	100	B00	TO	8.4	HO	9.75	SI	9		2NT	2	27.34	7720101B	Y khoa (B)
276	21005176	NGUYỄN THỊ HẰNG	09/04/2005	030305009573	100	B00	TO	8	HO	8.75	SI	8.75		2NT	1	25.8	7720101B	Y khoa (B)
277	08005425	TRÁNG KHÁNH HẰNG	07/12/2005	010305001165	100	B00	TO	7.8	HO	7	SI	8.5	01	1	2	25.76	7720101B	Y khoa (B)
278	17005335	NGUYỄN THU HIỀN	04/07/2005	022305001675	100	B00	TO	7.6	HO	8.5	SI	9.5		2	2	25.75	7720101B	Y khoa (B)
279	18001202	TỬ THỊ THU HIỀN	20/08/2005	024305001736	100	B00	TO	8	HO	7.75	SI	9.25	01	1	1	26.83	7720101B	Y khoa (B)
280	21012649	NGUYỄN MINH HIỀN	14/10/2005	001205068678	100	B00	TO	7.8	HO	9.25	SI	8.75		2	1	25.94	7720101B	Y khoa (B)
281	19000123	ĐỖ ĐỨC HIẾU	02/09/2005	027205000801	100	B00	TO	8.2	HO	9.5	SI	9.5		2	2	27.29	7720101B	Y khoa (B)
282	22014089	ĐOÀN NGỌC HIẾU	27/12/2005	033205002938	100	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	8.75		2NT	1	26.13	7720101B	Y khoa (B)
283	15005106	HÀ CÔNG HIẾU	13/09/2005	025205011241	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	9		2NT	2	25.99	7720101B	Y khoa (B)
284	01061068	HOÀNG XUÂN HIẾU	15/09/2005	001205031903	100	B00	TO	7.8	HO	8.75	SI	8.5		2	2	28.22	7720101B	Y khoa (B)
285	22000114	NGUYỄN QUANG HIẾU	20/01/2005	033205005743	100	B00	TO	8	HO	7.75	SI	9.75		2	6	25.65	7720101B	Y khoa (B)
286	03008833	HOÀNG VĂN HÌNH	04/08/2003	031203005294	100	B00	TO	8.6	HO	9.25	SI	8			1	25.85	7720101B	Y khoa (B)
287	08000776	ĐỖ THỊ HÒA	28/03/2005	010305008273	100	B00	TO	8.8	HO	7.75	SI	8.5		1	2	25.55	7720101B	Y khoa (B)
288	16011261	VŨ THỊ NGỌC HÒA	01/01/2005	026305011093	100	B00	TO	8.4	HO	9	SI	8.75		2NT	2	26.41	7720101B	Y khoa (B)
289	22005479	MAI ĐỨC HOAN	31/10/2005	033205003221	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	8.75		2NT	1	25.75	7720101B	Y khoa (B)
290	19000141	PHẠM VĂN HOÀNG	03/08/2005	027205009720	100	B00	TO	9	HO	9	SI	9		2	2	27.1	7720101B	Y khoa (B)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU T	KVU T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
291	01090660	PHẠM VIỆT HOÀNG	18/11/2004	001204034075	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	9		2	2	26.04	7720101B	Y khoa (B)
292	03010406	NGUYỄN TRỌNG HUẤN	19/02/2004	031204009749	100	B00	TO	8.6	HO	9	SI	8.25		2	1	25.99	7720101B	Y khoa (B)
293	25005599	BÙI THỊ HUỆ	08/07/2005	036305018227	100	B00	TO	7.8	HO	8.25	SI	9		2NT	1	25.38	7720101B	Y khoa (B)
294	26001903	HÀ MẠNH HÙNG	21/01/2005	034205000445	100	B00	TO	8.8	HO	8.5	SI	8.25		2	2	25.7	7720101B	Y khoa (B)
295	15009649	HOÀNG MẠNH HÙNG	04/09/2005	025205006407	100	B00	TO	8.4	HO	10	SI	8.25		2NT	2	26.87	7720101B	Y khoa (B)
296	01018438	NGUYỄN MẠNH HÙNG	27/09/2005	001205019546	100	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	8.25		3	1	28.35	7720101B	Y khoa (B)
297	19012095	NGUYỄN MẠNH HÙNG	05/08/2005	027205004035	100	B00	TO	8.2	HO	8	SI	9		2NT	2	25.52	7720101B	Y khoa (B)
298	01011464	ĐỖ GIA HUY	10/01/2005	001205007983	100	B00	TO	7.6	HO	9	SI	9.75		3	6	26.35	7720101B	Y khoa (B)
299	19006544	ĐÀM QUANG HUY	27/09/2005	027205001920	100	B00	TO	7.8	HO	9	SI	9		2	1	25.94	7720101B	Y khoa (B)
300	09000080	NGUYỄN QUANG HUY	23/10/2005	008205000665	100	B00	TO	8	HO	7.5	SI	7.75	01	1	2	25.73	7720101B	Y khoa (B)
301	19005870	ĐÀM THỊ HUYỀN	11/02/2005	027305001940	100	B00	TO	8.2	HO	8	SI	9		2	1	25.36	7720101B	Y khoa (B)
302	27003651	LÂM THỊ THANH HUYỀN	11/12/2005	037305001891	100	B00	TO	8.6	HO	8	SI	8.75		2	2	25.51	7720101B	Y khoa (B)
303	16003297	NGÔ THỊ NGỌC HUYỀN	06/11/2005	026305009169	100	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	9.25		2NT	1	26.59	7720101B	Y khoa (B)
304	21005252	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	24/04/2005	030305006073	100	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	9.25		2NT	2	26.64	7720101B	Y khoa (B)
305	62001235	NGUYỄN THỊ MAI HUYỀN	04/07/2005	011305000856	100	B00	TO	8	HO	7.25	SI	7.75	01	1	4	25.57	7720101B	Y khoa (B)
306	01040211	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	29/06/2005	001305008386	100	B00	TO	8	HO	8.25	SI	9.25		2	1	25.65	7720101B	Y khoa (B)
307	21008899	NGUYỄN VĂN HÙNG	30/01/2005	030205006275	100	B00	TO	9.2	HO	8.5	SI	8.5		2NT	1	26.45	7720101B	Y khoa (B)
308	26001943	PHẠM CÔNG TUẤN HÙNG	14/07/2005	034205000247	100	B00	TO	8.2	HO	6.75	SI	8.5	04b	2	2	25.41	7720101B	Y khoa (B)
309	14003765	LÒ THỊ MAI HƯƠNG	29/09/2005	014305003813	100	B00	TO	7.4	HO	8.25	SI	8	01	1	2	25.98	7720101B	Y khoa (B)
310	03014461	LƯU THANH HƯƠNG	26/04/2005	031305000069	100	B00	TO	8.4	HO	9	SI	8		3	2	28.4	7720101B	Y khoa (B)
311	15005848	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	09/01/2005	025305009339	100	B00	TO	8.2	HO	8	SI	9		2NT	1	25.52	7720101B	Y khoa (B)
312	18003668	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	31/05/2004	024304010110	100	B00	TO	8.6	HO	8	SI	8.5		1	3	25.59	7720101B	Y khoa (B)
313	17007467	VŨ THỊ HẢI HƯƠNG	29/06/2005	022305008124	100	B00	TO	8.6	HO	8.25	SI	9.25		2	3	26.23	7720101B	Y khoa (B)
314	28031188	NGUYỄN THU HƯỜNG	17/01/2005	038305020018	100	B00	TO	7.6	HO	9	SI	8.5		2NT	1	25.43	7720101B	Y khoa (B)
315	16006777	VŨ THỊ THU HƯỜNG	24/12/2005	026305007225	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	8.25		2NT	1	25.47	7720101B	Y khoa (B)
316	15013553	ĐÌNH QUANG KHAI	25/09/2005	025205011431	100	B00	TO	8	HO	8.25	SI	7	01	1	2	25.73	7720101B	Y khoa (B)
317	21001240	NGUYỄN HOÀNG KHANG	25/06/2005	030205011947	100	B00	TO	8.4	HO	8.25	SI	8.5		2NT	2	25.47	7720101B	Y khoa (B)
318	03009418	ĐỖ DUY KHÁNH	01/01/2005	031205014215	100	B00	TO	8.6	HO	9	SI	8.5		2	2	26.23	7720101B	Y khoa (B)
319	13005165	TRIỆU TÒN KHẾ	24/08/2005	015205006789	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	6.75	01	1	1	25.85	7720101B	Y khoa (B)
320	17006035	HÀ TRỌNG KHOA	23/01/2005	022205001036	100	B00	TO	8	HO	7.75	SI	9.5		2	1	25.41	7720101B	Y khoa (B)
321	16006273	HÀ THỊ NGỌC KHUÊ	07/01/2005	026305007501	100	B00	TO	8.8	HO	8	SI	8.75		2NT	1	25.85	7720101B	Y khoa (B)
322	15009693	NGUYỄN TRUNG KIÊN	18/12/2005	025205001599	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	8.5		2NT	2	25.52	7720101B	Y khoa (B)
323	16010154	PHÙNG QUANG KỶ	21/04/2005	026205003330	100	B00	TO	9	HO	8.5	SI	8.75		2NT	1	26.5	7720101B	Y khoa (B)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
324	03010797	PHẠM XUÂN LAI	14/10/2005	031205005891	100	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	9		2	1	26.67	7720101B	Y khoa (B)
325	15010772	MAI THỊ THUỶ LAN	24/07/2005	025305007169	100	B00	TO	7.8	HO	8.5	SI	8.75		2NT	3	25.38	7720101B	Y khoa (B)
326	16004955	NGUYỄN NGỌC LAN	28/08/2004	026304000160	100	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	8.75		2	1	25.36	7720101B	Y khoa (B)
327	22000167	NGUYỄN VŨ HOÀNG LAN	02/04/2005	033305000921	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	8.75		2	1	26.8	7720101B	Y khoa (B)
328	21007685	NGUYỄN TÙNG LÂM	21/11/2004	030204006838	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	8.5		2NT	2	25.71	7720101B	Y khoa (B)
329	62001269	VŨ BẢO LÂM	12/09/2005	011205009255	100	B00	TO	8	HO	8.25	SI	7.75	01	1	5	26.2	7720101B	Y khoa (B)
330	03022256	VŨ MINH LÂM	07/07/2005	031205018418	100	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	8.5		3	1	25.65	7720101B	Y khoa (B)
331	21012749	VŨ DANH LIÊM	12/08/2005	030205003789	100	B00	TO	8.6	HO	8.25	SI	9		2	3	25.99	7720101B	Y khoa (B)
332	15001317	DƯƠNG THUỶ LINH	19/11/2005	025305005523	100	B00	TO	8.6	HO	9	SI	9.5		2	1	27.2	7720101B	Y khoa (B)
333	16004378	ĐỖ NGỌC LINH	21/06/2005	026305002707	100	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	9		2NT	1	25.75	7720101B	Y khoa (B)
334	18018573	ĐỖ THỊ THUY LINH	31/12/2004	024304005325	100	B00	TO	8	HO	9.25	SI	9.25		2	2	26.62	7720101B	Y khoa (B)
335	03014907	HOÀNG THỊ PHƯƠNG LINH	23/06/2005	031305007013	100	B00	TO	7.8	HO	8.25	SI	8.75		3	1	26.8	7720101B	Y khoa (B)
336	05000528	LÊ CHỈ LINH	06/02/2005	025205002334	100	B00	TO	8	HO	8.5	SI	8.5		1	2	25.5	7720101B	Y khoa (B)
337	22002370	LÊ NGỌC KHÁNH LINH	05/11/2004	033304002228	100	B00	TO	7.2	HO	9.5	SI	8.75		2NT	4	25.75	7720101B	Y khoa (B)
338	19005929	LÊ NGỌC LINH	17/06/2005	027305000867	100	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	9		2	1	26.67	7720101B	Y khoa (B)
339	15009720	MÈ HOÀNG LINH	02/08/2005	025205010459	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	8.75		2NT	6	25.75	7720101B	Y khoa (B)
340	21021576	NGUYỄN ÁI LINH	04/11/2005	030305012155	100	B00	TO	8.6	HO	9.25	SI	9.25		2NT	3	27.29	7720101B	Y khoa (B)
341	22004070	NGUYỄN KIỀU LINH	28/06/2005	033305006789	100	B00	TO	8.8	HO	9	SI	8		2NT	1	26.08	7720101B	Y khoa (B)
342	26009881	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	13/09/2005	034305007339	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	8.5		2NT	3	25.71	7720101B	Y khoa (B)
343	17013012	NGUYỄN THỊ HÀ LINH	29/03/2005	022305000021	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	9.25		2	2	26.28	7720101B	Y khoa (B)
344	03017700	TRẦN MẠNH LINH	13/09/2002	031202005036	100	B00	TO	8.6	HO	8.25	SI	9			2	25.85	7720101B	Y khoa (B)
345	03010420	TRẦN THỊ THUY LINH	31/12/2004	031304010054	100	B00	TO	8.6	HO	8	SI	8.75		2	1	25.51	7720101B	Y khoa (B)
346	03015016	LƯU HẢI LONG	30/09/2005	031205007906	100	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	9.25		3	4	26.35	7720101B	Y khoa (B)
347	21015647	NGUYỄN HOÀNG LONG	18/02/2005	030205011605	100	B00	TO	8.2	HO	9	SI	8.75		2NT	2	26.22	7720101B	Y khoa (B)
348	21015054	TRẦN DUY LONG	31/03/2005	030205008078	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	8.5		2	1	25.55	7720101B	Y khoa (B)
349	21003666	PHẠM XUÂN TIẾN LỘC	19/02/2005	030205012702	100	B00	TO	8	HO	9	SI	8.75		2NT	1	26.03	7720101B	Y khoa (B)
350	03017708	HOÀNG HẢI LUÂN	06/05/2004	031204006400	100	B00	TO	8.4	HO	8.25	SI	8.75		3	1	25.4	7720101B	Y khoa (B)
351	01055911	NGUYỄN PHÚC LUÂN	30/05/2005	031205000700	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	9		3	1	25.7	7720101B	Y khoa (B)
352	01058587	GIÀNG A LỬ	11/02/2005	014205009687	100	B00	TO	7.4	HO	7.5	SI	8.25	01	1	2	25.66	7720101B	Y khoa (B)
353	03005581	NGUYỄN HIỀN LƯƠNG	07/06/2005	031305001032	100	B00	TO	8.6	HO	9	SI	8.25		2	1	25.99	7720101B	Y khoa (B)
354	18005402	TRƯƠNG THỂ LƯƠNG	04/11/2005	024205005573	100	B00	TO	8	HO	7.5	SI	8	01	1	8	25.88	7720101B	Y khoa (B)
355	03010915	VŨ HIỀN LƯƠNG	15/02/2005	031305006306	100	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	9.25		2	2	27.91	7720101B	Y khoa (B)
356	21007116	ĐỒNG THỊ LY	29/05/2005	030305005739	100	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	9		2NT	1	26.78	7720101B	Y khoa (B)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU T	KVU T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
357	01035162	MAC DIỆU CẨM LY	30/09/2005	001305003867	100	B00	TO	8	HO	8	SI	9.5		3	1	25.5	7720101B	Y khoa (B)
358	27002322	NGUYỄN CẨM LY	23/04/2005	037305000250	100	B00	TO	8.6	HO	7.75	SI	8.75		2NT	3	25.43	7720101B	Y khoa (B)
359	23001500	NGUYỄN KHÁNH LY	01/05/2005	017305007986	100	B00	TO	7.2	HO	7.25	SI	8.25	01	1	2	25.38	7720101B	Y khoa (B)
360	19000873	NGUYỄN VŨ KHÁNH LY	31/03/2005	027305008602	100	B00	TO	8.2	HO	9.25	SI	9		2	2	26.57	7720101B	Y khoa (B)
361	16010218	PHÙNG MINH KHÁNH LY	11/02/2005	001305026849	100	B00	TO	8.2	HO	8.75	SI	9		2NT	1	26.22	7720101B	Y khoa (B)
362	62001324	TRẦN HẢI LY	24/11/2005	011305000842	100	B00	TO	7.4	HO	8.5	SI	9		1	3	25.41	7720101B	Y khoa (B)
363	24007408	ĐẶNG THỊ NGỌC MAI	04/11/2005	035305009335	100	B00	TO	8.2	HO	8	SI	9		2NT	2	25.52	7720101B	Y khoa (B)
364	03005599	HOÀNG THỊ SAO MAI	21/07/2005	031305000295	100	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	8.5		2	1	26.12	7720101B	Y khoa (B)
365	27003138	NGUYỄN HOÀNG MAI	12/12/2005	037305002842	100	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	8.5		2NT	2	25.89	7720101B	Y khoa (B)
366	21003061	NGUYỄN NGỌC MAI	10/05/2005	030305007705	100	B00	TO	7.6	HO	8.5	SI	9.5		2NT	1	25.89	7720101B	Y khoa (B)
367	03016862	PHẠM THỊ XUÂN MAI	02/10/2005	031305012279	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	8.5		3	1	25.4	7720101B	Y khoa (B)
368	27003747	BÙI THẾ MẠNH	19/06/2005	031205001049	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	9		2	3	25.84	7720101B	Y khoa (B)
369	01098258	ĐỖ DUY MẠNH	10/11/2005	001205032389	100	B00	TO	9	HO	8.25	SI	8.5		2	1	25.89	7720101B	Y khoa (B)
370	62004552	ĐINH ĐỨC MẠNH	10/01/2005	011205000914	100	B00	TO	7.4	HO	8.75	SI	8.75		1	3	25.41	7720101B	Y khoa (B)
371	03015090	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	04/03/2005	034205009940	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	8.25		3	1	26.15	7720101B	Y khoa (B)
372	10000871	TÔ TIẾN MẠNH	29/08/2005	020205000204	100	B00	TO	7.8	HO	8.25	SI	7.5	01	1	1	25.92	7720101B	Y khoa (B)
373	03018618	HOÀNG VŨ NHẬT MINH	21/10/2005	031205004688	100	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	8.5		3	1	26.05	7720101B	Y khoa (B)
374	17014313	NGÔ VĂN MINH	23/08/2005	022205002873	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	8.5		2	1	25.55	7720101B	Y khoa (B)
375	26002070	NGUYỄN BÙI HẢI MINH	28/10/2005	034205000610	100	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	9		2	2	25.6	7720101B	Y khoa (B)
376	16007846	NGUYỄN QUANG MINH	05/03/2005	026205009873	100	B00	TO	8.4	HO	9.25	SI	7.75		2NT	1	25.71	7720101B	Y khoa (B)
377	01012721	NGUYỄN THIÊN MINH	18/01/2005	001205001652	100	B00	TO	8	HO	8	SI	7.75		3	2	25.75	7720101B	Y khoa (B)
378	19012994	NGUYỄN VĂN MINH	20/03/2005	027205002505	100	B00	TO	8.8	HO	8.5	SI	8.5		2NT	1	26.08	7720101B	Y khoa (B)
379	14010893	LŨNG THỊ DIỆU MY	28/02/2004	014304007667	100	B00	TO	8	HO	7.5	SI	7.75	01	1	1	25.73	7720101B	Y khoa (B)
380	19000264	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	03/01/2005	027305001526	100	B00	TO	9	HO	8.75	SI	8.5		2	1	26.38	7720101B	Y khoa (B)
381	22008770	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	18/09/2005	033305002296	100	B00	TO	8.8	HO	8.5	SI	8.5		2NT	1	26.08	7720101B	Y khoa (B)
382	21003709	NGUYỄN TRÀ MY	25/06/2005	030305003428	100	B00	TO	9	HO	8.25	SI	8.75		2NT	1	26.27	7720101B	Y khoa (B)
383	18018666	NGUYỄN TRÀ MY	26/04/2005	024305008495	100	B00	TO	8.2	HO	7	SI	8.5	01	1	1	26.01	7720101B	Y khoa (B)
384	03015174	VŨ HUYỀN MY	18/08/2005	031305006235	100	B00	TO	8.8	HO	9.25	SI	8.75		3	2	26.8	7720101B	Y khoa (B)
385	21012858	NGUYỄN DANH NAM	22/07/2005	030205012192	100	B00	TO	8.8	HO	9.25	SI	8.75		2	2	26.91	7720101B	Y khoa (B)
386	17007658	NGUYỄN HẢI NAM	17/04/2005	022205001080	100	B00	TO	8	HO	8.75	SI	9		2	1	25.89	7720101B	Y khoa (B)
387	17014817	NGUYỄN HOÀNG NAM	30/12/2005	022205010712	100	B00	TO	8.6	HO	9.25	SI	8.5		2	3	26.47	7720101B	Y khoa (B)
388	03015201	PHẠM HẢI NAM	14/09/2005	031205005226	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	9.5		3	2	27.2	7720101B	Y khoa (B)
389	21015698	PHẠM THỊ NGÀ	07/10/2005	030305008573	100	B00	TO	8.2	HO	9.75	SI	8.5		2NT	1	26.69	7720101B	Y khoa (B)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
390	26009326	VŨ THỊ THANH NGÀ	22/11/2004	034304006810	100	B00	TO	8.2	HO	8.75	SI	8.25		2NT	2	25.52	7720101B	Y khoa (B)
391	22002411	LÊ THỊ KIM NGÂN	09/10/2005	033305000324	100	B00	TO	8	HO	8	SI	9.5		2NT	1	25.8	7720101B	Y khoa (B)
392	21016780	VŨ KIM NGÂN	16/07/2005	030305013587	100	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	9.25		2NT	1	26.64	7720101B	Y khoa (B)
393	19010241	NGUYỄN HỮU NGHỊ	01/08/2005	027205006597	100	B00	TO	8.2	HO	7.75	SI	9.25		2NT	1	25.52	7720101B	Y khoa (B)
394	24006131	PHẠM BÍCH NGOAN	21/04/2005	035305008042	100	B00	TO	7.8	HO	8.25	SI	9		2NT	7	25.38	7720101B	Y khoa (B)
395	21001986	HOÀNG THỊ BẢO NGỌC	12/07/2005	030305013481	100	B00	TO	9.2	HO	8	SI	8.25		2NT	1	25.75	7720101B	Y khoa (B)
396	17010160	TÂY THỊ MINH NGỌC	21/06/2005	022305011128	100	B00	TO	8.6	HO	9.5	SI	8.5	01	2	2	27.62	7720101B	Y khoa (B)
397	21021690	VŨ BÙI MINH NGỌC	20/09/2005	030305009581	100	B00	TO	7.6	HO	8.5	SI	9		2NT	1	25.43	7720101B	Y khoa (B)
398	19000293	NGÔ THỊ NHƯ NGUYỆT	15/05/2005	027305000755	100	B00	TO	9.2	HO	8.75	SI	8.5		2	1	26.57	7720101B	Y khoa (B)
399	15014302	NGUYỄN MINH NGUYỆT	14/11/2005	025305005274	100	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	8.75		2NT	1	26.55	7720101B	Y khoa (B)
400	03021137	NGUYỄN ANH NHẬT	16/03/2005	031205012634	100	B00	TO	7.8	HO	9.25	SI	8.5		3	1	25.55	7720101B	Y khoa (B)
401	28005736	VIÊN ĐÌNH NHẬT	08/12/2005	038205019180	100	B00	TO	8.2	HO	9.75	SI	8.25		2	3	26.33	7720101B	Y khoa (B)
402	13001814	LƯƠNG YẾN NHI	08/11/2005	015305001285	100	B00	TO	7.6	HO	8	SI	7.25	01	1	1	25.47	7720101B	Y khoa (B)
403	03018812	TRẦN THỊ YẾN NHI	21/08/2005	031305003113	100	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	9		3	1	26.1	7720101B	Y khoa (B)
404	21012900	TRẦN THÚY NHI	17/11/2005	030305012781	100	B00	TO	7.4	HO	9.5	SI	9.25		2	5	26.28	7720101B	Y khoa (B)
405	17013145	VŨ NGÂN NHI	20/06/2005	022305008338	100	B00	TO	8	HO	8.5	SI	9.25		2	2	25.89	7720101B	Y khoa (B)
406	21003772	PHẠM HỒNG NHUNG	04/01/2005	030305007896	100	B00	TO	8.2	HO	8.75	SI	9.5		2NT	1	26.69	7720101B	Y khoa (B)
407	21003773	TRẦN THỊ NHUNG	21/11/2005	030305012826	100	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	9		2NT	1	25.75	7720101B	Y khoa (B)
408	08004364	TRỊNH THỊ NHUNG	24/07/2005	035305000248	100	B00	TO	8	HO	8.75	SI	8.5		2	2	25.41	7720101B	Y khoa (B)
409	03018823	BÙI DƯƠNG THÁI NINH	28/06/2005	031205002841	100	B00	TO	8.6	HO	9	SI	8.75		3	1	27.35	7720101B	Y khoa (B)
410	16000362	PHẠM THỊ KIM OANH	08/02/2005	026305002730	100	B00	TO	9	HO	8.75	SI	8.75		2	2	26.62	7720101B	Y khoa (B)
411	01088558	NGUYỄN THỊ KIM OÁNH	06/11/2003	001303046523	100	B00	TO	8.8	HO	8.5	SI	9			1	26.3	7720101B	Y khoa (B)
412	19000308	ĐỖ BÁ HỒNG PHONG	15/09/2005	027205000793	100	B00	TO	8.4	HO	9.5	SI	9		2	2	27	7720101B	Y khoa (B)
413	17011450	HOÀNG TUẤN PHONG	15/01/2005	031205004007	100	B00	TO	8.4	HO	9	SI	9.25		2	1	26.76	7720101B	Y khoa (B)
414	03015334	LÊ HỒNG PHÚC	23/11/2005	031205004858	100	B00	TO	8.2	HO	8.75	SI	8.75		3	1	25.7	7720101B	Y khoa (B)
415	03020627	PHẠM HỒNG PHÚC	01/10/2005	031205000744	100	B00	TO	8	HO	8.75	SI	8		3	2	25.75	7720101B	Y khoa (B)
416	25005843	NGUYỄN BÁ PHƯỚC	03/01/2005	036205010633	100	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	7.75		2NT	3	25.61	7720101B	Y khoa (B)
417	01057656	NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯƠNG	19/04/2004	001304024745	100	B00	TO	8	HO	8.5	SI	9		2	3	25.65	7720101B	Y khoa (B)
418	19000317	THÂN LAN PHƯƠNG	18/10/2005	027305000785	100	B00	TO	8.2	HO	8.75	SI	9.5		2	1	26.57	7720101B	Y khoa (B)
419	03017765	VŨ THỊ LAN PHƯƠNG	08/04/1988	031188017672	100	B00	TO	7.8	HO	9	SI	9			2	25.8	7720101B	Y khoa (B)
420	19000323	NGUYỄN THIÊN QUANG	17/03/2005	027205000860	100	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	9.25		2	1	26.52	7720101B	Y khoa (B)
421	15004870	TRẦN HUY QUANG	04/12/2005	025205012002	100	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	8		2NT	2	25.47	7720101B	Y khoa (B)
422	18003942	NGUYỄN MINH QUÂN	27/08/2005	024205013671	100	B00	TO	9	HO	8.75	SI	9		2NT	2	26.97	7720101B	Y khoa (B)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
423	19000327	NGUYỄN SỸ QUÂN	11/09/2005	027205000881	100	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	9		2	1	26.23	7720101B	Y khoa (B)
424	28034072	ĐÀO MINH QUỐC	03/09/2005	038205029811	100	B00	TO	8.2	HO	7.75	SI	9.25		1	4	25.68	7720101B	Y khoa (B)
425	18013116	BÙI ANH QUYÊN	11/08/2005	024305001384	100	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	8.5		2NT	2	25.89	7720101B	Y khoa (B)
426	01006042	TRẦN VĂN QUYẾT	16/02/2005	001205016682	100	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	8.25		3	1	25.35	7720101B	Y khoa (B)
427	15006053	ĐÔNG THỊ DIỄM QUỲNH	06/04/2005	025305008880	100	B00	TO	9.2	HO	9.5	SI	9		1	1	27.93	7720101B	Y khoa (B)
428	18001548	LÂU THỊ NHƯ QUỲNH	23/01/2005	024305012602	100	B00	TO	8	HO	8.5	SI	8.5	01	1	1	26.83	7720101B	Y khoa (B)
429	16003560	NGÔ THỊ DIỄM QUỲNH	17/09/2005	026305001348	100	B00	TO	8.8	HO	8.5	SI	9.75		2NT	9	27.25	7720101B	Y khoa (B)
430	21002063	PHẠM DIỄM QUỲNH	18/01/2005	030305009872	100	B00	TO	8.4	HO	9.25	SI	9.5		2NT	2	27.34	7720101B	Y khoa (B)
431	16000387	PHẠM NHƯ QUỲNH	11/03/2005	026305003242	100	B00	TO	8	HO	8.5	SI	9		2	1	25.65	7720101B	Y khoa (B)
432	19013095	THÂN NHƯ QUỲNH	13/04/2005	027305002102	100	B00	TO	8.6	HO	9	SI	8.25		2NT	2	26.13	7720101B	Y khoa (B)
433	18001557	ĐINH CÔNG SƠN	16/11/2005	024205013785	100	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	8.25	01	1	1	26.64	7720101B	Y khoa (B)
434	21000385	NGUYỄN CAO SƠN	25/09/2005	030205012269	100	B00	TO	9	HO	8.75	SI	7.5		2NT	1	25.57	7720101B	Y khoa (B)
435	03016971	VŨ THẾ SƠN	15/07/2005	031205002236	100	B00	TO	9.2	HO	9.25	SI	8.75		3	2	27.2	7720101B	Y khoa (B)
436	03018344	ĐOÀN THÀNH TÂM	15/08/2004	031304004101	100	B00	TO	7.2	HO	8.75	SI	9.25		3	1	26.2	7720101B	Y khoa (B)
437	25014400	NGUYỄN NGỌC THÁI	08/07/2005	036205016238	100	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	8.75		2NT	2	26.17	7720101B	Y khoa (B)
438	21020384	NGUYỄN PHƯƠNG THANH	20/01/2005	030305011058	100	B00	TO	8.2	HO	8.75	SI	9.25		2NT	1	26.45	7720101B	Y khoa (B)
439	19008850	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	09/03/2005	027305002449	100	B00	TO	9	HO	8.5	SI	8.75		2NT	1	26.5	7720101B	Y khoa (B)
440	22004191	VŨ THỊ THU THANH	09/06/2005	033305007269	100	B00	TO	8.4	HO	9.25	SI	7.75		2NT	1	25.71	7720101B	Y khoa (B)
441	03016985	BÙI ĐỨC THÀNH	29/05/2005	031205001400	100	B00	TO	9	HO	8.25	SI	9.5		3	2	26.75	7720101B	Y khoa (B)
442	15008407	NGUYỄN CÔNG THÀNH	16/06/2005	025205008874	100	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	8.75		2NT	1	26.55	7720101B	Y khoa (B)
443	03020643	VŨ DUY THÀNH	17/10/2005	031205000614	100	B00	TO	8	HO	9	SI	8.75		3	1	25.75	7720101B	Y khoa (B)
444	03006757	BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	31/10/2005	031305014168	100	B00	TO	8.8	HO	9	SI	8.75		2	1	26.67	7720101B	Y khoa (B)
445	17011526	BÙI THANH THẢO	13/05/2005	022305005241	100	B00	TO	8.4	HO	8.25	SI	8.75		2	1	25.55	7720101B	Y khoa (B)
446	17013222	ĐƯƠNG NGỌC THẢO	27/01/2005	022305001490	100	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	9.75		2	1	26.33	7720101B	Y khoa (B)
447	03009960	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	30/06/2005	031305005836	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	9.25		2	5	26.09	7720101B	Y khoa (B)
448	17014065	LẠI THANH PHƯƠNG THẢO	28/03/2005	022305003046	100	B00	TO	7.8	HO	8.75	SI	9		2	1	26.7	7720101B	Y khoa (B)
449	19016010	NGÔ THỊ THANH THẢO	10/03/2005	027305005554	100	B00	TO	7.6	HO	9.25	SI	9		2NT	1	26.13	7720101B	Y khoa (B)
450	21020077	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	11/01/2005	030305005374	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	9		2NT	1	26.17	7720101B	Y khoa (B)
451	21007912	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	22/03/2005	030305003668	100	B00	TO	8.6	HO	9	SI	9		2NT	1	26.83	7720101B	Y khoa (B)
452	28001378	TRẦN LÊ PHƯƠNG THẢO	26/02/2005	038305012651	100	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	9.5		2	1	26.09	7720101B	Y khoa (B)
453	03018371	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	10/05/2004	031304002803	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	9.25		3	2	26.15	7720101B	Y khoa (B)
454	19015311	NGUYỄN VĂN THẮNG	21/09/2005	027205013161	100	B00	TO	8.6	HO	9	SI	8.25		2NT	1	26.13	7720101B	Y khoa (B)
455	21016884	NGUYỄN VĂN THẮNG	07/09/2005	030205011826	100	B00	TO	9.2	HO	8.25	SI	8.75		2NT	1	26.45	7720101B	Y khoa (B)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
456	18009810	PHẠM ĐĂNG THẮNG	02/08/2005	024205014395	100	B00	TO	8.6	HO	8.25	SI	8.5		2NT	2	25.66	7720101B	Y khoa (B)
457	19012455	PHẠM VIỆT THẮNG	04/03/2005	027205009708	100	B00	TO	8.4	HO	9	SI	8.75		2NT	2	26.41	7720101B	Y khoa (B)
458	19010402	TRẦN QUANG THẮNG	10/07/2005	027205008670	100	B00	TO	8.6	HO	8.75	SI	9		2NT	1	26.59	7720101B	Y khoa (B)
459	22007078	HOÀNG XUÂN THỊNH	26/11/2005	033205006104	100	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	8.25		2NT	1	25.71	7720101B	Y khoa (B)
460	16013687	NGUYỄN QUỐC THỊNH	04/08/2005	026205011941	100	B00	TO	7.8	HO	8.75	SI	8.5		2NT	1	25.38	7720101B	Y khoa (B)
461	21002119	NGÔ ĐỨC THỌ	14/06/2005	030205005779	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	8.25		2NT	2	25.47	7720101B	Y khoa (B)
462	21009213	HOÀNG THỊ AN THƠ	15/07/2004	030304006575	100	B00	TO	8.2	HO	7.75	SI	9.5		2NT	1	25.75	7720101B	Y khoa (B)
463	18005533	TRẮNG THỊ ANH THƠ	13/09/2005	024305008939	100	B00	TO	7.4	HO	8.75	SI	8.75	01	1	1	26.77	7720101B	Y khoa (B)
464	18001613	TRẦN MINH THU	04/03/2005	024305014309	100	B00	TO	9.2	HO	8.25	SI	8.25		1	2	26.13	7720101B	Y khoa (B)
465	03018945	VŨ NGUYỄN HÀ THU	25/07/2005	031305006844	100	B00	TO	8.4	HO	9	SI	9		3	1	26.4	7720101B	Y khoa (B)
466	21005570	NGUYỄN TIẾN THUẬT	28/05/2005	030205014323	100	B00	TO	8.6	HO	9.75	SI	8.5		2NT	1	27.06	7720101B	Y khoa (B)
467	10007463	CHU THANH THUY	22/02/2004	020204002632	100	B00	TO	7.2	HO	8.5	SI	7.5	01	1	2	25.69	7720101B	Y khoa (B)
468	14009060	DƯƠNG THỊ THUY	29/03/2005	038305007266	100	B00	TO	8.4	HO	7.25	SI	9.25		1	2	25.41	7720101B	Y khoa (B)
469	24008183	VŨ THỊ BIÊN THUY	18/10/2005	035305009331	100	B00	TO	7.4	HO	8.5	SI	9.25		2NT	2	25.47	7720101B	Y khoa (B)
470	27010301	ĐỖ THỊ ANH THU	29/10/2005	037305001335	100	B00	TO	8.4	HO	8	SI	8.75		2NT	2	25.47	7720101B	Y khoa (B)
471	17014952	ĐẶNG ANH THU	08/12/2005	022305007928	100	B00	TO	8.8	HO	8.25	SI	8.5		2	2	25.7	7720101B	Y khoa (B)
472	01037833	NGUYỄN MINH THU	02/10/2005	001305051520	100	B00	TO	8.4	HO	8.25	SI	9.25		2	2	26.04	7720101B	Y khoa (B)
473	03020745	NGUYỄN MINH THU	11/10/2005	031305005980	100	B00	TO	7.6	HO	8.75	SI	9		3	2	25.35	7720101B	Y khoa (B)
474	18018849	NGUYỄN THỊ MINH THU	22/09/2005	024305011314	100	B00	TO	8.8	HO	9	SI	8.5		2	1	26.42	7720101B	Y khoa (B)
475	03002409	ĐỖ MINH TIẾN	29/04/2005	031205012926	100	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	8.75		2	1	25.99	7720101B	Y khoa (B)
476	26019421	ĐINH NGỌC TIẾN	12/09/2004	034204004448	100	B00	TO	9.6	HO	8	SI	7.75		2NT	2	25.66	7720101B	Y khoa (B)
477	18000480	VI CÔNG TIỆP	15/08/2005	024205012245	100	B00	TO	7.6	HO	8	SI	8.75	01	1	2	26.42	7720101B	Y khoa (B)
478	01025963	ĐỖ DOÃN TÍN	16/01/2005	001205000338	100	B00	TO	7.6	HO	8.5	SI	9.25		3	4	25.35	7720101B	Y khoa (B)
479	12004641	BÊ THỊ HUYỀN TRANG	10/02/2004	019304004431	100	B00	TO	7.8	HO	7.75	SI	7.75	01	1	3	25.76	7720101B	Y khoa (B)
480	03010543	HOÀNG MINH TRANG	22/01/2005	031305006304	100	B00	TO	8	HO	8.5	SI	9.25		2	1	25.89	7720101B	Y khoa (B)
481	03009316	HOÀNG THỊ ĐOAN TRANG	30/11/2005	031305011350	100	B00	TO	9	HO	8.75	SI	9.25		2	2	27.1	7720101B	Y khoa (B)
482	28025017	HOÀNG THU TRANG	10/09/2005	038305016322	100	B00	TO	7.6	HO	8.75	SI	8.75		2NT	3	25.43	7720101B	Y khoa (B)
483	16003665	LÊ THU TRANG	17/03/2005	026305009342	100	B00	TO	8.2	HO	8.75	SI	9.75		2NT	1	26.92	7720101B	Y khoa (B)
484	12002053	LOAN THU TRANG	06/03/2005	022305001850	100	B00	TO	8	HO	8	SI	7.5	01	1	1	25.88	7720101B	Y khoa (B)
485	01062500	NGUYỄN QUỲNH TRANG	19/03/2005	001305030283	100	B00	TO	8.6	HO	8.75	SI	8.75		2	1	26.23	7720101B	Y khoa (B)
486	19006248	NGUYỄN THỊ THUY TRANG	11/11/2005	027305001792	100	B00	TO	9	HO	8.5	SI	9		2	3	26.62	7720101B	Y khoa (B)
487	01098643	TẠ PHƯƠNG TRANG	22/08/2005	001305049848	100	B00	TO	8	HO	8.25	SI	9		2	2	25.41	7720101B	Y khoa (B)
488	03016541	TRẦN ĐOAN TRANG	25/09/2005	031305002449	100	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	8.75		3	1	26.3	7720101B	Y khoa (B)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
489	25005983	TRẦN THỊ THU TRANG	14/07/2005	036305007017	100	B00	TO	8.8	HO	9	SI	7.5		2NT	1	25.61	7720101B	Y khoa (B)
490	21002181	ĐẶNG THỊ THÙY TRÂM	01/12/2005	030305015711	100	B00	TO	8.4	HO	9.75	SI	9.25		2NT	2	27.57	7720101B	Y khoa (B)
491	22004247	PHAN THỊ THU TRÂM	24/09/2005	033305009474	100	B00	TO	7.8	HO	9.25	SI	9.75		2NT	3	27.01	7720101B	Y khoa (B)
492	03012557	LƯƠNG HỮU TRUNG	23/01/2005	031205003062	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	9		3	2	25.7	7720101B	Y khoa (B)
493	01046263	LÊ VĂN TRƯỜNG	29/12/2005	001205020306	100	B00	TO	8.4	HO	9.25	SI	8		2	2	25.8	7720101B	Y khoa (B)
494	15015413	PHÙNG HUY TRƯỜNG	09/01/2005	025205003559	100	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	8.75		1	1	25.68	7720101B	Y khoa (B)
495	19000416	TRẦN ĐĂNG TRƯỜNG	11/08/2005	027205000820	100	B00	TO	8.4	HO	9.5	SI	9.5		2	1	27.49	7720101B	Y khoa (B)
496	15003955	NGÔ ĐỨC TỬ	13/07/2005	025205001305	100	B00	TO	8	HO	7.5	SI	8.75	01	1	1	26.36	7720101B	Y khoa (B)
497	22000328	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	13/01/2005	033205004071	100	B00	TO	8.4	HO	9.5	SI	8.5		2	2	26.52	7720101B	Y khoa (B)
498	14011594	LÒ ANH TUẤN	25/01/2005	014205000434	100	B00	TO	8	HO	7.25	SI	8	01	1	2	25.73	7720101B	Y khoa (B)
499	18000884	NGUYỄN MINH TUẤN	23/10/2003	024203004717	100	B00	TO	9.4	HO	8	SI	9.25			2	26.65	7720101B	Y khoa (B)
500	03016560	BÙI HOÀNG TÙNG	07/02/2005	031205015519	100	B00	TO	8	HO	9.25	SI	9		3	1	26.25	7720101B	Y khoa (B)
501	18019752	PHẠM QUANG TÙNG	20/03/2005	024205013717	100	B00	TO	7.8	HO	8.5	SI	9.25		2	2	25.7	7720101B	Y khoa (B)
502	17015536	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	05/02/2003	022303005174	100	B00	TO	8.6	HO	9	SI	8.75			2	26.35	7720101B	Y khoa (B)
503	18018937	NGUYỄN THỊ TUYẾT	08/07/2005	024305003400	100	B00	TO	8.4	HO	9.25	SI	9.75		2	1	27.49	7720101B	Y khoa (B)
504	19012567	TRỊNH THỊ HỒNG TƯƠI	23/02/2005	027305001605	100	B00	TO	8.2	HO	8.75	SI	8.75		2NT	1	25.99	7720101B	Y khoa (B)
505	29004576	LƯU THỊ THU UYÊN	24/05/2004	040304016270	100	B00	TO	8.6	HO	8.25	SI	8.75		2	3	25.75	7720101B	Y khoa (B)
506	17002598	TRỊNH THẢO UYÊN	29/12/2005	022305001852	100	B00	TO	7.2	HO	8.25	SI	8	01	1	1	25.85	7720101B	Y khoa (B)
507	21003974	NGUYỄN HỮU VĂN	23/11/2005	030205001585	100	B00	TO	7.8	HO	8.25	SI	9.25		2NT	1	25.61	7720101B	Y khoa (B)
508	14001161	NGUYỄN KHÁNH VÂN	11/08/2005	014305000976	100	B00	TO	8	HO	8.25	SI	9		1	1	25.73	7720101B	Y khoa (B)
509	01079951	TRẦN THỊ KHÁNH VÂN	27/03/2005	001305042583	100	B00	TO	8	HO	9.5	SI	9.5		2	2	27.1	7720101B	Y khoa (B)
510	19012583	LÝ XUÂN VIỆT	03/10/2005	027205007902	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	8.5		2NT	1	25.71	7720101B	Y khoa (B)
511	01097072	TRẦN QUỐC VIỆT	03/12/2004	001204051997	100	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	9		2	1	25.6	7720101B	Y khoa (B)
512	19005089	NGUYỄN VĂN VINH	09/12/1997	027097010790	100	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	8.5			1	26.05	7720101B	Y khoa (B)
513	21008018	PHẠM HỮU VINH	14/03/2005	030205010287	100	B00	TO	8.8	HO	9	SI	9.25		2NT	1	27.25	7720101B	Y khoa (B)
514	26005772	ĐỖ BÁ QUANG VŨ	25/11/2005	034205001493	100	B00	TO	8.2	HO	9	SI	8		2NT	2	25.52	7720101B	Y khoa (B)
515	28002602	LÊ VĂN NGUYỄN VŨ	04/12/2005	038205002882	100	B00	TO	8.4	HO	7.75	SI	9.25		2	6	25.55	7720101B	Y khoa (B)
516	19010526	NGUYỄN ĐÌNH VŨ	29/11/2005	027205008499	100	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	9		2NT	2	26.36	7720101B	Y khoa (B)
517	21002228	BÙI THỊ HÀ VY	31/07/2005	030305012390	100	B00	TO	8	HO	9.25	SI	9		2NT	1	26.5	7720101B	Y khoa (B)
518	03003896	CAO THỊ YÊN	22/02/2005	031305002115	100	B00	TO	9	HO	8.25	SI	8.75		2	1	26.13	7720101B	Y khoa (B)
519	03011272	NGUYỄN HẢI YÊN	09/06/2005	031305006758	100	B00	TO	8	HO	8.75	SI	9.5		2	1	26.38	7720101B	Y khoa (B)
520	19002478	NGUYỄN THỊ HẢI YÊN	20/09/2005	027305007885	100	B00	TO	8.4	HO	9	SI	8.75		2	1	26.28	7720101B	Y khoa (B)
521	01008498	NGUYỄN HỮU AN	04/07/2005	001205005889	100	B00	TO	7.8	HO	6.5	SI	6.25		3	6	20.55	7720110	Y học dự phòng

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU T	KVU T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
522	17002619	ĐINH TUẤN ANH	05/12/2005	022205000893	100	B00	TO	6.2	HO	6.5	SI	7	01	2NT	1	22.2	7720110	Y học dự phòng
523	03017245	LÊ VY ANH	02/08/2005	031305000304	100	B00	TO	7.8	HO	6.75	SI	7.25		3	1	21.8	7720110	Y học dự phòng
524	27000472	DƯƠNG NGỌC ÁNH	07/09/2005	037305003207	100	B00	TO	6	HO	6.5	SI	7		2NT	5	20	7720110	Y học dự phòng
525	03004399	PHẠM THỊ MINH ÁNH	01/02/2002	031302009857	100	B00	TO	6.8	HO	6.75	SI	5.75			2	19.3	7720110	Y học dự phòng
526	01036074	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	21/01/2004	001304014788	100	B00	TO	7.2	HO	6.75	SI	6.25		2	5	20.45	7720110	Y học dự phòng
527	03010114	BÙI THANH BÌNH	24/10/2005	031205007091	100	B00	TO	6.6	HO	6.75	SI	6.25		2	2	19.85	7720110	Y học dự phòng
528	03006233	ĐỖ XUÂN DŨNG	04/06/2005	031205002176	100	B00	TO	7.2	HO	8.5	SI	6.75		2	2	22.7	7720110	Y học dự phòng
529	03017548	LƯU THÀNH ĐẠT	27/05/2005	031205000330	100	B00	TO	7.4	HO	6.75	SI	7.25		3	3	21.4	7720110	Y học dự phòng
530	03018049	ĐINH THỊ NGỌC HUYỀN	04/01/2005	031305001351	100	B00	TO	8.2	HO	7.75	SI	7.75		3	2	23.7	7720110	Y học dự phòng
531	21019849	VŨ THỊ LAN HƯƠNG	19/06/2005	030305012784	100	B00	TO	7	HO	7.25	SI	6.5		2NT	3	21.25	7720110	Y học dự phòng
532	18003679	VŨ QUANG KHẢI	01/11/2005	024205009236	100	B00	TO	6.8	HO	6.75	SI	6.75		2NT	2	20.8	7720110	Y học dự phòng
533	03020385	TRẦN TRUNG KIÊN	21/09/2005	031205007042	100	B00	TO	6.2	HO	6.5	SI	7.75		3	4	20.45	7720110	Y học dự phòng
534	26000330	VŨ TRUNG KIÊN	10/11/2001	034201000812	100	B00	TO	7	HO	8	SI	6.25			3	21.25	7720110	Y học dự phòng
535	10006516	HOÀNG THỊ NGỌC LIÊU	16/11/2005	020305005336	100	B00	TO	5	HO	5.75	SI	5.5	01	1	1	19	7720110	Y học dự phòng
536	03020408	HOÀNG THỊ KHÁNH LINH	06/03/2005	031305005555	100	B00	TO	7	HO	7.75	SI	6.75		3	3	21.5	7720110	Y học dự phòng
537	27001267	PHẠM VĂN LINH	28/11/2005	037205003437	100	B00	TO	7.2	HO	6	SI	6.75		2NT	1	20.45	7720110	Y học dự phòng
538	17015275	VŨ THÙY LINH	19/12/2005	022305010249	100	B00	TO	7.4	HO	6.25	SI	5.5		2	1	19.4	7720110	Y học dự phòng
539	03011790	VŨ THỊ KIM LUYÊN	25/05/2005	031305015901	100	B00	TO	6.8	HO	6.75	SI	7.75		2	1	21.55	7720110	Y học dự phòng
540	03011807	LÊ VĂN MINH	03/12/2005	031205007597	100	B00	TO	5.8	HO	5.75	SI	7.5		2	3	19.3	7720110	Y học dự phòng
541	21000783	VŨ CÔNG MINH	17/06/2005	030205015416	100	B00	TO	7.6	HO	7	SI	9		2NT	7	24.03	7720110	Y học dự phòng
542	17009670	VŨ QUỲNH NHƯ	19/08/2005	022305005087	100	B00	TO	6.8	HO	7.5	SI	5		2	2	19.55	7720110	Y học dự phòng
543	03009903	TRỊNH THU PHƯƠNG	01/06/2005	031305006005	100	B00	TO	7.6	HO	7.75	SI	5.5		2	5	21.1	7720110	Y học dự phòng
544	21003884	NGUYỄN HẢI THỊNH	08/07/2005	030205005159	100	B00	TO	8	HO	8	SI	7.25		2NT	1	23.7	7720110	Y học dự phòng
545	19011050	MAI THỊ THU	12/09/2005	027305003191	100	B00	TO	7.4	HO	7	SI	6		2NT	5	20.9	7720110	Y học dự phòng
546	28019282	NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	24/01/2004	038304029123	100	B00	TO	6	HO	6	SI	7		2NT	2	19.5	7720110	Y học dự phòng
547	28015263	NGUYỄN TRỌNG TRƯỜNG	07/08/2005	038205002294	100	B00	TO	6.8	HO	6.5	SI	6.5		2NT	2	20.3	7720110	Y học dự phòng
548	28029447	NGUYỄN ANH TÙNG	06/11/2005	038205027358	100	B00	TO	7	HO	6.75	SI	5.5		2NT	1	19.75	7720110	Y học dự phòng
549	27005554	TÔ ÁNH TUYẾT	12/08/2005	034305000428	100	B00	TO	6.6	HO	5.5	SI	7		2	1	19.35	7720110	Y học dự phòng
550	21019200	PHẠM THỂ VINH	29/03/2005	030205005121	100	B00	TO	7.2	HO	7.25	SI	6		2NT	2	20.95	7720110	Y học dự phòng
551	21019575	PHẠM KHẮC AN	07/05/2005	030205003868	100	B00	TO	7.6	HO	8.5	SI	8.25		2NT	6	24.73	7720115	Y học cổ truyền
552	17006248	HOÀNG CÔNG ANH	31/08/2005	022205008431	100	B00	TO	7.4	HO	7.25	SI	8		2	9	22.9	7720115	Y học cổ truyền
553	03017232	HOÀNG KIM ANH	04/11/2005	031305004745	100	B00	TO	7.8	HO	7.75	SI	7		3	1	22.55	7720115	Y học cổ truyền
554	03021401	LÊ QUANG ANH	23/04/2005	031205005349	100	B00	TO	7	HO	7.75	SI	7		2	1	22	7720115	Y học cổ truyền

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
555	03021402	LÊ THỊ LAN ANH	26/03/2005	031305004671	100	B00	TO	7.8	HO	8.75	SI	7.75		2	6	24.49	7720115	Y học cổ truyền
556	03019949	NGUYỄN QUỲNH ANH	23/09/2005	031305002673	100	B00	TO	6.8	HO	8.25	SI	7.25		3	1	22.3	7720115	Y học cổ truyền
557	28029497	PHẠM VĂN VIỆT ANH	02/11/2005	038205013202	100	B00	TO	6.8	HO	7.5	SI	7.5		2NT	1	22.3	7720115	Y học cổ truyền
558	26009654	VŨ THỊ LAN ANH	28/07/2005	034305000563	100	B00	TO	7.6	HO	8.25	SI	7.25		2NT	1	23.56	7720115	Y học cổ truyền
559	17001385	NGUYỄN THỊ BÌNH	04/04/2005	022305002930	100	B00	TO	7.2	HO	8.25	SI	8.25		2NT	1	24.12	7720115	Y học cổ truyền
560	04006650	NGUYỄN TUẤN CẢNH	18/12/2005	049205016148	100	B00	TO	7.6	HO	6.5	SI	7.75		3	4	21.85	7720115	Y học cổ truyền
561	21018841	NGUYỄN QUANG CAO	21/01/2005	030205014142	100	B00	TO	8.2	HO	7	SI	8.25		2NT	1	23.89	7720115	Y học cổ truyền
562	28019971	VŨ TRỌNG CAO	07/11/2005	038205012768	100	B00	TO	7.4	HO	7	SI	8.25		2NT	4	23.14	7720115	Y học cổ truyền
563	13000382	BÙI LINH CHI	01/06/2005	015305001340	100	B00	TO	6.8	HO	6.75	SI	8		2	5	21.8	7720115	Y học cổ truyền
564	17008032	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	17/05/2005	036305015235	100	B00	TO	7.2	HO	6	SI	8.5		2	3	21.95	7720115	Y học cổ truyền
565	16002411	BẠCH CẢNH CƯỜNG	23/07/2005	026205010678	100	B00	TO	6.6	HO	7.5	SI	8		2NT	5	22.6	7720115	Y học cổ truyền
566	03010165	PHẠM DUY CƯỜNG	05/09/2005	031205007098	100	B00	TO	7.4	HO	7.25	SI	7.5		2	1	22.4	7720115	Y học cổ truyền
567	21013691	ĐINH THỊ THU DOAN	13/08/2005	030305002369	100	B00	TO	7.2	HO	7.25	SI	7.5		2	1	22.2	7720115	Y học cổ truyền
568	03020078	ĐÀO VIỆT DŨNG	02/06/2005	031205002266	100	B00	TO	8.4	HO	8.25	SI	7.75		3	3	24.4	7720115	Y học cổ truyền
569	21020232	NGUYỄN VĂN DŨNG	26/02/2005	030205005525	100	B00	TO	8.4	HO	7.75	SI	7		2NT	2	23.61	7720115	Y học cổ truyền
570	03011433	NGUYỄN THU DUYẾN	21/07/2005	031305007690	100	B00	TO	7.8	HO	7.75	SI	8		2	4	23.77	7720115	Y học cổ truyền
571	03011435	BÙI THỊ THÙY DƯƠNG	17/05/2005	031305007494	100	B00	TO	7.8	HO	7.75	SI	8.75		2	1	24.49	7720115	Y học cổ truyền
572	03017510	NGUYỄN HOÀI DƯƠNG	17/05/2005	031205013517	100	B00	TO	8.2	HO	7.25	SI	7.25		3	3	22.7	7720115	Y học cổ truyền
573	19014906	ĐỖ ĐĂNG ĐẠT	07/03/2005	027205005259	100	B00	TO	7	HO	7.25	SI	8		2NT	2	22.75	7720115	Y học cổ truyền
574	16006108	VŨ HẢI ĐĂNG	17/03/2005	026205001576	100	B00	TO	8	HO	7.75	SI	8		2NT	3	24.17	7720115	Y học cổ truyền
575	17013944	VƯƠNG QUỲNH ĐIẾP	20/11/2005	022305008239	100	B00	TO	7	HO	7.75	SI	7.75		2	1	22.75	7720115	Y học cổ truyền
576	03019540	VŨ THỊ THU HÀ	12/01/2005	031305001411	100	B00	TO	7.4	HO	7.25	SI	8.75		3	1	23.4	7720115	Y học cổ truyền
577	24008953	NGUYỄN THỊ HÈ	28/05/2003	035303005592	100	B00	TO	6.8	HO	7.5	SI	7.5			4	21.8	7720115	Y học cổ truyền
578	03010349	PHẠM THỊ HIỀN	25/10/2005	031305014753	100	B00	TO	7.8	HO	7.25	SI	6.75		2	1	22.05	7720115	Y học cổ truyền
579	03003206	ĐỖ THỊ THU HIỀN	28/08/2005	031305012160	100	B00	TO	7.2	HO	7.75	SI	7.75		1	4	23.43	7720115	Y học cổ truyền
580	08004669	NGUYỄN THU HIỀN	11/06/2005	010305000080	100	B00	TO	7.2	HO	8.75	SI	7.75		1	3	24.33	7720115	Y học cổ truyền
581	10001403	NÔNG THỊ THU HIỀN	27/09/2005	020305001178	100	B00	TO	7.4	HO	7.5	SI	6.75	01	1	2	24.4	7720115	Y học cổ truyền
582	62002157	SÙNG THỊ THU HOA	27/10/2005	011305000141	100	B00	TO	7.4	HO	6.75	SI	7.75	01	1	2	24.65	7720115	Y học cổ truyền
583	03016608	PHẠM PHƯƠNG HOÀN	05/02/2005	031305001949	100	B00	TO	7.6	HO	7.25	SI	8.25		3	1	23.1	7720115	Y học cổ truyền
584	17015218	CAO THỊ THANH HUYỀN	07/10/2005	022305002510	100	B00	TO	8.6	HO	6.75	SI	8		2	1	23.57	7720115	Y học cổ truyền
585	21011536	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	03/01/2005	030205002570	100	B00	TO	8.6	HO	7.5	SI	6.5		2	1	22.85	7720115	Y học cổ truyền
586	03021994	NGUYỄN THÀNH HÙNG	15/11/2005	031205005897	100	B00	TO	7.8	HO	7.5	SI	8		3	1	23.3	7720115	Y học cổ truyền
587	18016600	TRẦN THỊ LAN HƯƠNG	20/09/2005	024305012935	100	B00	TO	7.6	HO	8.25	SI	5.5		2NT	3	21.85	7720115	Y học cổ truyền

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
588	03020938	VŨ THỊ QUỲNH HƯƠNG	19/02/2005	022305000687	100	B00	TO	7.8	HO	7.75	SI	7.75		3	1	23.3	7720115	Y học cổ truyền
589	01068156	NGUYỄN MINH KHANH	06/03/2005	001305038965	100	B00	TO	7.6	HO	7.75	SI	6.25		2	3	21.85	7720115	Y học cổ truyền
590	21003593	BÙI KIM KHÁNH	16/08/2005	030205001613	100	B00	TO	8	HO	8.25	SI	7.75		2NT	1	24.4	7720115	Y học cổ truyền
591	03010774	BÙI THỊ NHẬT KHÁNH	02/09/2005	031305015841	100	B00	TO	7.2	HO	8.5	SI	8.75		2	1	24.64	7720115	Y học cổ truyền
592	21003608	PHẠM ĐỨC KIÊN	21/07/2005	030205002448	100	B00	TO	7.4	HO	7.75	SI	6.75		2NT	1	22.4	7720115	Y học cổ truyền
593	14001347	TRẦN TRUNG KIÊN	22/02/2005	014205011428	100	B00	TO	7.6	HO	7.25	SI	8.25		1	4	23.79	7720115	Y học cổ truyền
594	17001201	LÊ THỊ THÙY LINH	21/03/2003	022303005028	100	B00	TO	7.4	HO	7.5	SI	7.75			2	22.65	7720115	Y học cổ truyền
595	03009467	NGUYỄN ĐIỀU LINH	10/07/2005	031305009177	100	B00	TO	7.8	HO	7.75	SI	8.5		2	2	24.25	7720115	Y học cổ truyền
596	17013807	NGUYỄN KHÁNH LINH	11/08/2005	022305010341	100	B00	TO	7.4	HO	7.5	SI	8		2	1	23.14	7720115	Y học cổ truyền
597	03022267	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	20/05/2005	031305001304	100	B00	TO	7.6	HO	7.25	SI	7.75		3	2	22.6	7720115	Y học cổ truyền
598	03020421	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	29/09/2005	031305009043	100	B00	TO	6.6	HO	8	SI	7.5		3	3	22.1	7720115	Y học cổ truyền
599	03022270	PHẠM PHƯƠNG LINH	07/10/2005	031305004189	100	B00	TO	7.8	HO	7.75	SI	7.5		3	3	23.05	7720115	Y học cổ truyền
600	17009141	PHẠM THÙY LINH	01/10/2005	022305001164	100	B00	TO	8.6	HO	7.75	SI	8.25		2	4	24.78	7720115	Y học cổ truyền
601	21015650	PHẠM PHÚ HOÀNG LONG	24/10/2005	030205015890	100	B00	TO	7.4	HO	8.25	SI	8		2NT	4	24.07	7720115	Y học cổ truyền
602	03007048	VŨ VĂN HẢI LONG	07/03/2005	031205007175	100	B00	TO	8.2	HO	8	SI	6.25		2	4	22.7	7720115	Y học cổ truyền
603	21006033	BÙI NHẬT MINH	02/08/2005	030205003366	100	B00	TO	7.4	HO	8	SI	7.25		2NT	1	23.14	7720115	Y học cổ truyền
604	27003155	NGÔ HÀ MINH	27/09/2005	037305004824	100	B00	TO	8	HO	7.25	SI	7		2NT	1	22.75	7720115	Y học cổ truyền
605	21020574	NGUYỄN ĐĂNG MINH	29/07/2005	030205015844	100	B00	TO	7	HO	7.5	SI	7.25		2NT	5	22.25	7720115	Y học cổ truyền
606	01089960	NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ	15/05/2005	001305047517	100	B00	TO	7.8	HO	6	SI	8.25		2	1	22.3	7720115	Y học cổ truyền
607	21006055	VŨ THỊ HẰNG NGÀ	27/05/2005	030305008445	100	B00	TO	7.6	HO	7.75	SI	6.75		2NT	1	22.6	7720115	Y học cổ truyền
608	27007444	TRẦN THỊ THU NGÂN	07/11/2005	037305004520	100	B00	TO	7.6	HO	7.75	SI	6.75		2NT	1	22.6	7720115	Y học cổ truyền
609	01008379	NGUYỄN PHAN MINH NGỌC	29/07/2005	011305000030	100	B00	TO	7.8	HO	7	SI	7.25		3	1	22.05	7720115	Y học cổ truyền
610	17005603	NGUYỄN VŨ NGỌC	13/09/2005	022305000630	100	B00	TO	8.8	HO	7	SI	7.75		2	1	23.77	7720115	Y học cổ truyền
611	30000484	VŨ THỊ HỒNG NGỌC	17/02/2005	042305003261	100	B00	TO	6.8	HO	6.5	SI	8.5		2	4	22.05	7720115	Y học cổ truyền
612	09001390	VŨ HỒNG NGỌC	01/12/2005	008305001290	100	B00	TO	7.2	HO	6.75	SI	8		2	1	22.2	7720115	Y học cổ truyền
613	26002130	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	26/07/2005	034305000202	100	B00	TO	7.6	HO	8	SI	7.25		2	3	23.09	7720115	Y học cổ truyền
614	21008380	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG OANH	26/08/2005	030305010773	100	B00	TO	8	HO	8.5	SI	8.5		2NT	1	25.33	7720115	Y học cổ truyền
615	03018840	NGUYỄN VŨ QUỐC PHONG	06/11/2005	031205007945	100	B00	TO	7.6	HO	7.25	SI	8.25		3	1	23.1	7720115	Y học cổ truyền
616	26003660	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	27/08/2005	034305006936	100	B00	TO	6.6	HO	7	SI	8		2NT	3	22.1	7720115	Y học cổ truyền
617	03004222	NGUYỄN VĂN QUANG	11/02/2005	031205004194	100	B00	TO	8.4	HO	8	SI	7.75		2	1	24.35	7720115	Y học cổ truyền
618	22014379	NGUYỄN BÍCH QUYÊN	13/05/2005	033305002106	100	B00	TO	8.8	HO	7.5	SI	5.25		2NT	6	22.05	7720115	Y học cổ truyền
619	26012125	NGÔ NHƯ QUỲNH	22/09/2005	034305007419	100	B00	TO	8	HO	7	SI	7		2NT	2	22.5	7720115	Y học cổ truyền
620	16002191	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	26/10/2005	026305006598	100	B00	TO	7.6	HO	7.5	SI	7.75		2	1	23.09	7720115	Y học cổ truyền

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
621	17006891	NGUYỄN MẠNH SINH	29/05/2005	022205004946	100	B00	TO	7	HO	7.75	SI	7.5		2	1	22.5	7720115	Y học cổ truyền
622	03011203	BÙI THANH THẢO	25/02/2005	031305015902	100	B00	TO	8.4	HO	7.25	SI	8		2	2	23.86	7720115	Y học cổ truyền
623	03004324	PHẠM PHƯƠNG THẢO	01/07/2005	031305011816	100	B00	TO	7.4	HO	8.75	SI	8.75		2	1	25.07	7720115	Y học cổ truyền
624	01052190	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	29/10/2005	001305024930	100	B00	TO	8.4	HO	7.25	SI	7.25		2	8	23.14	7720115	Y học cổ truyền
625	54012222	VŨ ĐỨC THẮNG	18/11/2005	091205018148	100	B00	TO	7.4	HO	7.25	SI	7.25		2NT	1	22.4	7720115	Y học cổ truyền
626	03008264	NGUYỄN VĂN THIỀU	02/12/2005	031205011525	100	B00	TO	7.6	HO	7	SI	8.5		2	1	23.33	7720115	Y học cổ truyền
627	12001281	LÊNG VĂN THỤY	18/06/2005	019205002988	100	B00	TO	7.6	HO	6	SI	7.5	01	1	1	23.85	7720115	Y học cổ truyền
628	02038987	VŨ THỊ MINH THU	13/10/2005	036305001589	100	B00	TO	7.4	HO	7.75	SI	7.25		3	4	22.4	7720115	Y học cổ truyền
629	12002054	LÔ THỊ MINH TRANG	05/05/2005	004305006170	100	B00	TO	7.2	HO	6.75	SI	6.5	01	1	2	23.2	7720115	Y học cổ truyền
630	17008307	NGUYỄN KHÁNH TRÌNH	30/10/2005	022205012458	100	B00	TO	7.6	HO	8.25	SI	7.25		2	5	23.33	7720115	Y học cổ truyền
631	28025037	LÊ THỂ TRUNG	17/05/2005	038205006826	100	B00	TO	7.4	HO	7.25	SI	7.25		2NT	1	22.4	7720115	Y học cổ truyền
632	14003543	LƯỠNG KIÊN TRƯỜNG	23/09/2005	014205003287	100	B00	TO	6.6	HO	7	SI	7.5	01	1	1	23.85	7720115	Y học cổ truyền
633	15003719	LÊ THANH TÙNG	12/07/2005	025205013388	100	B00	TO	7.6	HO	8	SI	7.25		2	2	23.09	7720115	Y học cổ truyền
634	21003969	NGUYỄN PHẠM ÁNH TUYẾT	19/01/2005	231305000017	100	B00	TO	7.6	HO	7.5	SI	7.25		2NT	1	22.85	7720115	Y học cổ truyền
635	03005366	TRẦN HOÀNG MINH TUYẾT	28/02/2005	031305006976	100	B00	TO	7	HO	8.5	SI	8.5		2	2	24.2	7720115	Y học cổ truyền
636	21009294	MẠC PHƯƠNG UYÊN	05/02/2005	030305005438	100	B00	TO	8.4	HO	7.75	SI	8.25		2NT	1	24.77	7720115	Y học cổ truyền
637	03008972	NGUYỄN THỊ VÂN	11/01/2004	031304006732	100	B00	TO	8	HO	7.5	SI	7		2	3	22.75	7720115	Y học cổ truyền
638	03000606	ĐẶNG THANH VIỆT	09/01/2005	031305015698	100	B00	TO	7.8	HO	7.5	SI	7.25		2	2	22.8	7720115	Y học cổ truyền
639	25002211	ĐỖ ANH VŨ	16/03/2005	036205005620	100	B00	TO	7.2	HO	7.5	SI	7.75		2	2	22.7	7720115	Y học cổ truyền
640	03019071	PHẠM THÀNH AN	25/09/2005	031205003932	100	A00	TO	8.2	LI	7.75	HO	8		3	3	23.95	7720201A	Dược học (A)
641	18007872	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	08/10/2005	024305010236	100	A00	TO	8.2	LI	7.5	HO	7.75		1	7	24.11	7720201A	Dược học (A)
642	17014484	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	01/01/2005	022305000074	100	A00	TO	8.4	LI	8.25	HO	7		2	1	23.86	7720201A	Dược học (A)
643	25012216	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	25/10/2005	036305000784	100	A00	TO	8.2	LI	7.5	HO	9		2NT	1	25.05	7720201A	Dược học (A)
644	03013532	NGUYỄN VŨ BẢO ANH	25/10/2005	031205004219	100	A00	TO	7.2	LI	8	HO	8.25		3	4	23.45	7720201A	Dược học (A)
645	21006930	NGUYỄN THỊ NGỌC CHINH	06/07/2005	030305010027	100	A00	TO	7.8	LI	7	HO	9.25		2NT	1	24.45	7720201A	Dược học (A)
646	21005047	PHẠM NHƯ CƯỜNG	26/06/2004	030204006457	100	A00	TO	8.4	LI	8.5	HO	8.5		2NT	1	25.71	7720201A	Dược học (A)
647	21006947	TRƯƠNG QUANG DŨNG	14/09/2005	030205006217	100	A00	TO	8	LI	8	HO	7.25		2NT	1	23.7	7720201A	Dược học (A)
648	03017521	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	20/05/2003	022303002992	100	A00	TO	7.4	LI	8.25	HO	9			1	24.65	7720201A	Dược học (A)
649	10000597	HOÀNG TRỌNG ĐẠT	17/03/2005	033205008198	100	A00	TO	8	LI	8.5	HO	7.25		1	1	24.38	7720201A	Dược học (A)
650	03017574	LÊ HẢI ĐĂNG	11/05/2005	027205000239	100	A00	TO	8.2	LI	8.5	HO	7.75		3	4	24.45	7720201A	Dược học (A)
651	21004715	HOÀNG THU HÀ	18/08/2005	030305002016	100	A00	TO	8	LI	7.75	HO	8		2NT	1	24.17	7720201A	Dược học (A)
652	10008018	NÔNG THỊ HÀ	25/12/2005	020305000786	100	A00	TO	7.6	LI	8	HO	8	01	1	1	25.95	7720201A	Dược học (A)
653	19012785	PHẠM THỊ THU HẠNH	20/10/2005	027305002529	100	A00	TO	8.6	LI	8.25	HO	7.5		2NT	9	24.73	7720201A	Dược học (A)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU T	KVU T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
654	17009027	NGUYỄN THỊ KIM HẰNG	20/10/2005	022305008183	100	A00	TO	8	LI	7.75	HO	7.5		2	5	23.48	7720201A	Dược học (A)
655	03000187	LƯƠNG THU HIỀN	12/09/2005	031305011256	100	A00	TO	8.2	LI	7.75	HO	7.5		2	3	23.67	7720201A	Dược học (A)
656	41006569	MAI TRUNG HIẾU	14/03/2005	040205017950	100	A00	TO	7.2	LI	7.25	HO	8.25		1	1	23.43	7720201A	Dược học (A)
657	03000690	NGUYỄN PHƯƠNG HUYỀN	09/01/2005	031305007078	100	A00	TO	8.2	LI	7	HO	8		2	1	23.43	7720201A	Dược học (A)
658	03021990	CAO TRẦN HÙNG	20/07/2005	031205003117	100	A00	TO	8	LI	8	HO	8.75		3	5	24.75	7720201A	Dược học (A)
659	15000752	LÊ NGUYỄN BẢO HÙNG	07/12/2005	025205000845	100	A00	TO	7	LI	9	HO	7.75		2	5	23.96	7720201A	Dược học (A)
660	22012581	NGUYỄN THU HƯƠNG	15/06/2005	033305003632	100	A00	TO	7.2	LI	8.25	HO	7.75		2NT	3	23.65	7720201A	Dược học (A)
661	03012886	ĐỖ THỊ HỒNG KHÁNH	27/09/2005	031305007344	100	A00	TO	7.8	LI	8.75	HO	8.25		3	1	24.8	7720201A	Dược học (A)
662	08003321	SÙNG MI LAN	26/12/2005	010305005237	100	A00	TO	7.6	LI	7.5	HO	7.5	01	1	1	25.31	7720201A	Dược học (A)
663	03009436	VŨ MAI LAN	22/02/2005	031305014430	100	A00	TO	7.6	LI	7.75	HO	8		2	1	23.57	7720201A	Dược học (A)
664	03022259	ĐOÀN THỊ KHÁNH LINH	21/10/2005	031305013638	100	A00	TO	8.6	LI	7.75	HO	7.25		3	1	23.6	7720201A	Dược học (A)
665	03003236	NGUYỄN DIỆU LINH	22/09/2005	031305006802	100	A00	TO	8	LI	7	HO	7.75		1	4	23.48	7720201A	Dược học (A)
666	15003870	TRẦN KHÁNH LINH	15/01/2005	025305001282	100	A00	TO	8	LI	8.25	HO	7.5		1	8	24.38	7720201A	Dược học (A)
667	17014297	PHẠM QUANG LUẬT	09/05/2005	022205002422	100	A00	TO	8.2	LI	8	HO	8.5		2	1	24.88	7720201A	Dược học (A)
668	03015049	ĐINH KHÁNH LY	04/09/2005	031305002749	100	A00	TO	8.6	LI	7.75	HO	8.25		3	1	24.6	7720201A	Dược học (A)
669	03020516	VŨ QUANG MINH	24/11/2005	031205002158	100	A00	TO	7.6	LI	8.5	HO	8		3	1	24.1	7720201A	Dược học (A)
670	21020576	NGUYỄN THỊ MƠ	21/01/2005	030305004019	100	A00	TO	8	LI	8.25	HO	8.5		2NT	1	25.1	7720201A	Dược học (A)
671	19000928	NGUYỄN THỊ HẰNG NGÀ	23/01/2005	027305003311	100	A00	TO	8	LI	7.75	HO	7.5		2	4	23.48	7720201A	Dược học (A)
672	03020597	NGHIÊM TRẦN BẢO NGỌC	10/08/2005	031305001549	100	A00	TO	8.6	LI	9	HO	8		3	1	25.6	7720201A	Dược học (A)
673	03011031	PHẠM HỒNG NGỌC	17/10/2005	031305006517	100	A00	TO	8.2	LI	7	HO	8		2	1	23.43	7720201A	Dược học (A)
674	30010269	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	29/08/2005	042305000342	100	A00	TO	8.2	LI	8	HO	8.75		2NT	1	25.29	7720201A	Dược học (A)
675	28032575	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	18/08/2005	038305006375	100	A00	TO	7.8	LI	8.25	HO	7.75		2	1	24.01	7720201A	Dược học (A)
676	19015202	PHẠM NGUYỄN YẾN NHI	20/09/2005	036305013180	100	A00	TO	8.2	LI	8.75	HO	6.25		2NT	1	23.65	7720201A	Dược học (A)
677	21007165	PHẠM THỊ NHUNG	31/03/2005	030305004278	100	A00	TO	7.8	LI	8.25	HO	8.5		2NT	1	24.91	7720201A	Dược học (A)
678	21017471	VŨ THỊ TUYẾT NHUNG	19/05/2005	030305008700	100	A00	TO	9.2	LI	7.75	HO	7.75		2	2	24.88	7720201A	Dược học (A)
679	03011056	ĐỖ TUYẾT NHƯ	09/01/2005	031305007239	100	A00	TO	8.4	LI	8.5	HO	7		2	1	24.1	7720201A	Dược học (A)
680	03006489	NGUYỄN HÙNG PHƯỚC	13/12/2003	031203002323	100	A00	TO	7.4	LI	7.25	HO	8	03b		4	24.61	7720201A	Dược học (A)
681	29004495	MÙA MAI PHƯƠNG	20/03/2005	040305013553	100	A00	TO	7.4	LI	7.75	HO	7.5	01	1	1	25.35	7720201A	Dược học (A)
682	17013198	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	02/08/2005	022305009298	100	A00	TO	8.2	LI	7.75	HO	7.5		2	3	23.67	7720201A	Dược học (A)
683	17006144	NGUYỄN THỊ QUỲNH	06/05/2005	022305000849	100	A00	TO	7.4	LI	7.5	HO	8.5		2	3	23.62	7720201A	Dược học (A)
684	22010114	PHẠM NHƯ QUỲNH	07/09/2005	033305001088	100	A00	TO	7.8	LI	7.5	HO	8		2NT	1	23.75	7720201A	Dược học (A)
685	23004662	TRẦN NHƯ QUỲNH	29/10/2005	017305000984	100	A00	TO	8.4	LI	7	HO	7.75		1	8	23.84	7720201A	Dược học (A)
686	25019091	VŨ HỮU TÀI	07/10/2005	036205015857	100	A00	TO	8	LI	8.75	HO	8.5		2NT	1	25.57	7720201A	Dược học (A)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
687	06000992	NGUYỄN THU THẢO	12/03/2005	004305000687	100	A00	TO	8	LI	6.25	HO	7.5	01	1	4	24.5	7720201A	Dược học (A)
688	22011245	PHẠM PHƯƠNG THẢO	21/03/2005	033305005983	100	A00	TO	9.2	LI	7	HO	8		2	2	24.39	7720201A	Dược học (A)
689	19009624	NGUYỄN ĐƯƠNG THẮNG	18/04/2005	027205004138	100	A00	TO	8.8	LI	8.25	HO	8		2NT	1	25.38	7720201A	Dược học (A)
690	27002446	TRẦN PHƯƠNG THUỶ	18/08/2005	037305002796	100	A00	TO	7.2	LI	8	HO	8.25		2NT	3	23.89	7720201A	Dược học (A)
691	03018950	BÙI ANH THU'	14/02/2005	031305012935	100	A00	TO	8.2	LI	7.5	HO	7.75		3	2	23.45	7720201A	Dược học (A)
692	21018248	CAO THỊ MINH THU'	20/12/2005	030305013253	100	A00	TO	8	LI	6.75	HO	9.25		2	4	24.2	7720201A	Dược học (A)
693	19012492	LÊ ANH THU'	01/12/2005	027305001630	100	A00	TO	8.2	LI	8.25	HO	7.75		2NT	1	24.59	7720201A	Dược học (A)
694	25013815	NGUYỄN THỊ LINH THƯƠNG	03/10/2005	036305007279	100	A00	TO	7.8	LI	7	HO	8.25		2NT	1	23.51	7720201A	Dược học (A)
695	16000432	NGUYỄN PHƯƠNG TRẢ	11/04/2005	026305000021	100	A00	TO	8.4	LI	7.75	HO	7.5		2	6	23.86	7720201A	Dược học (A)
696	21002168	NGÔ THỊ THU TRANG	26/01/2005	030305004570	100	A00	TO	8	LI	8.25	HO	8		2NT	1	24.63	7720201A	Dược học (A)
697	03019726	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	22/09/2005	031305004401	100	A00	TO	7.8	LI	7.75	HO	8.25		3	4	23.8	7720201A	Dược học (A)
698	25012663	TRẦN THỊ QUỲNH TRANG	16/11/2005	036305008741	100	A00	TO	8	LI	8	HO	8.5		2NT	1	24.87	7720201A	Dược học (A)
699	03013183	TRẦN THUY TRANG	05/12/2005	031305004738	100	A00	TO	7.8	LI	8	HO	8.25		3	1	24.05	7720201A	Dược học (A)
700	17006999	NGUYỄN THỊ BẢO TRẦN	11/11/2005	022305010196	100	A00	TO	8.2	LI	7.75	HO	8.5		2	1	24.64	7720201A	Dược học (A)
701	16013747	PHẠM ĐÀO TUẤN	09/10/2005	026205004290	100	A00	TO	6	LI	7.25	HO	8.25	01	2NT	5	24	7720201A	Dược học (A)
702	28017889	ĐỖ THỊ TUYẾT	30/06/2005	038305011612	100	A00	TO	7.8	LI	8.25	HO	7		2NT	1	23.51	7720201A	Dược học (A)
703	03017855	ĐỖ THỊ HỒNG VÂN	10/02/2005	031305002626	100	A00	TO	8.4	LI	8	HO	8		3	4	24.4	7720201A	Dược học (A)
704	19016129	LÊ THỊ MỸ VÂN	20/12/2004	027304007730	100	A00	TO	8.6	LI	7.5	HO	8		2NT	1	24.49	7720201A	Dược học (A)
705	27006229	NGUYỄN QUỐC VIỆT	06/01/2005	037205005736	100	A00	TO	8.4	LI	7.75	HO	7.5		2NT	4	24.07	7720201A	Dược học (A)
706	03011276	UÔNG HẢI YẾN	03/03/2005	031305013735	100	A00	TO	8	LI	8.5	HO	8.5		2	3	25.17	7720201A	Dược học (A)
707	14001192	NGUYỄN TRẦN MAI AN	06/01/2005	014305002190	100	B00	TO	7.4	HO	8.5	SI	8.25		1	1	24.74	7720201B	Dược học (B)
708	21021226	TRẦN NAM HOÀNG AN	17/11/2005	030205002742	100	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	9		2NT	1	25.75	7720201B	Dược học (B)
709	17012670	VŨ THỊ HÒA AN	30/03/2005	022305004230	100	B00	TO	8.2	HO	8	SI	8.75		2	1	25.12	7720201B	Dược học (B)
710	17011058	ĐOÀN MINH ANH	08/12/2003	022303006007	100	B00	TO	9.2	HO	7.75	SI	8.5			1	25.45	7720201B	Dược học (B)
711	19015457	LÊ PHƯƠNG ANH	25/01/2005	027305008723	100	B00	TO	7.6	HO	8.25	SI	8.25		2NT	2	24.49	7720201B	Dược học (B)
712	03010092	NGUYỄN NGỌC ÁNH	02/06/2005	031305010817	100	B00	TO	8	HO	8.5	SI	8.25		2	1	24.93	7720201B	Dược học (B)
713	17005199	TRẦN THUY CHI	16/09/2005	022305000588	100	B00	TO	8.4	HO	8.25	SI	7.75		2	2	24.59	7720201B	Dược học (B)
714	21000090	HÀ THỊ DUNG	24/10/2005	030305007679	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	8.25		2NT	1	25.47	7720201B	Dược học (B)
715	26019004	BÙI THỊ HỒNG DUYÊN	19/06/2005	034305010550	100	B00	TO	8.4	HO	8.25	SI	8.25		2NT	2	25.24	7720201B	Dược học (B)
716	21016022	TẠ THỊ DUYÊN	17/09/2005	030305011413	100	B00	TO	7.4	HO	7.75	SI	7.25	04b	2NT	2	24.9	7720201B	Dược học (B)
717	22003939	NGUYỄN THỊ THUY DƯƠNG	03/06/2005	033305007151	100	B00	TO	8	HO	8.25	SI	8.5		2NT	3	25.1	7720201B	Dược học (B)
718	03004868	PHẠM VĂN DƯƠNG	19/03/2005	031205014153	100	B00	TO	8.8	HO	9.25	SI	8.5		2	1	26.67	7720201B	Dược học (B)
719	03008792	BÙI VĂN ĐỨC	13/11/2005	031205006239	100	B00	TO	7.8	HO	8.75	SI	7.75		2	2	24.49	7720201B	Dược học (B)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU T	KVU T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
720	17012118	VŨ NGỌC ĐỨC	27/08/2005	022205005372	100	B00	TO	7.4	HO	8.75	SI	8.5		2	1	24.83	7720201B	Dược học (B)
721	24006868	NGUYỄN THỊ GIÁP	14/11/2004	035304001176	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	8.25		2NT	2	25.29	7720201B	Dược học (B)
722	24004395	TRẦN THỊ THANH HÀ	14/08/2005	035305008232	100	B00	TO	7.2	HO	8.25	SI	8.75		2NT	1	24.59	7720201B	Dược học (B)
723	03006388	BÙI THANH HẰNG	26/12/2004	031304011995	100	B00	TO	7.8	HO	7.75	SI	8.75		2	1	24.49	7720201B	Dược học (B)
724	11001063	LŨNG THANH HẰNG	08/11/2005	006305000058	100	B00	TO	7.2	HO	7.5	SI	8	01	1	1	25.38	7720201B	Dược học (B)
725	25012905	TRẦN THỊ THANH HIỀN	11/07/2005	036305000398	100	B00	TO	8.6	HO	7.25	SI	8.25		2NT	2	24.49	7720201B	Dược học (B)
726	17010526	PHẠM MINH HIẾU	23/11/2005	022205007440	100	B00	TO	8	HO	8.5	SI	9		2	1	25.65	7720201B	Dược học (B)
727	21005899	NGUYỄN THỊ HOA	17/01/2005	030305000405	100	B00	TO	7.6	HO	8	SI	8.5		2NT	1	24.49	7720201B	Dược học (B)
728	24008420	NGUYỄN THỊ HOÀI	14/03/2005	035305006230	100	B00	TO	8	HO	8.25	SI	8		2	2	24.44	7720201B	Dược học (B)
729	63005944	TÔ HUY HOÀNG	30/11/2005	070205002777	100	B00	TO	7.4	HO	8	SI	8.5		1	1	24.51	7720201B	Dược học (B)
730	03009393	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	25/12/2005	031305003762	100	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	8		2	1	24.64	7720201B	Dược học (B)
731	03020927	LŨU THỊ MAI HƯƠNG	16/06/2005	031305001338	100	B00	TO	8	HO	8.75	SI	8		3	5	24.75	7720201B	Dược học (B)
732	25012394	NGUYỄN NGỌC MAI HƯƠNG	08/12/2005	036305000915	100	B00	TO	7.8	HO	8.75	SI	8.5		2NT	1	25.38	7720201B	Dược học (B)
733	24003892	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	27/01/2005	035305007367	100	B00	TO	9	HO	7.25	SI	8.5		2NT	1	25.1	7720201B	Dược học (B)
734	26011195	PHẠM THỊ THU HƯƠNG	14/01/2005	034305005041	100	B00	TO	8.2	HO	7.75	SI	8.75		2NT	2	25.05	7720201B	Dược học (B)
735	18005366	TRẦN THỊ MAI HƯƠNG	26/06/2005	024305000426	100	B00	TO	7.4	HO	8.5	SI	8		1	3	24.51	7720201B	Dược học (B)
736	16004953	NGUYỄN TRUNG KIÊN	28/05/2005	026205009933	100	B00	TO	7.6	HO	8.5	SI	8		2NT	3	24.49	7720201B	Dược học (B)
737	17005455	NGUYỄN TRUNG KIÊN	15/10/2005	022205010264	100	B00	TO	8.6	HO	9.25	SI	8.5		2	2	26.47	7720201B	Dược học (B)
738	21021558	DƯƠNG DANH LÂM	08/10/2005	030205009867	100	B00	TO	8	HO	8.5	SI	7.75		2NT	1	24.63	7720201B	Dược học (B)
739	22009379	PHAN DIỆU LINH	06/04/2005	033305006380	100	B00	TO	7.6	HO	8.5	SI	8.75		2NT	1	25.19	7720201B	Dược học (B)
740	17000739	VŨ NGỌC PHƯƠNG LINH	14/12/2005	022305011716	100	B00	TO	8.4	HO	8	SI	9		2	1	25.55	7720201B	Dược học (B)
741	17000741	ĐỖ THỊ THANH LOAN	29/07/2005	022305012334	100	B00	TO	8.2	HO	8	SI	8.5		2	1	24.88	7720201B	Dược học (B)
742	03005173	PHẠM THỊ GIA LỘC	04/05/2004	031304000976	100	B00	TO	7.8	HO	8	SI	8.5		2	1	24.49	7720201B	Dược học (B)
743	17010915	TRẦN MINH LỘC	18/11/2005	022205001902	100	B00	TO	7.8	HO	8.75	SI	8		2	3	24.73	7720201B	Dược học (B)
744	03009532	HOÀNG GIA LƯỢNG	10/06/2005	031181002392	100	B00	TO	7.6	HO	9	SI	8.5		2	1	25.26	7720201B	Dược học (B)
745	21001947	LÊ KHẮC MẠNH	05/02/2005	030205016307	100	B00	TO	8	HO	7.75	SI	8.75		2NT	1	24.87	7720201B	Dược học (B)
746	03022378	TRƯƠNG HỒNG NAM	19/12/2005	031205006585	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	7.75		3	5	24.45	7720201B	Dược học (B)
747	16007866	ĐỖ THỊ NGÀ	08/02/2004	026304003200	100	B00	TO	8.6	HO	8.25	SI	8.25		2	2	25.26	7720201B	Dược học (B)
748	25006955	NGÔ THU NGÂN	01/01/2005	036305010588	100	B00	TO	7.8	HO	8.75	SI	7.75		2NT	1	24.68	7720201B	Dược học (B)
749	21015132	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	28/10/2005	027305012125	100	B00	TO	8.8	HO	9	SI	8.25		2	1	26.18	7720201B	Dược học (B)
750	03015280	TRẦN MINH NGỌC	26/09/2005	034305007987	100	B00	TO	8.8	HO	7.5	SI	8.75		3	1	25.05	7720201B	Dược học (B)
751	18005455	LŨNG THỊ NHÀN	04/06/2005	024305000465	100	B00	TO	8.2	HO	7.75	SI	8.25		1	3	24.78	7720201B	Dược học (B)
752	22006966	PHAN NGỌC NHI	01/02/2005	033305006257	100	B00	TO	8	HO	8.5	SI	8.5		2NT	1	25.33	7720201B	Dược học (B)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
753	27008776	ĐỖ THỊ HỒNG NHUNG	13/04/2005	037305001140	100	B00	TO	8.4	HO	7.75	SI	8.75		2NT	2	25.24	7720201B	Dược học (B)
754	25016220	ĐỖ THỊ OANH	22/04/2005	036305010223	100	B00	TO	8.6	HO	7.75	SI	8.75		2NT	1	25.43	7720201B	Dược học (B)
755	17009262	NÔNG THỊ THU PHƯƠNG	17/12/2005	015305000037	100	B00	TO	8.4	HO	7.75	SI	7.5	06a	2	1	24.71	7720201B	Dược học (B)
756	19006124	ĐỖ THỊ NHƯ QUỲNH	02/07/2005	027305000839	100	B00	TO	7.8	HO	8.25	SI	8.5		2	1	24.73	7720201B	Dược học (B)
757	03016960	NGUYỄN THÚY QUỲNH	28/07/2005	031305003847	100	B00	TO	7.8	HO	8.75	SI	8.25		3	5	24.8	7720201B	Dược học (B)
758	03009931	PHẠM HỒNG SƠN	27/03/2005	031205010135	100	B00	TO	8	HO	8	SI	8.5		2	1	24.68	7720201B	Dược học (B)
759	22014949	VŨ THANH TÂM	04/08/2005	033305007072	100	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	8.5		2NT	4	25.29	7720201B	Dược học (B)
760	01025925	HOÀNG TRẦN THÀNH	07/07/2005	031205001111	100	B00	TO	7.8	HO	7.5	SI	8.5		3	1	25.8	7720201B	Dược học (B)
761	01047064	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	05/05/2005	001305021986	100	B00	TO	8	HO	8	SI	8.75		2	5	24.93	7720201B	Dược học (B)
762	19015299	NGUYỄN THỊ THẢO	02/05/2005	027305002055	100	B00	TO	9.2	HO	7.25	SI	8.25		2NT	1	25.05	7720201B	Dược học (B)
763	17009295	NGUYỄN TRẦN BÍCH THẢO	06/06/2004	022304000506	100	B00	TO	8.2	HO	7.75	SI	8.5		2	2	24.64	7720201B	Dược học (B)
764	03016300	PHẠM MINH THẢO	17/11/2001	031301004404	100	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	8.75			1	25.9	7720201B	Dược học (B)
765	21021820	TRẦN THỊ KIM THOA	21/11/2005	030305003190	100	B00	TO	7.8	HO	8	SI	8.5		2NT	2	24.68	7720201B	Dược học (B)
766	26018767	TRẦN NGUYỄN ANH THU	18/08/2005	034305017227	100	B00	TO	8.4	HO	8.25	SI	8.5		2NT	1	25.47	7720201B	Dược học (B)
767	03006831	BÙI THỊ HOÀI THƯƠNG	24/07/2005	031305009855	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	8		2	1	24.88	7720201B	Dược học (B)
768	03022639	NGUYỄN THỊ THU TRANG	07/10/2005	031305003132	100	B00	TO	7.8	HO	7.25	SI	8.5	06b	3	2	24.41	7720201B	Dược học (B)
769	03013212	TẠ ĐĂNG TUẤN	21/08/2005	033205008890	100	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	9		3	1	26.1	7720201B	Dược học (B)
770	22011949	NGUYỄN THANH TUYỀN	23/04/2005	033305005345	100	B00	TO	8	HO	8.25	SI	8.75		2	1	25.17	7720201B	Dược học (B)
771	22006208	LÊ THỊ ÁNH TUYẾT	12/04/2005	033305003781	100	B00	TO	8	HO	7.75	SI	8.75		2NT	1	24.87	7720201B	Dược học (B)
772	23001642	XA THỊ NGỌC VÂN	26/07/2005	017305005363	100	B00	TO	7.4	HO	7.75	SI	7.25	01	1	3	25.15	7720201B	Dược học (B)
773	10001941	TRIỆU THỊ HỒNG XÂM	23/11/2005	020305001397	100	B00	TO	7.2	HO	7.5	SI	7.75	01	1	5	25.2	7720201B	Dược học (B)
774	21020187	VŨ THỊ HẢI YẾN	04/11/2005	030305003746	100	B00	TO	8.2	HO	7.25	SI	9		2NT	4	24.82	7720201B	Dược học (B)
775	03019219	PHẠM PHƯƠNG ANH	22/12/2005	031305004793	100	D07	TO	8.2	HO	8.75	N1	9.2		3	1	26.15	7720201D	Dược học (D)
776	03019343	PHAN LÊ CHIẾN	11/02/2005	031205003964	100	D07	TO	7	HO	8	N1	8.4		3	3	23.4	7720201D	Dược học (D)
777	03019362	PHẠM PHÚ CƯỜNG	13/12/2005	031205002470	100	D07	TO	7.8	HO	9	N1	8.2		3	1	25	7720201D	Dược học (D)
778	03017446	ĐỖ NGỌC DIỆP	31/03/2005	001305057364	100	D07	TO	8	HO	8	N1	7.6		3	1	23.6	7720201D	Dược học (D)
779	03015875	LÊ VIỆT DŨNG	23/03/2005	031205001446	100	D07	TO	7.8	HO	8.25	N1	8.2		3	1	24.25	7720201D	Dược học (D)
780	03017514	NGUYỄN QUANG DƯƠNG	10/07/2005	022205000517	100	D07	TO	8	HO	7.5	N1	8.2		3	2	23.7	7720201D	Dược học (D)
781	21005156	VŨ THU HÀ	03/10/2005	030305013534	100	D07	TO	9	HO	8.5	N1	8.6		2NT	1	26.36	7720201D	Dược học (D)
782	03010328	LÊ HẢI	19/01/2005	031205004244	100	D07	TO	8	HO	6.75	N1	9		2	1	23.96	7720201D	Dược học (D)
783	17006488	ĐẶNG THÚY HẰNG	02/01/2005	022305001696	100	D07	TO	8.4	HO	8.75	N1	7.2		2	1	24.54	7720201D	Dược học (D)
784	62001216	LÒ THANH HUỆ	13/12/2005	011305001130	100	D07	TO	7.4	HO	6.25	N1	8.6	01	1	2	25	7720201D	Dược học (D)
785	17007442	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	02/05/2005	022305002776	100	D07	TO	7.6	HO	7.25	N1	8		2	1	25.09	7720201D	Dược học (D)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
786	21019855	NGUYỄN VĂN KHANG	22/08/2005	030205013812	100	D07	TO	7.4	HO	8.5	N1	8.4		2NT	11	24.68	7720201D	Dược học (D)
787	27003688	VŨ PHƯƠNG LIÊN	15/03/2005	037305000321	100	D07	TO	8	HO	7.75	N1	8.8		2	7	24.73	7720201D	Dược học (D)
788	03005480	ĐỖ NGỌC LINH	20/12/2005	031305012415	100	D07	TO	7.6	HO	8.25	N1	9		2	1	25.02	7720201D	Dược học (D)
789	03020425	PHAN DIỆU LINH	05/04/2005	031305001298	100	D07	TO	7.6	HO	7.25	N1	8.6		3	1	23.45	7720201D	Dược học (D)
790	03015056	TRƯƠNG KHÁNH LY	19/11/2005	001305012518	100	D07	TO	7.6	HO	8	N1	8.8		3	1	24.4	7720201D	Dược học (D)
791	23005904	BÙI THỊ MAI	15/10/2005	017305005398	100	D07	TO	7.8	HO	5.75	N1	8.8	01	1	1	25.1	7720201D	Dược học (D)
792	62001356	VŨ TRỌNG NGHĨA	23/06/2005	031205019356	100	D07	TO	8	HO	8.5	N1	8.8		2	2	25.46	7720201D	Dược học (D)
793	03015249	HÀ HẢI NGỌC	26/12/2005	031305004285	100	D07	TO	8	HO	6.5	N1	9		3	2	23.5	7720201D	Dược học (D)
794	03016930	PHẠM HỒNG NGỌC	23/02/2005	031305001470	100	D07	TO	9	HO	7.75	N1	8.2		3	1	24.95	7720201D	Dược học (D)
795	03018803	NGUYỄN HÀ UYÊN NHI	23/08/2005	031305014166	100	D07	TO	8.2	HO	8	N1	8		3	3	24.2	7720201D	Dược học (D)
796	29011568	TRẦN HỒ QUỲNH NHƯ	25/10/2005	040305024304	100	D07	TO	8.4	HO	8.25	N1	7.6		2NT	5	24.63	7720201D	Dược học (D)
797	18019565	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	31/08/2005	024305009792	100	D07	TO	7.8	HO	8.5	N1	9		2	1	25.46	7720201D	Dược học (D)
798	01009531	TRẦN LÊ MAI PHƯƠNG	19/01/2005	017305000001	100	D07	TO	7	HO	7.75	N1	8.4		3	1	24.15	7720201D	Dược học (D)
799	03015364	NGUYỄN ANH QUÂN	20/06/2005	034205000633	100	D07	TO	7.6	HO	7.75	N1	8		3	1	24.35	7720201D	Dược học (D)
800	03016955	TRẦN TÚ QUYÊN	26/09/2005	031305001506	100	D07	TO	7.8	HO	8	N1	8.8		3	3	24.6	7720201D	Dược học (D)
801	22009549	ĐẶNG THỊ TÂM	07/09/2005	033305005284	100	D07	TO	7.4	HO	7.5	N1	8.2		2NT	5	23.56	7720201D	Dược học (D)
802	03006766	TẠ THỊ THU THẢO	06/02/2005	031305000787	100	D07	TO	7.2	HO	8.75	N1	7.4		2	4	23.57	7720201D	Dược học (D)
803	26011584	NGUYỄN THỊ NGỌC THÚY	12/04/2005	034305007523	100	D07	TO	7.8	HO	8.5	N1	7.6		2NT	1	24.31	7720201D	Dược học (D)
804	25015010	VŨ THỊ ANH THU	13/08/2005	036305016729	100	D07	TO	8.2	HO	8.25	N1	8.6		2NT	1	25.38	7720201D	Dược học (D)
805	03015589	TRẦN THỊ QUỲNH TRANG	18/11/2005	031305003005	100	D07	TO	8.4	HO	8.25	N1	8.6		3	1	25.25	7720201D	Dược học (D)
806	17013300	ĐOÀN THÙY TRÂM	26/12/2005	022305001103	100	D07	TO	7.4	HO	7.75	N1	8.2		2	10	23.57	7720201D	Dược học (D)
807	10001133	ĐÀM TRUNG TUẤN	18/07/2005	020205009103	100	D07	TO	6.8	HO	7.5	N1	8.2	01	1	1	25.25	7720201D	Dược học (D)
808	03019049	PHẠM DƯƠNG HOÀNG TÙNG	15/05/2005	031205003036	100	D07	TO	7.8	HO	8	N1	8.4		3	5	24.2	7720201D	Dược học (D)
809	03017849	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	19/03/2005	031305001680	100	D07	TO	7.6	HO	7.25	N1	8.2		3	1	24.05	7720201D	Dược học (D)
810	03019060	LÊ QUỐC AN	30/06/2005	031205002339	100	B00	TO	8.2	HO	7	SI	6.5		3	1	21.7	7720301	Điều dưỡng
811	21004934	NGUYỄN THÚY AN	20/12/2005	030305005604	100	B00	TO	7	HO	7.5	SI	6.75		2NT	3	21.75	7720301	Điều dưỡng
812	03021363	PHẠM KHẮC AN	05/07/2005	031205003727	100	B00	TO	8.2	HO	7.5	SI	7.75		2	3	23.67	7720301	Điều dưỡng
813	03017200	TRẦN MINH AN	12/07/2005	031305007922	100	B00	TO	8.2	HO	6.5	SI	6.75		3	2	21.45	7720301	Điều dưỡng
814	01090304	ĐỖ THỊ CHÂM ANH	05/12/2005	001305028232	100	B00	TO	6.6	HO	7.5	SI	6.75		2	2	21.1	7720301	Điều dưỡng
815	17003972	ĐÀO TỬ ANH	18/11/2005	022305002005	100	B00	TO	7.4	HO	5.5	SI	7.5		2	2	20.65	7720301	Điều dưỡng
816	03019897	ĐINH MINH ANH	15/10/2005	031305000977	100	B00	TO	7.4	HO	7.25	SI	8		3	3	22.65	7720301	Điều dưỡng
817	14011651	ĐINH THẢO ANH	18/06/2005	014305001063	100	B00	TO	5.8	HO	6.75	SI	8	06a	2	2	21.8	7720301	Điều dưỡng
818	17015048	ĐẶNG THỊ NGỌC ANH	12/01/2005	022305002436	100	B00	TO	6.2	HO	7.25	SI	7.5		2	3	21.2	7720301	Điều dưỡng

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
819	03019906	HÀ MAI TÚ ANH	12/05/2005	031305003941	100	B00	TO	7.6	HO	7	SI	7.5		3	1	22.1	7720301	Điều dưỡng
820	01021908	LÊ MINH ANH	09/05/2005	001305013969	100	B00	TO	6.8	HO	7.25	SI	6.25		3	1	20.3	7720301	Điều dưỡng
821	22002933	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	17/03/2005	033305003283	100	B00	TO	7.6	HO	7.25	SI	7		2NT	3	22.35	7720301	Điều dưỡng
822	27001617	NGUYỄN DƯƠNG PHƯƠNG ANH	14/12/2005	037305001843	100	B00	TO	6.8	HO	6.75	SI	7.25		2NT	3	21.3	7720301	Điều dưỡng
823	01028861	NGUYỄN NGỌC ANH	26/07/2005	075305000155	100	B00	TO	8.2	HO	7.75	SI	8		3	1	23.95	7720301	Điều dưỡng
824	18007868	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	17/11/2005	024305007901	100	B00	TO	7.4	HO	6	SI	8.25		2NT	3	22.15	7720301	Điều dưỡng
825	22001583	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	02/11/2005	033305002241	100	B00	TO	7.6	HO	6.75	SI	7.25		2NT	1	22.1	7720301	Điều dưỡng
826	18017013	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	16/08/2005	024305009694	100	B00	TO	7.4	HO	7.75	SI	4.75		2NT	4	20.4	7720301	Điều dưỡng
827	19005648	NGUYỄN TÚ ANH	02/03/2005	027305000953	100	B00	TO	6.6	HO	6.5	SI	7.25		2	2	20.6	7720301	Điều dưỡng
828	03019229	PHAN ĐỨC ANH	24/04/2005	031205002735	100	B00	TO	7.8	HO	7.5	SI	7.5		3	5	22.8	7720301	Điều dưỡng
829	26008204	PHẠM MINH ANH	17/11/2005	034305006607	100	B00	TO	6.4	HO	8.25	SI	6.25		2NT	2	21.4	7720301	Điều dưỡng
830	21000029	PHẠM PHƯƠNG ANH	07/06/2005	030305013629	100	B00	TO	7.2	HO	8.5	SI	6		2NT	1	22.2	7720301	Điều dưỡng
831	18020434	PHẠM THỊ VÂN ANH	30/05/2005	024305002368	100	B00	TO	6.8	HO	6.75	SI	8.25		2	1	22.05	7720301	Điều dưỡng
832	21019237	QUÁCH THỊ NGỌC ANH	30/04/2005	030305005654	100	B00	TO	6.6	HO	7	SI	6.75		2NT	1	20.85	7720301	Điều dưỡng
833	21010093	TRƯƠNG THỊ HOÀI ANH	02/10/2005	030305001572	100	B00	TO	7.4	HO	7.75	SI	6.25		2	3	21.65	7720301	Điều dưỡng
834	15002644	HÀN THỊ NGỌC ÁNH	24/08/2005	025305006440	100	B00	TO	6.6	HO	7.75	SI	6.25		2	3	20.85	7720301	Điều dưỡng
835	03006090	NGÔ THỊ NGỌC ÁNH	24/01/2005	031305012918	100	B00	TO	8.4	HO	7.5	SI	8		2	2	24.1	7720301	Điều dưỡng
836	26015833	TRẦN THỊ NGỌC BÍCH	27/10/2005	034305002967	100	B00	TO	7.8	HO	8.25	SI	7.25		2NT	1	23.75	7720301	Điều dưỡng
837	15009506	NGUYỄN THANH BÌNH	09/05/2005	025305012238	100	B00	TO	7.8	HO	7.75	SI	7.75		2NT	1	23.75	7720301	Điều dưỡng
838	25012782	NGUYỄN KIM CHI	16/06/2005	036305000580	100	B00	TO	7.4	HO	6.25	SI	8.25		2NT	2	22.4	7720301	Điều dưỡng
839	24002949	TRỊNH QUỲNH CHI	03/04/2005	035305000044	100	B00	TO	6.8	HO	6.75	SI	6.75		2NT	1	20.8	7720301	Điều dưỡng
840	16003046	PHÍ THỊ VIỆT CHINH	28/06/2005	026305003568	100	B00	TO	7.8	HO	7.25	SI	6.25		2NT	2	21.8	7720301	Điều dưỡng
841	03020045	LÊ MAI CHUNG	31/01/2005	031305006299	100	B00	TO	7.6	HO	7	SI	7.25		3	1	21.85	7720301	Điều dưỡng
842	03019371	NGÔ NGỌC DIỆP	30/05/2005	031305001272	100	B00	TO	7	HO	7	SI	8		3	10	22	7720301	Điều dưỡng
843	21019680	NGUYỄN THỊ DỊU	28/08/2005	030305009429	100	B00	TO	7.8	HO	7	SI	7		2NT	1	22.3	7720301	Điều dưỡng
844	01038726	ĐỖ NGỌC DUNG	14/06/2005	001305005918	100	B00	TO	8.2	HO	7.5	SI	7.25		2	5	23.19	7720301	Điều dưỡng
845	21002906	TRẦN THỊ THÙY DUNG	05/05/2005	030305011366	100	B00	TO	7.6	HO	7.75	SI	6.5		2NT	2	22.35	7720301	Điều dưỡng
846	26012375	BÙI THỊ DUYÊN	24/08/2004	066304000160	100	B00	TO	6.8	HO	7.5	SI	6.25		2NT	2	21.05	7720301	Điều dưỡng
847	19014892	HOÀNG THỊ DƯƠNG	04/06/2005	027305011342	100	B00	TO	8.4	HO	7.75	SI	6.5		2NT	6	23.14	7720301	Điều dưỡng
848	03007358	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	12/03/2005	031305000119	100	B00	TO	7	HO	7.75	SI	7.75		2	2	22.75	7720301	Điều dưỡng
849	22001683	VŨ THỊ THÙY DƯƠNG	07/03/2005	033305003665	100	B00	TO	6.6	HO	7.5	SI	7		2NT	2	21.6	7720301	Điều dưỡng
850	26011009	TRẦN THỊ ĐẠI	17/12/2005	034305005087	100	B00	TO	6.8	HO	7	SI	6.5		2NT	2	20.8	7720301	Điều dưỡng
851	26000889	NGUYỄN TÁT ĐIỀU	27/06/2005	034205000907	100	B00	TO	6.6	HO	7	SI	7.5		2	6	21.35	7720301	Điều dưỡng

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
852	01070627	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	05/09/2005	001205045377	100	B00	TO	8	HO	7.25	SI	7.75		2	1	23.23	7720301	Điều dưỡng
853	17014191	LÊ HƯƠNG GIANG	27/08/2005	022305003088	100	B00	TO	6.8	HO	6.75	SI	7.25		2	3	21.05	7720301	Điều dưỡng
854	01088794	LÊ TÂM GIANG	17/08/2005	001305032544	100	B00	TO	8	HO	7	SI	7.25		2	2	22.5	7720301	Điều dưỡng
855	28003681	ĐỖ THỊ NGỌC HÀ	03/11/2005	038305008441	100	B00	TO	7	HO	6	SI	8.75		2	6	22	7720301	Điều dưỡng
856	21010190	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	13/12/2005	030305001586	100	B00	TO	7.6	HO	7.25	SI	7		2	1	22.1	7720301	Điều dưỡng
857	21011451	TRẦN NGỌC HÀ	25/01/2005	030305001201	100	B00	TO	7.6	HO	7.75	SI	5.25		2	8	20.85	7720301	Điều dưỡng
858	26012430	TRẦN THỊ VIỆT HÀ	19/09/2005	030305002194	100	B00	TO	6.4	HO	7.5	SI	6.25		2NT	3	20.65	7720301	Điều dưỡng
859	03014214	NGUYỄN THỊ HẢI	10/01/2005	031305002942	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	7		3	3	23.7	7720301	Điều dưỡng
860	12001555	VI THỊ HẠNH	12/11/2005	004305006524	100	B00	TO	5.8	HO	6.5	SI	7.5	01	1	1	22.55	7720301	Điều dưỡng
861	16004847	TRẦN THỊ HẢO	08/09/2005	026305002465	100	B00	TO	7.6	HO	7.25	SI	7.25		2NT	2	22.6	7720301	Điều dưỡng
862	21021430	CAO THỊ HẰNG	30/08/2005	030305007986	100	B00	TO	7.6	HO	6.75	SI	7.25		2NT	1	22.1	7720301	Điều dưỡng
863	25013480	HOÀNG THU HẰNG	21/01/2005	036305013336	100	B00	TO	7.8	HO	7.75	SI	6		2NT	12	22.05	7720301	Điều dưỡng
864	19005823	VŨ THỊ THÚY HẰNG	14/05/2005	027305000962	100	B00	TO	7.8	HO	8.25	SI	6.25		2	4	22.55	7720301	Điều dưỡng
865	16008288	ĐẠI HẢI HẬU	03/01/2005	026305001379	100	B00	TO	7.6	HO	7.25	SI	7.25		2NT	2	22.6	7720301	Điều dưỡng
866	03010357	NGUYỄN THU HIỀN	11/05/2005	031305009921	100	B00	TO	7.8	HO	7.25	SI	6.25		2	1	21.55	7720301	Điều dưỡng
867	36000664	PHẠM NGUYỄN THẢO HIỀN	14/01/2005	062305003801	100	B00	TO	8.8	HO	6.75	SI	6.75		1	5	23.05	7720301	Điều dưỡng
868	03020795	PHẠM THỊ THU HIỀN	21/10/2005	031305002490	100	B00	TO	7	HO	7.25	SI	6.25		3	1	20.5	7720301	Điều dưỡng
869	27002613	PHẠM THU HIỀN	15/03/2005	037305000519	100	B00	TO	8.8	HO	7.5	SI	6.75		2NT	1	23.51	7720301	Điều dưỡng
870	19007140	TRẦN THỊ THU HIỀN	30/04/2005	027305000596	100	B00	TO	7.2	HO	7.75	SI	6.75		2	2	21.95	7720301	Điều dưỡng
871	25015387	LÊ THỊ HOA	19/03/2005	036305006586	100	B00	TO	7.4	HO	7.25	SI	7		2NT	1	22.15	7720301	Điều dưỡng
872	27008638	NGUYỄN THỊ HOÀ	09/05/2005	037305005158	100	B00	TO	8.2	HO	7.5	SI	6.5		2NT	3	22.7	7720301	Điều dưỡng
873	22010930	NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA	14/09/2005	033305006480	100	B00	TO	7.4	HO	8	SI	8.25		2	2	23.86	7720301	Điều dưỡng
874	19009280	LƯU THỊ HỮÊ	26/04/2005	027305006242	100	B00	TO	7.4	HO	7	SI	7.25		2NT	3	22.15	7720301	Điều dưỡng
875	03001505	ĐỖ THỊ KHÁNH HUYỀN	24/12/2005	031305003645	100	B00	TO	6.2	HO	7	SI	7		2	1	20.45	7720301	Điều dưỡng
876	03002172	ĐỒNG THỊ THU HUYỀN	15/06/2005	031305000279	100	B00	TO	7.4	HO	7	SI	6.75		2	1	21.4	7720301	Điều dưỡng
877	25012383	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	23/04/2005	036305013023	100	B00	TO	7	HO	6.25	SI	6.75		2NT	2	20.5	7720301	Điều dưỡng
878	01089301	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	20/10/2005	001305027863	100	B00	TO	7.2	HO	6.5	SI	7.25		2	4	21.2	7720301	Điều dưỡng
879	21005255	NGUYỄN THỊ HUYỀN	15/04/2005	030305005616	100	B00	TO	8	HO	7.5	SI	6		2NT	1	22	7720301	Điều dưỡng
880	03021981	NGUYỄN THU HUYỀN	29/04/2005	031305003409	100	B00	TO	7	HO	7	SI	7.5		3	1	21.5	7720301	Điều dưỡng
881	21010276	THÂN THỊ HUYỀN	05/04/2005	030305003197	100	B00	TO	7.4	HO	6.5	SI	6.5		2	2	20.65	7720301	Điều dưỡng
882	22014153	TRẦN KHÁNH HUYỀN	20/09/2005	033305002513	100	B00	TO	7.4	HO	7	SI	6.5		2NT	2	21.4	7720301	Điều dưỡng
883	01061677	VŨ THỊ KHÁNH HUYỀN	31/03/2005	001305032895	100	B00	TO	8	HO	7	SI	7		2	2	22.25	7720301	Điều dưỡng
884	19015725	ĐỖ LAN HƯƠNG	04/07/2005	027305011099	100	B00	TO	7.8	HO	7	SI	5		2NT	3	20.3	7720301	Điều dưỡng

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
885	03012878	ĐỖ THỊ LAN HƯƠNG	23/08/2005	031305005105	100	B00	TO	7	HO	7.75	SI	6		3	2	20.75	7720301	Điều dưỡng
886	23006216	ĐOÀN THANH HƯƠNG	29/07/2005	034305003550	100	B00	TO	6.2	HO	7.25	SI	7.5		1	2	21.7	7720301	Điều dưỡng
887	26009187	NGUYỄN MAI HƯƠNG	29/06/2005	034305001998	100	B00	TO	7.4	HO	7	SI	6.75		2NT	4	21.65	7720301	Điều dưỡng
888	19015051	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	20/03/2005	027305003878	100	B00	TO	7.2	HO	6.5	SI	8.25		2NT	2	22.45	7720301	Điều dưỡng
889	21018987	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	25/07/2005	030305015725	100	B00	TO	7.8	HO	5.75	SI	6.5		2NT	3	20.55	7720301	Điều dưỡng
890	03001539	PHẠM THỊ HƯƠNG	13/12/2005	031305015679	100	B00	TO	7.6	HO	8.5	SI	7		2	2	23.33	7720301	Điều dưỡng
891	21018992	NGÔ THỊ THUÝ HƯỜNG	04/03/2005	030305004528	100	B00	TO	7.4	HO	7.25	SI	6.75		2NT	1	21.9	7720301	Điều dưỡng
892	21018996	NGUYỄN THỂ DUY KHẢI	01/10/2005	030205006351	100	B00	TO	7.4	HO	7.5	SI	7		2NT	2	22.4	7720301	Điều dưỡng
893	19012162	NGÔ THỊ LAN	21/01/2005	027305008248	100	B00	TO	6	HO	7.75	SI	6.5		2NT	2	20.75	7720301	Điều dưỡng
894	26010334	BÙI PHƯƠNG LINH	03/12/2005	034305001940	100	B00	TO	8.4	HO	6.25	SI	7.5		2NT	18	22.65	7720301	Điều dưỡng
895	03018185	BÙI THỊ KHÁNH LINH	24/11/2005	031305009109	100	B00	TO	7.6	HO	6.75	SI	6.5		3	3	20.85	7720301	Điều dưỡng
896	21020930	BÙI THỊ MỸ LINH	16/03/2005	070305008620	100	B00	TO	6.8	HO	7	SI	6.25		2NT	4	20.55	7720301	Điều dưỡng
897	03000754	ĐÀO THỊ NGỌC LINH	04/02/2005	031305001483	100	B00	TO	7.4	HO	7	SI	7		2	5	21.65	7720301	Điều dưỡng
898	03002216	LÊ GIA LINH	24/02/2004	031304005902	100	B00	TO	7.8	HO	8.5	SI	4.75		2	1	21.3	7720301	Điều dưỡng
899	01075193	NGUYỄN KHÁNH LINH	19/12/2004	001304038322	100	B00	TO	7.6	HO	7	SI	7		2	4	21.85	7720301	Điều dưỡng
900	15004738	NGUYỄN KHÁNH LINH	15/11/2005	074305000412	100	B00	TO	6.6	HO	6.75	SI	6.75		2NT	5	20.6	7720301	Điều dưỡng
901	21019894	NGUYỄN LÊ NGỌC LINH	29/12/2005	030305014809	100	B00	TO	7.2	HO	7.75	SI	8.25		2NT	2	23.65	7720301	Điều dưỡng
902	25007475	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	11/03/2005	036305002022	100	B00	TO	6.2	HO	7	SI	6.75		2NT	1	20.45	7720301	Điều dưỡng
903	19007270	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	01/11/2005	027305000618	100	B00	TO	7.6	HO	7	SI	5.5		2	1	20.35	7720301	Điều dưỡng
904	26019178	PHÙNG DIỆU LINH	09/01/2005	001305039602	100	B00	TO	7.2	HO	6	SI	7.25		2NT	1	20.95	7720301	Điều dưỡng
905	03005559	ĐINH THỊ LOAN	13/08/2005	031305009822	100	B00	TO	7.4	HO	7.5	SI	7.75		2	2	22.9	7720301	Điều dưỡng
906	01065204	TRỊNH HƯƠNG LY	28/01/2005	001305029976	100	B00	TO	7.6	HO	7.5	SI	5.75		2	2	21.1	7720301	Điều dưỡng
907	03007100	ĐÀO HỮU MẠNH	23/01/2005	031205005764	100	B00	TO	7.2	HO	7.75	SI	8		2	1	23.19	7720301	Điều dưỡng
908	26006828	TRẦN THỊ MINH	09/07/2005	034305008479	100	B00	TO	6.8	HO	6.5	SI	7.5		2NT	7	21.3	7720301	Điều dưỡng
909	03020518	NGUYỄN THỊ MINH ANH	26/05/2005	031305003234	100	B00	TO	8.2	HO	7	SI	7.5		3	3	22.7	7720301	Điều dưỡng
910	03020519	ĐẶNG HÀ MY	18/07/2005	031305002418	100	B00	TO	7.8	HO	8.5	SI	7.5		3	1	23.8	7720301	Điều dưỡng
911	08005234	HOÀNG HUYỀN MY	15/06/2005	010305000215	100	B00	TO	6.6	HO	6.5	SI	6.75		1	7	20.6	7720301	Điều dưỡng
912	03015166	KHOA TRÀ MY	06/10/2005	031305006551	100	B00	TO	7	HO	6.5	SI	6.75		3	1	20.25	7720301	Điều dưỡng
913	22014854	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	18/12/2005	033305002064	100	B00	TO	7.6	HO	8	SI	8		2NT	2	24.03	7720301	Điều dưỡng
914	21009053	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	22/02/2005	030305013835	100	B00	TO	7.6	HO	7.5	SI	7.25		2NT	6	22.85	7720301	Điều dưỡng
915	21017412	VŨ HÀ MY	06/12/2005	030305008333	100	B00	TO	8.2	HO	6.5	SI	6.75		2	1	21.7	7720301	Điều dưỡng
916	19007322	NGUYỄN THỊ HOÀN MỸ	19/10/2005	027305000598	100	B00	TO	7	HO	6.75	SI	6.25		2	4	20.25	7720301	Điều dưỡng
917	17013106	PHẠM THỊ HẰNG NGA	27/02/2005	022305001501	100	B00	TO	7.2	HO	5.75	SI	7.75		2	1	20.95	7720301	Điều dưỡng

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU T	KVU T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
918	18004424	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	12/04/2005	024305005465	100	B00	TO	7	HO	7.5	SI	7.25		2NT	2	22.25	7720301	Điều dưỡng
919	27000860	ĐÌNH THỊ MINH NGỌC	25/07/2005	037305003119	100	B00	TO	7.6	HO	7.5	SI	5.5		2NT	3	21.1	7720301	Điều dưỡng
920	26011380	ĐẶNG THỊ NGỌC	08/02/2005	034305007907	100	B00	TO	7.8	HO	6	SI	7		2NT	3	21.3	7720301	Điều dưỡng
921	03020595	LƯU HỒNG NGỌC	24/02/2005	031305007915	100	B00	TO	7.4	HO	7.75	SI	7.5		3	1	22.65	7720301	Điều dưỡng
922	21006636	NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC	28/03/2005	030305005299	100	B00	TO	8	HO	7.25	SI	7		2NT	2	22.75	7720301	Điều dưỡng
923	19007347	TẠ THẢO NGUYỄN	21/12/2005	027305006177	100	B00	TO	6.6	HO	8	SI	5.75		2	4	20.6	7720301	Điều dưỡng
924	25013694	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	07/11/2005	036305007643	100	B00	TO	7.6	HO	7	SI	7		2NT	3	22.1	7720301	Điều dưỡng
925	03009834	NGUYỄN THỊ VÂN NHI	19/05/2005	031305009893	100	B00	TO	8	HO	7.5	SI	8.25		2	1	23.96	7720301	Điều dưỡng
926	03011847	PHẠM THỊ YẾN NHI	19/12/2005	031305015880	100	B00	TO	7.4	HO	7	SI	6.75		2	2	21.4	7720301	Điều dưỡng
927	26019272	VŨ YẾN NHI	17/10/2005	034305010652	100	B00	TO	7	HO	7	SI	6.25		2NT	4	20.75	7720301	Điều dưỡng
928	21003768	TĂNG THỊ THUY NHIÊN	29/10/2005	030305002823	100	B00	TO	8	HO	7	SI	8.25		2NT	1	23.7	7720301	Điều dưỡng
929	01046430	ĐỖ TRẦN CẨM NHUNG	16/07/2005	001305019817	100	B00	TO	7.8	HO	8	SI	7.25		2	2	23.28	7720301	Điều dưỡng
930	26009370	PHẠM ÁNH NHUNG	15/08/2005	034305003926	100	B00	TO	7.8	HO	7	SI	6.25		2NT	2	21.55	7720301	Điều dưỡng
931	19015207	TRẦN THỊ NHUNG	14/02/2005	027305010843	100	B00	TO	7.4	HO	7.75	SI	6.75		2NT	3	22.4	7720301	Điều dưỡng
932	26004465	NGUYỄN THỊ OANH	16/07/2005	034305004731	100	B00	TO	8	HO	7.25	SI	6.25		2NT	4	22	7720301	Điều dưỡng
933	03021181	KHÔNG MINH PHÚ	20/06/2005	031205005260	100	B00	TO	7.2	HO	8.25	SI	5.5		3	1	20.95	7720301	Điều dưỡng
934	21005473	NGUYỄN THANH PHÚC	23/06/2005	030205009303	100	B00	TO	8	HO	7	SI	7.25		2NT	1	22.75	7720301	Điều dưỡng
935	21021061	VŨ THỊ LINH PHƯƠNG	18/01/2005	030305005693	100	B00	TO	5.4	HO	6.75	SI	8		2NT	1	20.65	7720301	Điều dưỡng
936	09001910	VƯƠNG THỊ MAI PHƯƠNG	20/01/2005	008305001459	100	B00	TO	7.8	HO	7.75	SI	7.25		2	1	23.04	7720301	Điều dưỡng
937	21011718	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	03/02/2005	012305000020	100	B00	TO	7.8	HO	7.5	SI	7		2	6	22.55	7720301	Điều dưỡng
938	03004253	PHẠM THỊ NHƯ QUỲNH	09/07/2005	031305005610	100	B00	TO	8.2	HO	7.75	SI	7.25		2	1	23.43	7720301	Điều dưỡng
939	03009922	PHẠM THỊ NHƯ QUỲNH	22/05/2005	031305007553	100	B00	TO	7.4	HO	5.75	SI	7.5		2	2	20.9	7720301	Điều dưỡng
940	21006719	NGUYỄN THỊ TÂM	03/11/2005	080305004910	100	B00	TO	8	HO	7.5	SI	8.5		2NT	2	24.4	7720301	Điều dưỡng
941	03012480	LÊ MỸ THÁI	15/11/2005	031305003024	100	B00	TO	8	HO	8	SI	6.25		3	1	22.25	7720301	Điều dưỡng
942	17005699	DIỆP THỊ THANH	02/12/2005	022305000865	100	B00	TO	7.6	HO	6.75	SI	6.25	06a	2	11	21.85	7720301	Điều dưỡng
943	03015425	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG THẢO	29/12/2005	031305002694	100	B00	TO	7.8	HO	6.75	SI	6		3	2	20.55	7720301	Điều dưỡng
944	03012508	NGUYỄN NGỌC THẢO	27/08/2005	031305003043	100	B00	TO	6.8	HO	5.75	SI	8		3	1	20.55	7720301	Điều dưỡng
945	26019371	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	09/08/2005	034305009338	100	B00	TO	7.8	HO	7.25	SI	5.75		2NT	1	21.3	7720301	Điều dưỡng
946	21004483	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	08/01/2005	030305002176	100	B00	TO	7.4	HO	8.5	SI	6		2NT	2	22.4	7720301	Điều dưỡng
947	03011212	NGUYỄN THỊ THẢO	19/01/2005	031305015821	100	B00	TO	7.4	HO	6.75	SI	8.25		2	1	22.65	7720301	Điều dưỡng
948	21019510	NGUYỄN THỊ THU THẢO	18/07/2005	030305004124	100	B00	TO	6.4	HO	7.5	SI	7.5		2NT	2	21.9	7720301	Điều dưỡng
949	21011226	NGUYỄN THU THẢO	02/07/2005	022305006067	100	B00	TO	7.6	HO	7.5	SI	7.5		2	2	22.85	7720301	Điều dưỡng
950	03017020	VŨ ĐOÀN THANH THẢO	01/05/2005	031305001420	100	B00	TO	6.8	HO	7	SI	6.5		3	3	20.3	7720301	Điều dưỡng

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
951	22003433	VŨ THỊ THẢO	01/08/2005	033305003272	100	B00	TO	7	HO	7.5	SI	6.5		2NT	1	21.5	7720301	Điều dưỡng
952	21004493	BÙI ĐỨC THẠO	19/04/2005	030205004034	100	B00	TO	8	HO	7	SI	7.25		2NT	6	22.75	7720301	Điều dưỡng
953	21016365	NGUYỄN THỊ THU	01/01/2005	030305005460	100	B00	TO	8	HO	7.75	SI	5.5		2NT	1	21.75	7720301	Điều dưỡng
954	26002975	DƯƠNG THỊ THÙY	07/11/2005	066305000122	100	B00	TO	7.6	HO	7.25	SI	6.25		2NT	4	21.6	7720301	Điều dưỡng
955	21017944	ĐOÀN NHƯ THÙY	09/06/2005	030205000720	100	B00	TO	7.2	HO	6.75	SI	8		2	2	22.2	7720301	Điều dưỡng
956	28022035	LÊ THỊ PHƯƠNG THÙY	01/11/2005	038305023297	100	B00	TO	7	HO	7	SI	8.5		2NT	2	23	7720301	Điều dưỡng
957	25015002	HOÀNG ANH THU'	03/11/2005	036305013294	100	B00	TO	6.8	HO	5.25	SI	7.75		2NT	2	20.3	7720301	Điều dưỡng
958	17015962	NGUYỄN THỊ ANH THU'	24/10/2005	022305002228	100	B00	TO	7.6	HO	7.75	SI	5.5		2	3	21.1	7720301	Điều dưỡng
959	03021791	TRẦN THỊ NGỌC HUYỀN THU'	24/06/2004	031304005689	100	B00	TO	8	HO	5.5	SI	6.5		2	2	20.25	7720301	Điều dưỡng
960	21007947	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	15/02/2005	030305010945	100	B00	TO	6.8	HO	7	SI	6.75		2NT	1	21.05	7720301	Điều dưỡng
961	07002350	CHU THỊ TRANG	11/09/2005	026305009398	100	B00	TO	6.8	HO	8	SI	7.25		1	1	22.8	7720301	Điều dưỡng
962	25005271	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	23/07/2005	036305011355	100	B00	TO	7.6	HO	6.25	SI	6.75		2NT	3	21.1	7720301	Điều dưỡng
963	06004123	NGUYỄN MAI TRANG	19/01/2004	004304005801	100	B00	TO	6	HO	8	SI	5.75		1	4	20.5	7720301	Điều dưỡng
964	19015364	NGUYỄN THỊ THU TRANG	27/11/2005	027305009950	100	B00	TO	8	HO	6	SI	8.25		2NT	1	22.75	7720301	Điều dưỡng
965	21015861	NGUYỄN THỊ TRANG	18/10/2005	030305002814	100	B00	TO	7.2	HO	6.75	SI	6.75		2NT	1	21.2	7720301	Điều dưỡng
966	03010552	NGUYỄN THU TRANG	07/08/2005	031305007611	100	B00	TO	7	HO	8.25	SI	7.25		2	2	22.75	7720301	Điều dưỡng
967	21019173	VŨ THỊ TRANG	06/09/2005	030305005872	100	B00	TO	8	HO	7.75	SI	7.75		2NT	4	23.93	7720301	Điều dưỡng
968	19007531	TRƯƠNG THỊ BẢO TRÂM	15/11/2005	072305006641	100	B00	TO	7.6	HO	7	SI	6		2	5	20.85	7720301	Điều dưỡng
969	03009378	CAO ÁNH TUYẾT	02/09/2005	031305006014	100	B00	TO	7	HO	7.5	SI	6		2	2	20.75	7720301	Điều dưỡng
970	08004483	ĐỖ THỰC UYÊN	16/10/2005	010305009408	100	B00	TO	6.6	HO	7	SI	8.5		2	2	22.35	7720301	Điều dưỡng
971	26016466	ĐẶNG THỊ THẢO UYÊN	25/05/2005	034305001642	100	B00	TO	7.4	HO	7.25	SI	6.5		2NT	2	21.65	7720301	Điều dưỡng
972	27008910	TRẦN THỊ THU UYÊN	28/08/2005	036305002123	100	B00	TO	7.4	HO	7.25	SI	7		2NT	1	22.15	7720301	Điều dưỡng
973	21005676	HÀ THỊ THẢO VÂN	24/01/2005	030305005584	100	B00	TO	8.2	HO	6.75	SI	6.5		2NT	7	21.95	7720301	Điều dưỡng
974	22002530	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	04/08/2005	033305000325	100	B00	TO	7	HO	8.5	SI	6.5		2NT	2	22.5	7720301	Điều dưỡng
975	19010513	NGUYỄN THỊ VÂN	10/05/2005	027305009396	100	B00	TO	7.8	HO	7.25	SI	7.75		2NT	1	23.28	7720301	Điều dưỡng
976	26019479	TRẦN THỊ TƯỜNG VI	26/05/2005	034305009265	100	B00	TO	7.6	HO	7.25	SI	6.75		2NT	1	22.1	7720301	Điều dưỡng
977	25007808	LÃ QUỐC VƯƠNG	16/12/2004	036204010760	100	B00	TO	6.8	HO	7.75	SI	6.25		2NT	4	21.3	7720301	Điều dưỡng
978	03021340	HOÀNG THANH XUÂN	27/11/2005	031305002663	100	B00	TO	8.2	HO	7.75	SI	7.5		3	1	23.45	7720301	Điều dưỡng
979	23006077	BÙI THỊ THUẬN YẾN	23/07/2005	017305005324	100	B00	TO	5.6	HO	7	SI	6	01	1	1	21.35	7720301	Điều dưỡng
980	19005104	NGHIÊM THỊ HẢI YẾN	23/04/2005	027305008667	100	B00	TO	4.8	HO	8	SI	7.5		2NT	1	20.8	7720301	Điều dưỡng
981	15015720	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	23/03/2005	025305010500	100	B00	TO	8	HO	8	SI	6		1	2	22.75	7720301	Điều dưỡng
982	01072767	NGUYỄN ĐÌNH AN	05/11/2005	001205050426	100	B00	TO	9	HO	9.25	SI	9		2	1	27.34	7720501	Răng - Hàm - Mặt
983	28004328	BÙI ĐỨC ANH	20/10/2005	038205016838	100	B00	TO	8.4	HO	9	SI	9		2	2	26.52	7720501	Răng - Hàm - Mặt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU T	KVU T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
984	19015448	CAO THỊ HẢI ANH	07/08/2005	027305003264	100	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	9.25		2NT	1	25.99	7720501	Răng - Hàm - Mặt
985	03019896	ĐẶNG VŨ HUY ANH	25/03/2005	031205000706	100	B00	TO	9.2	HO	8.75	SI	8		3	1	25.95	7720501	Răng - Hàm - Mặt
986	14011654	HÀ THU NGUYỆT ANH	12/11/2005	014305003453	100	B00	TO	8.6	HO	8.75	SI	8.75		2	1	26.23	7720501	Răng - Hàm - Mặt
987	01021896	LÊ GIA ĐỨC ANH	23/10/2005	001205021778	100	B00	TO	8.8	HO	7.5	SI	8.75		3	3	27.05	7720501	Răng - Hàm - Mặt
988	25015136	LƯU NGỌC ANH	28/09/2005	036305005911	100	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	9.25		2NT	1	25.99	7720501	Răng - Hàm - Mặt
989	21014730	NGUYỄN CHÂU ANH	08/02/2005	030305013190	100	B00	TO	7.6	HO	9.5	SI	8.25		2	1	25.51	7720501	Răng - Hàm - Mặt
990	30010539	NGUYỄN LÊ QUỲNH ANH	31/10/2005	042305002991	100	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	9.25		2NT	1	25.99	7720501	Răng - Hàm - Mặt
991	11001015	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	20/08/2005	006305004524	100	B00	TO	8.8	HO	9	SI	7.75		1	1	26	7720501	Răng - Hàm - Mặt
992	01063159	NGUYỄN THỊ MAI ANH	08/11/2005	001305049750	100	B00	TO	8.6	HO	9.5	SI	7.5		2	1	25.75	7720501	Răng - Hàm - Mặt
993	21006908	TRẦN THỊ CHÂU ANH	11/09/2005	030305013818	100	B00	TO	8.2	HO	9	SI	9		2NT	1	26.45	7720501	Răng - Hàm - Mặt
994	01016608	NGUYỄN TUẤN BÌNH	29/03/2005	036205003758	100	B00	TO	7.4	HO	8.5	SI	8.5		3	3	26.4	7720501	Răng - Hàm - Mặt
995	22003902	ĐÀO THỊ DIỆU CHÂU	17/11/2005	033305007414	100	B00	TO	8.8	HO	9	SI	8.75		2NT	2	26.78	7720501	Răng - Hàm - Mặt
996	17001394	PHẠM HUYỀN CHI	13/10/2005	022305003743	100	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	8.75		2NT	2	26.13	7720501	Răng - Hàm - Mặt
997	26015852	VŨ THỊ KIM CHI	05/01/2005	034305005866	100	B00	TO	8	HO	8.75	SI	9		2NT	2	26.03	7720501	Răng - Hàm - Mặt
998	25018718	NGUYỄN THÀNH DANH	11/07/2005	036205014421	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	9.75		2NT	3	26.69	7720501	Răng - Hàm - Mặt
999	19004497	NGUYỄN THỦY DUNG	07/01/2005	027305009179	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	8.75		2NT	1	25.94	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1000	29004658	LÊ KHẮC DŨNG	19/07/2005	040205018119	100	B00	TO	8.4	HO	7.25	SI	7.25	01	1	4	25.5	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1001	23002768	NGÔ ĐẮC DŨNG	25/07/2005	017205000311	100	B00	TO	8.4	HO	8	SI	7.5	01	1	1	26.14	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1002	21015440	VŨ VĂN DŨNG	22/09/2005	030205012095	100	B00	TO	8.4	HO	8	SI	9		2NT	1	25.71	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1003	15005744	NGÔ MINH ĐỨC	09/08/2005	025205010567	100	B00	TO	9	HO	9.75	SI	7.25		2NT	5	26.27	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1004	23000164	PHẠM NGỌC ĐỨC	01/03/2005	017205000414	100	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	9.25		1	3	26.76	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1005	17014192	NGÔ THỊ NINH GIANG	12/01/2005	022305002543	100	B00	TO	8.6	HO	8	SI	8.75		2	2	25.51	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1006	03019515	TRỊNH QUỲNH GIANG	10/09/2005	031305004686	100	B00	TO	9.2	HO	9	SI	8		3	1	26.2	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1007	09002574	LỘC THỊ THU HÀ	10/05/2005	008305008229	100	B00	TO	7.8	HO	7.25	SI	7.75	01	1	1	25.44	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1008	14001278	ĐÀO THỊ HẢI	22/04/2005	014305003111	100	B00	TO	7.8	HO	8.5	SI	9		1	3	25.77	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1009	09000319	HOÀNG TRUNG HẢI	25/05/2005	008205000098	100	B00	TO	7.8	HO	8.75	SI	8.75		1	2	25.77	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1010	26016710	PHẠM THỊ HIỀN	14/06/2005	034305005271	100	B00	TO	7.6	HO	8.75	SI	9		2NT	1	25.66	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1011	01023587	NGUYỄN TRUNG HIẾU	17/10/2005	001205033994	100	B00	TO	8.2	HO	9	SI	8.25		3	3	25.45	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1012	27002995	NGUYỄN PHƯƠNG HOA	24/02/2005	037305002899	100	B00	TO	9	HO	9	SI	8		2NT	3	26.27	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1013	01018426	LÊ THỊ MỸ HÒA	13/10/2005	001305023888	100	B00	TO	8.8	HO	7.75	SI	8		3	1	26.55	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1014	25011007	VŨ THỊ MINH HUỆ	16/04/2004	036304005331	100	B00	TO	8.4	HO	8.25	SI	9		2NT	1	25.94	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1015	28018960	NGUYỄN NGỌC HUY	26/05/2005	038205006348	100	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	8		2NT	2	25.47	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1016	19008511	TRẦN QUANG HUY	29/04/2005	027205002621	100	B00	TO	8.8	HO	7.75	SI	9		2NT	2	25.85	7720501	Răng - Hàm - Mặt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1017	10008116	BÙI NGỌC HUYỀN	14/06/2005	020305000123	100	B00	TO	7.6	HO	7.75	SI	8.5	01	1	3	26.11	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1018	19016368	BÙI THỊ HUYỀN	15/09/2005	027305008625	100	B00	TO	8.6	HO	8	SI	9.25		2NT	1	26.13	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1019	16011275	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	05/08/2005	026305012318	100	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	8		2NT	2	25.47	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1020	10004435	NGUYỄN MINH HUYỀN	04/02/2005	020305005138	100	B00	TO	7.8	HO	8.5	SI	8.25	01	1	2	26.55	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1021	24000154	LẠI LAN HƯƠNG	13/10/2005	035305001699	100	B00	TO	8	HO	8.25	SI	8.75		2	2	26.17	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1022	17012975	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	24/01/2005	022305009468	100	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	8.5		2	2	25.8	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1023	18001282	NGUYỄN THẢO HƯƠNG	10/12/2004	024304003368	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	8.5	06b	1	3	26.47	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1024	03014473	LƯƠNG THANH HƯỜNG	13/11/2005	031305007282	100	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	8.5		3	1	25.65	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1025	01001875	NGUYỄN HỮU KHANG	12/10/2005	001205014521	100	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	9		3	2	26.1	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1026	01016937	ĐINH NGỌC KHUÊ	08/03/2004	001304024536	100	B00	TO	7.4	HO	7.5	SI	8.75		3	3	26.65	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1027	24000174	PHẠM THU LÊ	18/11/2004	035304001507	100	B00	TO	7.6	HO	9.5	SI	8.25		2	2	25.51	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1028	29008821	CHU THỊ KHÁNH LINH	16/11/2005	040305019420	100	B00	TO	8.6	HO	8.25	SI	9		2NT	1	26.13	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1029	17007530	ĐẶNG KHÁNH LINH	12/03/2005	022305007644	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	9		2	5	26.04	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1030	01020035	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	08/04/2005	001305002630	100	B00	TO	8	HO	8.25	SI	8.75		3	1	26	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1031	25018931	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	14/05/2005	036305013846	100	B00	TO	8.6	HO	9	SI	8.75		2NT	1	26.59	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1032	62001290	PHẠM KHÁNH LINH	28/01/2005	011305000036	100	B00	TO	8	HO	8.5	SI	9		2	2	25.65	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1033	27007376	PHẠM THỊ PHƯƠNG LINH	06/09/2005	037305002351	100	B00	TO	8.6	HO	8	SI	9		2NT	1	25.89	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1034	01012181	TRẦN MAI LINH	12/12/2005	001305045211	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	8.5		3	4	25.4	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1035	01087322	TRẦN CÔNG LÝ	10/07/2005	001205040981	100	B00	TO	8	HO	8.5	SI	9.25		2	1	25.89	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1036	28035775	LÊ NGỌC MAI	24/06/2005	038305027800	100	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	8.5		2NT	1	26.31	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1037	21001945	NGUYỄN THANH MAI	19/01/2005	030305013522	100	B00	TO	7.6	HO	8.5	SI	9.5		2NT	2	25.89	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1038	19006639	NGÔ ĐỨC MẠNH	25/09/2005	027205008449	100	B00	TO	8.4	HO	8.5	SI	8.75		2	1	25.8	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1039	03012993	DOÃN TRỌNG NAM	10/02/2004	038204008018	100	B00	TO	8.2	HO	8.75	SI	9		3	1	25.95	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1040	27000848	VŨ NGỌC NAM	12/01/2005	037205003105	100	B00	TO	8.6	HO	8.25	SI	8.75		2NT	1	25.89	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1041	01076159	NGÔ THỊ HẢI NGÂN	02/12/2005	001305055469	100	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	9.25		2	1	26.47	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1042	25013689	BÙI CHUNG NGUYÊN	08/03/2005	036205008711	100	B00	TO	8.4	HO	9.25	SI	8		2NT	3	25.94	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1043	01012938	ĐẶNG HẢI PHONG	05/04/2005	001205002845	100	B00	TO	7.4	HO	8.75	SI	9.25		3	9	25.4	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1044	24002810	NGUYỄN TÚ QUYÊN	24/11/2005	035305006555	100	B00	TO	8	HO	8.75	SI	9		2NT	3	26.03	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1045	24005008	TRẦN THỊ MỸ TÂM	23/02/2005	035305007244	100	B00	TO	7.6	HO	8.25	SI	9.5		2NT	1	25.66	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1046	01058766	HOÀNG THỊ THẢO	28/08/2005	025305012026	100	B00	TO	7.8	HO	7	SI	8.5	01	1	1	25.76	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1047	03002368	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	06/03/2005	031305005627	100	B00	TO	8.4	HO	9	SI	9.25		2	2	26.76	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1048	07002165	PHAN VĂN THẮNG	05/07/2004	015204002841	100	B00	TO	7.6	HO	9.25	SI	8.75		1	2	26.04	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1049	26017058	TRẦN THỊ THU THỦY	29/04/2005	034305005939	100	B00	TO	8.6	HO	8.75	SI	9		2NT	1	26.59	7720501	Răng - Hàm - Mặt

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTUT	KVUT	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1050	25007088	TRẦN THU THỦY	20/07/2005	036305010995	100	B00	TO	8.2	HO	8.5	SI	9.75		2NT	2	26.69	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1051	06001211	BẾ THỊ ANH THU	13/06/2005	004305000466	100	B00	TO	8	HO	8	SI	9	01	1	2	26.83	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1052	19002366	LÊ HOÀI THƯƠNG	24/03/2005	027305006258	100	B00	TO	8.6	HO	7.5	SI	9.75		2	2	25.99	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1053	10000390	NGUYỄN HUY TIỆP	28/02/2005	020205007100	100	B00	TO	8.6	HO	8.25	SI	9		1	3	26.27	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1054	25012078	BÙI ĐỨC TOÀN	06/03/2005	036205000648	100	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	8.75		2NT	1	26.13	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1055	28019263	LÊ HƯƠNG TRÀ	07/09/2005	038305007103	100	B00	TO	8.4	HO	8.75	SI	8.75		2NT	1	26.17	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1056	21020648	ĐỒNG THỊ THÙY TRANG	07/04/2005	030305013483	100	B00	TO	8.8	HO	9	SI	9.25		2NT	2	27.25	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1057	16003659	LÊ HUYỀN TRANG	13/12/2005	026305000702	100	B00	TO	8.8	HO	8.75	SI	9		2NT	3	26.78	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1058	22007823	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	16/12/2005	033305006569	100	B00	TO	8.6	HO	8.75	SI	8.5		2NT	2	26.13	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1059	22004996	NGUYỄN THỊ THU TRANG	01/02/2005	033305007516	100	B00	TO	8.2	HO	8.75	SI	9.25		2NT	1	26.45	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1060	16010407	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	22/05/2005	026305009386	100	B00	TO	8.4	HO	8.25	SI	9		2NT	3	25.94	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1061	13004173	PHẠM THU TRANG	19/10/2004	015304001146	100	B00	TO	8.2	HO	9.25	SI	7.5		1	2	25.46	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1062	19009694	NGUYỄN QUANG THANH TRUNG	18/03/2005	027205000342	100	B00	TO	8.8	HO	8.25	SI	9.5		2NT	3	26.78	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1063	21007979	NGUYỄN THƯƠNG TRƯỜNG	09/05/2004	030204010292	100	B00	TO	8.2	HO	9	SI	8		2NT	1	25.52	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1064	03014068	NGUYỄN TRUNG LÂM TUẤN	20/12/2005	030205003360	100	B00	TO	8	HO	9	SI	9.25		3	1	26.25	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1065	21007991	PHÙNG ĐỨC TUẤN	28/12/2005	030205002613	100	B00	TO	8.6	HO	8.5	SI	8.5		2NT	1	25.89	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1066	21002204	TRẦN ANH TUẤN	19/01/2005	030205013500	100	B00	TO	8.2	HO	9	SI	8.5		2NT	1	25.99	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1067	01019238	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	14/07/2005	038205000556	100	B00	TO	8.2	HO	9	SI	9		3	1	26.2	7720501	Răng - Hàm - Mặt
1068	03001958	ĐÀO HOÀNG AN	14/09/2005	031205001656	100	B00	TO	6.6	HO	7.75	SI	8.75		2	1	23.33	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1069	21014721	LÊ LAN ANH	26/10/2005	030305000666	100	B00	TO	8.4	HO	8.25	SI	8.25		2	1	25.07	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1070	28018758	LÊ NGỌC ANH	04/04/2005	038305027355	100	B00	TO	8.2	HO	7	SI	7.25		2NT	2	22.95	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1071	03003171	LƯU THỊ QUỲNH ANH	23/03/2005	031305011474	100	B00	TO	7.8	HO	8	SI	7.75		1	3	24.2	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1072	21004964	NGUYỄN KHẮC TUẤN ANH	29/01/2005	030205005671	100	B00	TO	8.2	HO	7.75	SI	7.75		2NT	3	24.12	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1073	03010057	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	31/08/2005	031305012469	100	B00	TO	7.6	HO	8	SI	8		2	1	24.81	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1074	03019960	NGUYỄN TRANG ANH	16/06/2005	031305011940	100	B00	TO	7.8	HO	8.5	SI	7.5		3	2	23.8	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1075	22003579	NGUYỄN VIỆT ANH	20/04/2005	033205001832	100	B00	TO	7.4	HO	7.5	SI	7.75		2NT	3	23.14	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1076	28013683	PHẠM HÙNG ANH	12/05/2004	038204004415	100	B00	TO	8	HO	7.5	SI	8		1	1	24.15	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1077	26012919	PHẠM PHƯƠNG ANH	02/08/2004	034304009109	100	B00	TO	7.6	HO	7	SI	8.25		2NT	3	23.33	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1078	03013464	TRẦN CÔNG ANH	09/03/2005	034205004171	100	B00	TO	7.8	HO	8.5	SI	8		3	1	24.3	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1079	03008539	TRẦN LÊ PHƯƠNG ANH	04/12/2005	031305007787	100	B00	TO	8.6	HO	8	SI	6.75		2	3	23.57	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1080	25000603	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	25/01/2005	036305013977	100	B00	TO	8	HO	7.25	SI	7.5		2	4	22.99	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1081	21015388	VŨ HOÀNG NGỌC ANH	31/08/2005	030305010849	100	B00	TO	7.6	HO	7.75	SI	7.5		2NT	4	23.33	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1082	03020030	CHÔNG THỊ MINH CHÂU	30/06/2005	031305002096	100	B00	TO	8	HO	7.75	SI	7		3	3	22.75	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU T	KVU T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1083	21013667	BÙI THẢO CHI	07/04/2005	030305009659	100	B00	TO	7.2	HO	7.75	SI	8		2	8	23.19	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1084	17008935	DƯƠNG ĐÀO LINH CHI	22/07/2005	022305000828	100	B00	TO	7.6	HO	7.25	SI	8.75		2	3	23.81	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1085	26000818	TRẦN QUỲNH CHI	14/10/2005	034305007990	100	B00	TO	7.4	HO	7.75	SI	7.75		2	5	23.14	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1086	03019352	TRỊNH XUÂN THÀNH CÔNG	16/03/2005	031205004467	100	B00	TO	7.8	HO	7.25	SI	7.75		3	2	22.8	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1087	22010337	LƯƠNG ĐÌNH DŨNG	22/03/2005	033205006763	100	B00	TO	8	HO	8	SI	8		2NT	1	24.4	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1088	21006358	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	27/07/2005	030205005661	100	B00	TO	7.4	HO	8.25	SI	7.75		2NT	2	23.84	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1089	01039156	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	11/12/2005	001205035637	100	B00	TO	7.4	HO	8.5	SI	8.25		2	1	24.35	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1090	28029578	ĐOÀN VĂN ĐỨC	18/12/2005	038205025081	100	B00	TO	7.4	HO	8	SI	7		1	1	23.15	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1091	21005125	NGUYỄN MINH ĐỨC	07/07/2005	030205004111	100	B00	TO	7.6	HO	8.5	SI	8.5		2NT	3	24.96	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1092	03019530	NGUYỄN NGỌC HÀ	23/02/2005	031305013263	100	B00	TO	7.4	HO	8	SI	7.5		3	1	22.9	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1093	21017764	BÙI NAM HẢI	02/09/2005	030205011136	100	B00	TO	7.8	HO	8.25	SI	8.5		2	1	24.73	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1094	25014706	TRẦN ĐỨC HẢI	26/10/2005	036205014622	100	B00	TO	8.2	HO	7.5	SI	7.5		2NT	5	23.65	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1095	22004401	NGUYỄN XUÂN HẬU	02/06/2005	033205008023	100	B00	TO	7.8	HO	8	SI	8.5		2NT	3	24.68	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1096	21000187	VŨ THỊ HIỀN	09/07/2005	030305008208	100	B00	TO	7.8	HO	8.25	SI	7.5		2NT	1	23.98	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1097	16001447	HOÀNG HỮU HIỆP	26/07/2005	026205004584	100	B00	TO	7.6	HO	9	SI	7.5		2	5	24.3	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1098	22000113	NGÔ VĂN HIẾU	29/06/2005	033205000318	100	B00	TO	7.4	HO	7.5	SI	8.5		2	1	23.62	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1099	22000541	PHẠM MINH HIẾU	31/07/2005	033205003087	100	B00	TO	7.8	HO	7.25	SI	8		2	5	23.28	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1100	21008864	NGUYỄN THỊ KIM HUỆ	24/09/2005	030305005713	100	B00	TO	8.2	HO	8.25	SI	8		2NT	3	24.82	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1101	21001824	VŨ THỊ HUỆ	17/05/2005	030305014319	100	B00	TO	8	HO	8	SI	8.25		2NT	2	24.63	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1102	17012955	ĐÀM KHÁNH HUYỀN	28/10/2005	022305004284	100	B00	TO	7.2	HO	7.75	SI	8.5		2	6	23.67	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1103	21000224	VŨ THỊ HUYỀN	12/06/2005	030305011134	100	B00	TO	7.6	HO	7.75	SI	7.5		2NT	8	23.33	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1104	21009858	VŨ THỊ THU HUYỀN	22/03/2005	030305011601	100	B00	TO	7.4	HO	7.75	SI	8		2NT	2	23.61	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1105	03018080	LÊ QUANG HÙNG	03/05/2005	031205019069	100	B00	TO	8.4	HO	8.25	SI	7.5		3	1	24.15	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1106	03022224	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	28/03/2005	031305006402	100	B00	TO	7.2	HO	7.75	SI	9		3	1	23.95	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1107	03009412	NGUYỄN XUÂN HUÔNG	13/07/2005	031205010182	100	B00	TO	8	HO	8.25	SI	7.5		2	1	23.96	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1108	15015551	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	23/03/2005	025305006809	100	B00	TO	7	HO	6.5	SI	7.25	01	1	1	23.5	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1109	03012885	LÊ MAI KHANH	04/05/2005	031305004227	100	B00	TO	7.8	HO	7.5	SI	8		3	2	23.3	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1110	13007801	NGUYỄN LONG KHÁNH	27/03/2005	015205000218	100	B00	TO	7.6	HO	7.5	SI	7.5		1	6	23.34	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1111	19010122	NGUYỄN ĐẮC KIÊN	01/12/2005	027205011091	100	B00	TO	8	HO	8	SI	7		2NT	1	23.47	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1112	25016135	BÙI ANH KIẾT	28/06/2005	036205007993	100	B00	TO	7	HO	7.75	SI	8		2NT	2	23.23	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1113	24000643	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN	01/10/2005	035305000555	100	B00	TO	7.6	HO	7.75	SI	7.5		2	2	23.09	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1114	25019580	NGUYỄN THANH LỊCH	01/01/2005	036205007133	100	B00	TO	8.4	HO	7.75	SI	7.5		2NT	2	24.07	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1115	06001128	HOÀNG THỊ LIÊN	16/01/2005	004305000272	100	B00	TO	7.6	HO	6.75	SI	6	01	1	3	23.1	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1116	17002473	NGUYỄN HƯƠNG LIÊN	14/06/2005	034305014056	100	B00	TO	6.8	HO	7.5	SI	8		1	4	23.05	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1117	03018208	HỨA KHÁNH LINH	09/02/2005	031305015907	100	B00	TO	7.8	HO	7.5	SI	7.5		3	3	22.8	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1118	17015270	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	04/10/2005	022305002447	100	B00	TO	8	HO	7.5	SI	7.5		2	1	23.23	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1119	16006335	TRẦN THỊ DIỆU LINH	09/09/2005	026305003952	100	B00	TO	7.6	HO	7.75	SI	7.5		2NT	1	23.33	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1120	25005734	NGUYỄN DƯƠNG LỘC	14/10/2005	036305012226	100	B00	TO	7	HO	8	SI	8.25		2NT	2	23.7	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1121	08003912	PHÙNG THANH MAI	18/01/2005	010305000244	100	B00	TO	7.4	HO	8.75	SI	7.5		2	2	23.86	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1122	16005010	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	07/09/2005	026205006989	100	B00	TO	7.2	HO	8	SI	7.75		2NT	4	23.42	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1123	03018658	VŨ HẢI MINH	22/02/2005	030305002032	100	B00	TO	7.6	HO	8.25	SI	7.75		3	6	23.6	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1124	01065223	DƯƠNG HÀ MY	01/01/2005	025305006281	100	B00	TO	7.6	HO	6.25	SI	7	01	1	3	23.6	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1125	25009086	HOÀNG THỊ TRÀ MY	05/02/2005	036305004678	100	B00	TO	7	HO	8	SI	7.75		2NT	2	23.23	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1126	03018781	NGUYỄN THỊ MINH NHÃ	31/10/2005	031305001188	100	B00	TO	7.6	HO	6.75	SI	9		3	1	23.35	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1127	03015311	NGUYỄN THANH NHÀN	08/06/2005	031305002646	100	B00	TO	7.8	HO	7.5	SI	8.25		3	1	23.55	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1128	64005730	TRẦN TỬ NHÂN	22/09/2005	089305003366	100	B00	TO	7.4	HO	7.5	SI	7	06a	2	1	23.15	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1129	21021716	VŨ THỊ TRANG NHUNG	20/03/2005	030305014662	100	B00	TO	7.4	HO	8.25	SI	7.75		2NT	1	23.84	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1130	16006446	NGUYỄN THỊ NINH	22/08/2005	026305002051	100	B00	TO	8	HO	7.75	SI	7.5		2NT	5	23.7	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1131	26000466	NGUYỄN NGỌC OANH	12/12/2003	034203001464	100	B00	TO	7.8	HO	7.25	SI	7.75			4	22.8	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1132	21000364	NGUYỄN QUANG PHÚC	14/11/2005	030205016380	100	B00	TO	7.2	HO	8.75	SI	7.25		2NT	3	23.65	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1133	23005962	BÙI VIỆT QUANG	20/11/2005	017205009133	100	B00	TO	7.4	HO	7	SI	7.25	01	1	6	24.4	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1134	16006477	TRẦN HỒNG QUÂN	16/09/2005	026205011480	100	B00	TO	7.8	HO	7	SI	7.5		2NT	9	22.8	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1135	19006729	TRẦN MINH QUÂN	30/08/2005	027205002081	100	B00	TO	8.2	HO	6.5	SI	8		2	7	22.94	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1136	03005715	ĐÀO NGỌC QUYÊN	16/02/2005	031305002581	100	B00	TO	7.8	HO	8	SI	8.75		2	1	24.73	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1137	22012787	NGUYỄN THỊ QUYÊN	12/02/2005	033305003923	100	B00	TO	8	HO	6.75	SI	7.75		2NT	1	23	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1138	08006466	CHÁO VĂN QUYÊN	17/01/2005	010205007305	100	B00	TO	7.2	HO	7.25	SI	6.5	01	1	7	23.7	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1139	03005723	ĐỖ THÚY QUỲNH	17/11/2005	031305004835	100	B00	TO	8.4	HO	7.25	SI	8.25		2	2	24.1	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1140	03022553	ĐOÀN MINH TÂM	22/01/2005	031205006578	100	B00	TO	8	HO	8	SI	8		3	3	24	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1141	16001115	NGUYỄN HỒNG THÁI	16/05/2005	026205009899	100	B00	TO	8	HO	7.5	SI	7.25		2	2	22.99	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1142	21015242	LÊ PHƯƠNG THẢO	10/01/2004	030304004102	100	B00	TO	8.2	HO	7	SI	8		2	4	23.43	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1143	21021819	NGUYỄN VĂN THỊNH	14/07/2005	030205000634	100	B00	TO	7.2	HO	7.25	SI	8.5		2NT	1	23.42	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1144	21021833	HOÀNG THU THỦY	11/08/2005	030305002373	100	B00	TO	8.6	HO	7.5	SI	7.75		2NT	3	24.26	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1145	26014624	BÙI THỊ ANH THU	24/08/2005	034305004602	100	B00	TO	8	HO	8	SI	7.75		2NT	1	24.17	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1146	17005019	TRẦN THỊ ANH THU	31/03/2005	022305001839	100	B00	TO	8.6	HO	7.75	SI	7.75		2	1	24.3	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1147	26005699	TÔ VĂN TOÀN	23/09/2005	034205005032	100	B00	TO	7.8	HO	7	SI	7.5		2NT	7	22.8	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1148	25007106	BÙI THỊ THU TRANG	22/05/2005	036305010770	100	B00	TO	7.8	HO	7.25	SI	8		2NT	3	23.51	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/CCCD	Mã PTX T	Mã TH M	Môn 1		Môn 2		Môn 3		ĐTU' T	KVU' T	Thứ tự NV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1149	01074813	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	11/12/2005	001305053322	100	B00	TO	7.2	HO	7.75	SI	8.5		2	2	23.67	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1150	15011994	NGUYỄN THỊ TRANG	25/10/2005	025305010192	100	B00	TO	8.4	HO	7.5	SI	7.25		2NT	1	23.61	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1151	21009245	NGUYỄN THÙY TRANG	16/03/2005	030305008717	100	B00	TO	7.8	HO	7.75	SI	8.25		2NT	1	24.21	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1152	21015301	HỒ THỊ TRÚC	18/02/2005	030305012424	100	B00	TO	8	HO	8	SI	7.25		2	4	23.48	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1153	13000295	MAI THU UYÊN	12/11/2005	015305009566	100	B00	TO	8	HO	7.75	SI	8		2	1	23.96	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1154	25004747	TRẦN TỬ UYÊN	08/11/2005	036305001881	100	B00	TO	7.4	HO	7.5	SI	8		2NT	2	23.37	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1155	25015872	LÊ THỊ HỒNG VÂN	29/10/2005	036305005407	100	B00	TO	7	HO	7.25	SI	8.5		2NT	3	23.23	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1156	26007832	NGUYỄN TIẾN VINH	27/02/2005	034205004513	100	B00	TO	7.8	HO	7.25	SI	7.75		2NT	1	23.28	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
1157	30014584	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	16/04/2005	042305012530	100	B00	TO	7.6	HO	7.25	SI	7.5		2NT	5	22.85	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học

Tổng số 1157 thí sinh trúng tuyển, trong đó:

- 174 thí sinh trúng tuyển ngành Y khoa (A);
- 346 thí sinh trúng tuyển ngành Y khoa (B);
- 30 thí sinh trúng tuyển ngành Y học dự phòng;
- 89 thí sinh trúng tuyển ngành Y học cổ truyền;
- 67 thí sinh trúng tuyển ngành Dược học (A);
- 68 thí sinh trúng tuyển ngành Dược học (B);
- 35 thí sinh trúng tuyển ngành Dược học (D);
- 172 thí sinh trúng tuyển ngành Điều dưỡng;
- 86 thí sinh trúng tuyển ngành Răng - Hàm - Mặt;
- 90 thí sinh trúng tuyển ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học.

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PGS.TS. Nguyễn Văn Khải